

Thuốc
SẢN LÀI



TELMIN *thị*
LAI ĐUA LẠI
thơm - ngon.

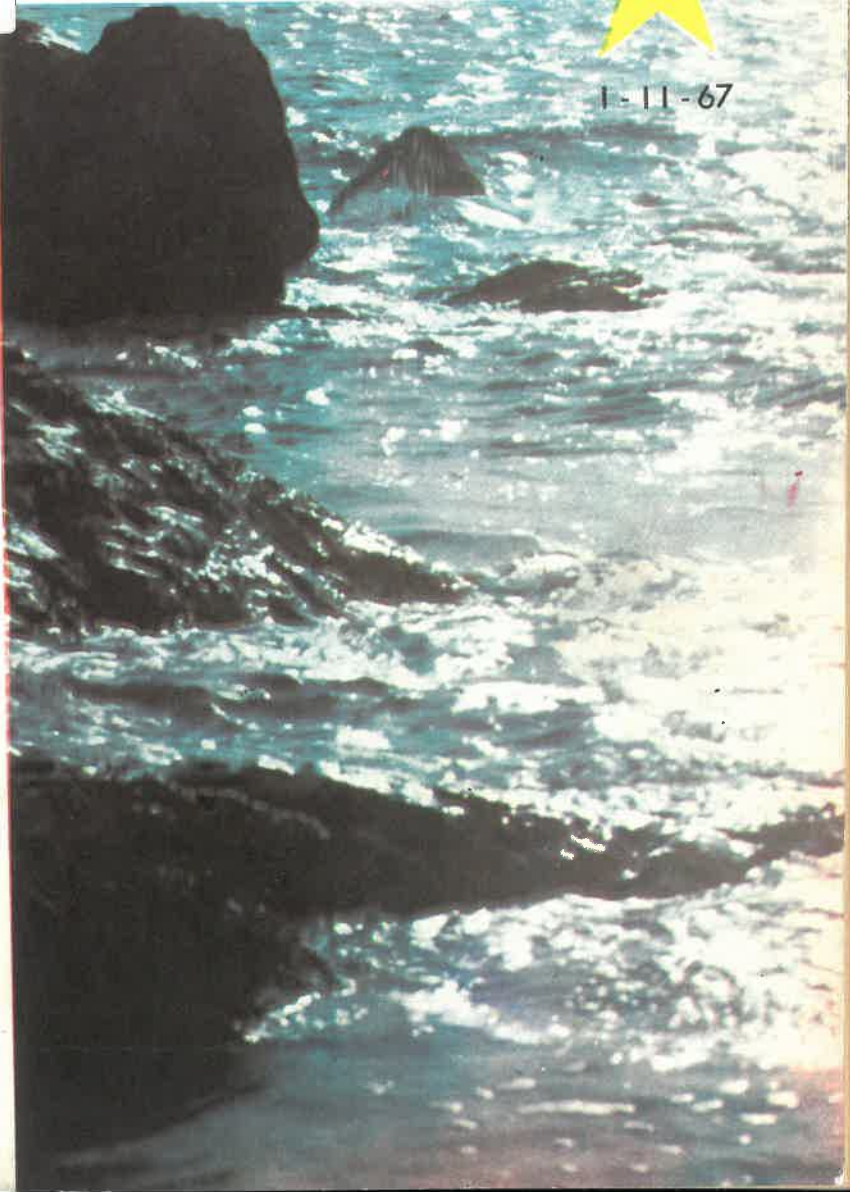
573 BYT 20-TJ-63

PHỔ THÔNG

95 P57
p-chí. Văn-Hóa ra ngày 1 và 15
Giám-đọc : **NGUYỄN-VỸ**

V.10 #
202

1-11-67



Y
N
I
E
M
N
A
M
T
H
U
10

☆ MÌNH MÔNG BIỂN CẢ, GÓP SỔNG NGÀN KHƠI ☆ ☆ ☆ ☆ ☆
☆ LƯỚI MUỒN GHỀNH ĐÀ, THĂM NHƯN MUỒN NƠI ☆ ☆ ☆ ☆ ☆

10 câu hỏi giải-trí

của Diệu Huyền

Nhân ngày kỷ niệm *Phổ-Thông* năm thứ 10, chúng tôi thân ái mời bạn đọc vui lòng đáp 10 câu hỏi sau đây của Diệu - Huyền :

1.-- Văn-hóa tổng-quát.

« Em nuôi trống tía, trống vàng,

Nửa đêm dậy gáy kẻ chàng ngủ quên »

Đây là một trong muôn ngàn câu ca dao Việt-Nam lý thú nhất. Nhờ bạn giảng giùm :

1) Tại sao nàng muốn nửa đêm gà gáy cho chàng thức dậy, sợ chàng ngủ quên ?

2) Tại sao nàng không gọi chàng dậy, mà lại phải nuôi gà đờ gà gáy ?

2. - Xin bạn giảng nghĩa câu ca dao thứ hai :

« Nhong nhong ngựa ông đã về

Cắt cỏ Bồ-đề cho ngựa ông ăn »

Ngựa ông là ông nào ? Tên gì ?

Cỏ Bồ-đề là cỏ gì ? Ông đi đâu ông về ?

Tại sao có câu ca dao đó ?

Xin giảng rõ 5 câu hỏi trên.

3. - Xin đổi câu này (đổi thật sát)

« Vợ cả vợ hai, hai vợ đều là vợ cả »

4.— Văn học Việt-Nam

Người đàn bà Việt-Nam đầu tiên viết tiểu thuyết, tên là gì ?
Viết tại đâu ? Quyền tiểu thuyết tên là gì ?

5.— Văn-học quốc-tế

Nhà thơ lừng danh thế giới, tác giả một tập thơ lãng-mạn rất hay, nhưng không phải chính ông là tác giả. Tên ông là gì ?

6.— Lịch sử Việt-Nam

« ... Nếu cử người ra giúp nước, tôi xin cử Trung-Tá »
Xin bạn cho biết :

- 1) Ai nói câu lịch sử ấy ?
- 2) Người ấy nói với ai ?
- 3) Trung-Tá tên là gì ?

7.— Lịch-sử Thế-giới

Người Mỹ đổ bộ trên đất Nhật-bồn lần đầu tiên, năm nào ?
Tên người ấy là gì ?

8— Khoa-học hiện-đại

Ngôi sao xa nhất trên vũ-trụ không gian hiện nay tên là gì ?
Cách xa quả đất mấy triệu hay mấy tỷ năm ánh-sáng ? Ai khám phá ra nó ?

9.— Toán

Nhân ngày kỷ niệm Phồ-Thông năm thứ 10, 5 nhân viên tòa-
soạn : cậu Phước, chú Hoàng-Thắng, chú Lan-Đình, cô Thu-Mai, cô
Thu-Hồ, rủ Diệu-Huyền qua nhà cô Tám hột-vịt-lộn bên hàng xóm
để làm bữa tiệc hột vịt lộn. Như thế là 6 người cả thầy (kề cả

Diệu-Huyền). D.H. bảo cô Tám có bao nhiêu hột vịt lộn và rau
răm, muối tiêu, đem hết ra đây. Cô Tám bưng ra một rổ trứng vừa
luộc xong, hãy còn nóng hổi. Nhưng thông thả, Diệu-Huyền muốn
chia cho mỗi người mỗi phần riêng như sau đây :

Cậu Phước : một nửa số trứng đó, thêm cho cậu một nửa cái
trứng.

Chú Hoàng-Thắng : một nửa số trứng còn lại, thêm cho chú
một nửa cái trứng

Chú Lan-Đình : một nửa số thứ ba còn lại, cũng thêm cho chú
một nửa cái trứng.

Cô Thu-Hồ : một nửa số thứ tư còn lại, cũng thêm cho cô một
nửa cái trứng,

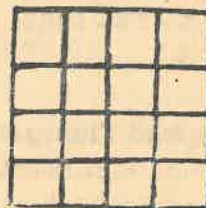
Cô Thu-Mai : một nửa số thứ năm còn lại, cũng thêm cho cô một
nửa cái trứng,

Diệu-Huyền : còn một nửa cuối cùng, thêm một nửa cái trứng,
Thế là vừa hết cả rổ trứng, chẳng còn cái nào.

Xin phân bua rõ ràng, có 5 bạn kia làm chứng, là trong lúc
chia cả những cái lè đó, Diệu-Huyền không phải cắt đôi một cái
trứng nào. Vậy Huyền xin đố các bạn : tổng cộng số hột vịt lộn mà
Huyền chia cho 6 nhân viên tòa soạn Phồ-Thông, (kề cả D.Huyền)
là bao nhiêu ? Và mỗi người được mấy cái hột-vịt-lộn ?

10.— Thường-thức

Bạn đặt 4 liên số sau đây :



428, 198, 612, 729

trong 16 ô bên đây, cách nào
mà cộng theo chiều dọc và
chiều ngang đều thành ra số
1967. (năm thứ 10 của Phồ-
Thông tạp-chi).

Diệu-Huyền xin thân ái tặng các bạn nào đáp trúng những giải thưởng tương trưng sau đây :

Đáp trúng câu thứ 1	—	6	tháng	báo	Phồ-Thông
« 2	—	6	»	»	
« 3	—	9	»	»	
« 4	—	9	»	»	
« 5	—	12	»	»	
« 6	—	12	»	»	
« 7	—	9	»	»	
« 8	—	9	»	»	
« 9	—	3	»	»	
« 10	—	1	»	»	

Đĩ nhiên ai đáp trúng nhiều câu thì trúng nhiều giải thưởng.

Thĩ-dũ : trúng câu thứ 10 và câu thứ 3 thì được 10 tháng báo P.T.

Đặc-biệt : Ai đáp trúng cả 10 câu : Xin tặng 10 năm báo Phồ-Thông

Hạn nhận những câu đáp
(Theo đầu ngày gửi bưu điện
đóng trên phong bì) 1 - 12 - 1967

Sẽ trả lời những câu đáp và
đăng danh-sách những bạn

trúng giải : 1-1-1968 (Phồ-Thông số 206)



Những bài gác qua

số sau (203)

Vì nhiều bài quá, không kịp đăng hết trong số này, nên chúng tôi đành phải đăng vào số tới những bài rất có giá trị của quý bạn sau đây :

● Vi-huyền-Đắc, Nông-Bằng-Giang (Tokyo), Công-tôn nữ-Thanh-Nhung (California), Đỗ-quí-Bái (California), Hoàng-Thắng, Thượng - Toạ Thích-Phước-Quang, Hoà-Thương, Tin-Khanh, Phùng-Lê-Ánh (Manila) Lê-ngọc-Trũ, Mach-Quẽ-Hương, Thu-Minh, Thầm.Thệ-Hà, Tống-Minh-Phụng, Lâm-Mộng-Oanh, Ái-Lan, Trọng-Tấu, Thanh-Việt Thanh, Phan thị Thu-Mai, Tân-Phong, Diệu-Huyền, Nguyễn Vỹ, Tuyết-Nguyệt (HongKong). (Những bài của quý bạn ở Quốc-ngoại gửi về, nhận được hơi trễ).

● Và cũng gác lại số sau nhiều bài tiếp theo số 201 :

Truyện dài «Thu Hiên»	Phan thị Thu-Mai
Kamikazé	Tân-Phong
Xã thuyết	N.V
Con mèo điều tra	Từ-trầm-Lệ
Câu tục ngữ (truyện ngắn)	Chu-Minh-Thuy
4000 năm ca dao	Diệu.Huyền
Thĩ sĩ Illya Ihrembourg	N.V.
Rất nhiều thơ mừng P.T.	quý bạn đọc
Đáp bạn bốn phương	D.H.

Xin quý bạn văn-nghệ thân ái và quý bạn đọc lượng, tình thông cảm.

Vạn tạ.
Phồ-Thông

PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHAN XÂY DỰNG VĂN HOÀ VIỆT NAM
PHÓ BIÊN VĂN HOÀ ĐÔNG TÂY KIM CÔ

Giám-đọc, Chủ-bút : Nguyễn - Vỹ

Tòa-soạn : 231, đường Phạm-Ngũ-Lão, Saigon — Đ.T. 25.861

NĂM THỨ X SỐ 202 * 1 11 - 1967

1 — 10 Câu hỏi bạn đọc trả lời	D.H.	
2 — Xã thuyết	N.V.	
3 — Hồ-xuân-Hương	D.H.	11 — 19
4 — Viết trong cơn bệnh	Thiếu Sơn	20 — 22
5 — Tình hương Khuê (thơ)	Bà Trương-Phổ	23 — 24
6 — Phong nguyệt vô biên	Vương Hồng Sên	25 — 32
7 — Bức thư Paris	Nguyễn-v-Côn	33 — 40
8 — Họa thơ Tao đàn Bạch-Nga		41 — 48
9 — Châm cứu	B.S, Hoàng-mộng-Lương	49 — 53
10 — Mừng Phổ thông	Bà Song Thu	
	Ng-văn-Côn	54 — 55
11 — Một bộ lịch sử	Ng.tử.Quang	56 — 60
12 — Khoa học huyền bí	Tâm-Trí	61 — 68
13 — Thơ Hỷ Khương	Phương-Đài	69
14 — Trai thời chiến chinh	Lữ Quỳnh	70 — 73
15 — Tóc dài vảy cứt	Tuyết-Hạnh	74 — 80
16 — Nghĩ về tâm ca.	Nguyễn-v-Đậu	81 — 90
17 — Kiếp hoa (thơ)	Ng văn Côn	91

PHỔ-THÔNG — 202

18 — Mười năm khảo cứu không gian	Võ-quang-Yến	92 — 97
19 — Sinh khí văn nghệ	Lan-Đình	98 — 105
20 — Một bài thơ thu	Hoàng-xuân-Hãn	106 — 107
21 — Tuổi chàng trai	N.V	108 — 113
22 — Phê bình tác phẩm	N.V.	114 — 119
23 — Ba tay tha thứ (thơ)	Lệ Quân	120
24 — Chữ Tâm	Đỗ-vàng-Lý	121 — 123
25 — Hoạt động cách mạng	Phạm-v-Son	124 — 127
26 — Tình thương ngang trái (thơ)	Phùng-Lệ-Anh	
	Bồng hòa châu (thơ)	Hồng-Khắc Kim-Mai 128
27 — Xuống dốc	Huỳnh-Khắc-Dung	129 — 132
28 — Quân vương Vĩ hà	Phan thị Thu Mai	133 — 144
29 — Minh ơi !	Diệu-Huyền	145 — 150
30 — Một thi hào da đen	N,V.	151 — 152
31 — Thơ Phan bội Châu		153 — 155
32 — Thơ Việt dịch ra Đức Ngữ	Nguyễn-thị-Hảo	156 — 158
33 — Mini Jape		159 — 160



- Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cáo của bạn đọc, (theo thể-lệ chung của các tạp-chí quốc-tế)
- ★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.
- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỔ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: « Trích tạp-chí PHỔ-THÔNG » và đừng viết tắt.
- ★ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction meme partielle, réservés pour tous pays.
- * Copyright by PHỔ THÔNG, printed in Việt-Nam.

Tổng phát hành PHỔ - THÔNG toàn quốc :
ĐỒNG-NAI 270 Đề-Thám — Saigon

● Tổng-phát-hành PHỔ-THÔNG ở Âu-Châu và Phi-châu
● Notre représentant général pour l'Europe et l'Afrique

■ Our general agent in Europa & Africa
LONG HIỆP

13 Rue de la Montagne Ste Geneviève — PARIS Vè
Vente — abonnements — Publicité)

Phố? Thông Mười Năm
Cảm-nghi,

Mười năm, chỉ mới bước đầu thôi,
Nghệ-đương đang mang kết nạp đời.
Bầu trời nhân-tâm, toàn bỏ mặc,
Ngàn-người biết-hận khó buông trôi.
Trời già muốn dãn, vì cho đời,
Giấc trẻ còn bơ, vẫn cứ bơi.
Lặng lẽ vẫn nở, phường xào trá,
Gắng thặng nhàn-vụ chộn mướn mướn.

Ng. V. V.

HỒ - XUÂN - HƯƠNG

Một nữ Thi-sĩ tài-hoa nhất của
Lịch-sử nhân-loại, sau Sapho

★ NGUYỄN - VỸ

ẶC đầu Jésus Christ, Thích-Ca Mâu-Ni và các đấng sáng lập Tôn-Giáo khác đã để cho người đàn-bà một vai-trò phụ-thuộc trong xã-hội loài người, mặc dầu các nhà triết-học và tư-tưởng Đông, Tây từ xưa đến nay đã đặt cho người đàn-bà một địa-vị thấp kém đối với đàn-ông, người phụ-nữ vẫn luôn luôn chứng tỏ ngay từ nguyên-thủy của lịch-sử nhân loại, rằng họ chẳng thua kém gì đàn ông, và, hơn nữa, họ có đủ uy-thế và tài-năng cai trị và lấn lướt cả đàn ông nữa.

Kể ra danh-tánh những đàn-bà mà sắc-đẹp, tài-trí và hành-động đã làm kinh ngạc thế-giới và

xáo trộn lịch-sử từ thượng-cổ đến nay là một việc làm quá sơ đẳng. Tri-nhớ của mọi người còn ghi đậm những gương mặt rực-rỡ của vô số phụ-nữ siêu-việt làm vinh-quang cho giống người trên khắp các lĩnh vực trí óc và tinh-cảm. Hoặc họ gây



Một người đẹp Bắc-Hà
dưới thời Hồ-x-Hương

ra tai họa đến đổ nước nghiêng
thành.

Dân-tộc Việt-Nam rất hãnh
diện với Lịch sử Rồng Vàng từ

40 thế kỷ. Và suốt giòng Huyết
thống linh thiêng hiền bác của
Long-Nữ Thần-Mẫu đã nổi bật
lên hai gương tài hoa của Nữ
Giới làm rạng rỡ thần lực tâm
tinh và trí óc của giòng-nòi :
TRUNG-TRẮC và HỒ-XUÂN-
HUƠNG. Người trước biểu
đương sức mạnh hùng tráng và
thiết tha của tinh yêu Tổ-Quốc
và yêu chồng, người sau là
tượng trưng thống thiết của
thần thể người phụ nữ và tiên
phong bình quyền của phụ nữ
Việt-Nam, cả phụ nữ thế giới.

Người Việt-Nam đã lỡ mắc
bệnh mặc cảm của một dân tộc
nhỏ yếu. Bên cạnh Trung-Hoa, suốt
trong Lịch sử chúng ta chỉ là
một nước « An-Nam ». Tại vì
chúng ta học chữ của họ, ngâm
thơ của họ, đọc sử của họ, học
cả lễ nghĩa, đạo đức của họ, thờ
các hiền-triết và quý-thần của
họ, nên dân tộc chúng ta bị coi
như một Chư hầu, không hơn
không kém.

Dưới thời Pháp-thuộc cũng
vậy.

Nhưng xét khách - quan thì
Jeanne d'ARC của Pháp đã
không oanh liệt bằng TRUNG-
TRẮC, một GEORGE SAND, gần

đồng thời với HỒ-XUÂN-
HUƠNG, không tài ba lỗi lạc
bằng cô nữ-sĩ Thang-Long, mà
tiếng tăm lừng lẫy của nàng
Pucelle d'Orléans và của tác
giả *La Mare au Diable* lại được
cả thế giới chiêm phục, còn vị
Nữ anh hùng *Mé-linh*, và nữ-sĩ tài
ba họ Hồ, cả hai đều độc-nhất
vô-nhị trong Lịch-sử các dân
tộc và các Văn-học thế giới, thì
ít ai biết đến.

Người ngoại quốc có ý niệm
về sự hãnh diện quốc gia của
họ, và luôn luôn đề cao các
danh nhân của họ cho cả thế
giới biết. Họ viết vô số những
sách báo đề phổ biến thường
xuyên, từ thế hệ này đến thế hệ
khác, những anh-hùng, chí-sĩ,
văn-nhân, thi-sĩ, nghệ-sĩ, danh-
nhân của họ, từ Vercingétorix,
Jeanne d'Arc, Napoléon, đến
Thống chế Joffre, từ nhà thơ
Ronsard đến Thi-sĩ Cocteau.

Trái lại, người Việt Nam ta bị
tự-ty mặc cảm quá nặng, chỉ ưa
tôn sùng các nhân vật Lịch sử
và Văn học sử Tàu, Tây, Ngoại
quốc, mà coi thường các danh
nhân tài ba lỗi lạc của mình.
Chúng ta chưa viết nhiều sách
báo đề phổ biến cho khắp thế
giới biết đến Trưng-Trắc, Trần-

Hưng - Đào, Quang - Trung,
Nguyễn-Bình-Khien, Hồ-xuân-
Hương. Đã thế, một số đông dân
chúng Việt-Nam, lại thuộc lâu
những chuyện *Tam-quốc*, *Thủy-
Hử*, *Đông-Chu Liệt-Quốc*, nói
chuyện, viết văn cũng chỉ thích
nhắc đến Khổng Minh, Lưu Bị,
Tào Tháo, vua Văn, vua Võ...
làm Thơ chỉ ưa theo đời Lý
Bạch, Đỗ Phủ, mà họa hoàn
mới nhắc nhớ đến các anh hùng
Dân tộc và các văn-hào Thi-bá
của Việt-Nam.

Tại hại hơn nữa, Bộ Quốc gia
Giáo dục Việt Nam từ mấy năm
nay, với một óc thành kiến hẹp
hòi và hủ lậu, một quan niệm
chủ quan rất sơ đẳng, một lối
nhận xét ấu trĩ, đã gạt bỏ ra
ngoài chương trình học đường
một số văn nhân thi sĩ đã
làm vẻ vang cho lịch sử tư
tưởng dân tộc, trong đó có Nữ
sĩ Hồ xuân Hương,

Những kẻ trí óc nghèo nàn,
và thị quan thiên cận ấy, những
bọn « Văn-hóa » xoi thịt vô giá
trị và bất lực ấy, mà các nhà văn
học-sử sau này sẽ phải nhờ đến
là những kẻ đã cố ý phá hoại
công trình xây dựng Văn
học và Nghệ thuật Việt-Nam
từ bao nhiêu thế kỷ. Chúng


lâm nhục cho Dân tộc và Núi Giống Rồng Vàng không ít.

Trong lúc những văn tài độc đáo của ngoại-bang như Minou Drouet, Françoise Sagan, Colette, được các Hàn-lâm-Viện lưu ý đến, được các nhà phê bình văn học đề cập đến thường xuyên bởi đó là tiêu biểu cho những tư tưởng của thời đại, chứng dẫn của những trào lưu tiến triển của một kỷ nguyên mới, thì những kẻ chẳng có một chút hiểu biết gì về Lịch sử văn chương và Tư tưởng Việt-Nam dám xóa bỏ trong chương trình Trung Đại học tên tuổi và những tác phẩm độc đáo vô cùng thâm

thúy, của một Nữ Thi-sĩ tài hoa bậc nhất của Việt-Nam và cả Thế giới.

Với một lý do ngớ ngẩn và hoàn toàn giả tạo về « luân lý » và « phong tục », họ cấm học hỏi về thi tài siêu việt và tư tưởng thâm thúy của Hồ-Xuân-Hương, trong lúc họ cho phở biến công khai những tuồng xine dơ bẩn của ngoại quốc và những « văn chương » rẻ tiền, đầu độc tinh thần thanh thiếu niên Việt Nam. Do đó, họ đã gây ra bao nhiêu tội ác loạn cuồng, xáo trộn cả cơ cấu Quốc gia và Xã hội.

Những kẻ mệnh danh « Tổng-trưởng, Bộ-trưởng » ấy có tội nặng với Lịch sử và Văn-hóa Dân tộc.

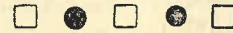


Đầu HỒ - XUÂN - HƯƠNG sinh trưởng ở Hy-Lạp hay La-Mã, hay ở Tàu, Pháp, Anh, Mỹ, thì Hồ-xuân-Hương ngày nay đã lừng danh cả Thế giới, và chắc

là người V.N. ai cũng đã đọc tiểu sử, thơ, và khám phục thiên tài của nàng. Pho tượng của Sapho nay vẫn còn chưng bày trong Điện Vatican, của Tòa-Thánh La-Mã. Nếu Hồ-xuân-Hương là người Hylap, thì Nàng đã có pho tượng ở Athènes, bên cạnh Homère, hay ở Rome, bên cạnh Virgile.

Nhưng tại vì Hồ xuân Hương là một người đàn bà của giống dân Giao-chỉ nên thỉnh thoảng mới có một đôi người yêu thơ. Nàng đặt tên Nàng cho một

đường phố nhỏ, hay một hồ nước thơ mộng nào đó mà thôi. Hôm nay tôi muốn dựng pho tượng Hồ-xuân-Hương trong tim của bạn đọc *Phở Thông tạp chí*




HỒ-XUÂN-HƯƠNG là một phụ nữ tân tiến của tất cả các thời đại sau Sapho, nữ Thi sĩ Cổ Hy-lạp, (625-580 trước J.C.)

lần đầu tiên xuất hiện trên Đất, thì Hồ-xuân-Hương là Nữ Thi hào bậc nhất của Việt-Nam và của Thế giới.

Gạt bỏ lòng kiêu hãnh Dân tộc ra một Bên, đứng hẳn trên lập trường khách quan của Văn nghệ và trí óc, người ta có thể không ngần ngại xác nhận là một vinh dự chung cho nhân loại đã có một thiên tài như Hồ-xuân-Hương.

Một thiên tài, không phải một Thạc sĩ triết học, một tiến sĩ văn-chương, một người viết giỏi văn Pháp, nói giỏi tiếng Anh, hay một ông Nghè, ông Cống thuộc lâu Tứ Kinh Ngũ thư của Khổng Tử, Mạnh Tử.

Hồ-xuân-Hương chẳng đi thi

Hội bao giờ, và cũng chẳng biết gì nhiều về Kinh Thi, Luận ngữ... chẳng thuộc bài thơ phú nào của đời Đường, đời Tống.

Nhưng nếu tất cả những trí óc tài - hoa vĩ - đại kia, nếu tất cả Homère, Virgile, Dante, Shakespeare, Goethe..., đọc thơ Hồ-xuân-Hương, tất cả đều phải kinh ngạc.

Vì Hồ-xuân-Hương là người Đàn bà bất diệt, người Đàn bà vĩnh viễn nói với người Đàn ông của tất cả các vũ trụ, của



mọi thời gian và không gian. Đó là Eva nói với Adam. Và, với những ai đã đọc hết các nhà thơ trên Thế giới loài người từ khi loài người biết làm thơ, thì chưa có người đàn bà thứ hai làm thơ như Hồ-xuân-Hương. Chưa có người đàn ông nào trả lời được những câu hỏi của Hồ-xuân-Hương. Hồ-xuân-Hương là thần tượng Sphinx vô thủy vô chung của số kiếp đàn bà. Sapho là người đàn bà đầu tiên thốt ra tiếng nói quyến rũ

mê ly của Tình yêu phụ nữ. Và từ đây về sau, mãi đến nay, đã có cả muôn nghìn thế hệ phụ nữ thốt ra tiếng nói của tình yêu. Tiếng tơ lòng phát xuất trên đảo Lesbos đồng thời với văn minh loài người nở ngào ngạt trên các đất Ai Cập, La Mã, Hy Lạp, Ba Tư, Trung quốc, đã vang dội và lớn lên dần dần khắp mặt Địa cầu, thành những cuộc hòa tấu không biết bao giờ im lặng.

Duy có Hồ - xuân - Hương đã nói ra những gì mà chẳng ai dám nói, cả Thần - thoại Hy Lạp, A - rập, và Trung - Hoa, cho mãi đến ngày nay cả Yosano Akiko, de Noailles, Colette...

Trước Hồ - xuân - Hương, từ cuối Thế kỷ XVIII trở lên đem thẩm của các thời đại, sau Hồ xuân Hương cho đến kỷ cương nguyên tử mà loài người sắp đặt chân lên Nguyệt - cầu, chẳng có một tiếng tơ nào hòa nhịp được với nhạc điệu rây rức của Hồ-xuân-Hương.

Người Hy-Lạp xưa đã tạo ra một vị nữ thần mà họ đặt tên là Venus Một vị Thần rất đẹp, tượng trưng người đàn bà hoàn toàn. Đó là nghệ-thuật tuyệt vời

của Chân Thiện Mỹ, nhưng chỉ là kiểu mẫu thứ hai bất chước theo hình ảnh của Eva, và lạnh lẽo làm sao, không tim, không óc, không linh hồn.

Hồ-xuân-Hương xuất hiện, chậm trễ đến bao nhiêu thế kỷ. Nhưng Nàng đã truyền cho Nữ thần Hy-lạp một linh hồn, và một suy tư cho nàng Thơ say mê của Lesbos.

Hy Lạp, La Mã, cũng như các Dân tộc khác của Địa cầu, chưa khám phá ra Hồ-xuân-Hương. Vị Thiên tài của tim và óc, vị Thần tượng của Linh hồn và Thề chất của Phụ nữ huyền ảo — la *Femme éternelle incomprise*,... hãy còn nằm trong kho vàng của Văn-nghệ Việt-Nam.

Mỗi người trong chúng ta đều có hồn phận và vinh hạnh hướng dẫn Thế giới tìm đến Hồ Xuân Hương.

Ngay ở Việt Nam, cuối thế kỷ XVIII, sự hiện diện của Hồ xuân - Hương ở thành Thăng Long và những văn thơ của nàng cũng đã gây một dư luận vô cùng sôi nổi. Một số nhà Nho-học không hiểu nổi được nàng, đã cho rằng nàng là một hiện tượng quỷ quái. Họ phao truyền rằng Hồ-xuân-Hương là một con Hồ-ly-tinh đã biến ra

thành người để chọc ghẹo các thư sinh đương thời. Đó là cả một sự vu khống ngớ ngẩn và có ác ý do chính những cậu học trò và những ông Tú, ông Cử ganh ghét thiên tài của cô gái 18 tuổi lúc bấy giờ ở phường Khán Xuân, xóm chợ Cửa Nam. Mẹ nàng buôn bán ở đây. Dân chúng thành Thăng Long vẫn thường gặp cô Hồ-xuân-Hương đi chơi khắp ba mươi sáu phố phường, lảng vảng ở cửa Bắc,



HỒ-XUÂN-HƯƠNG

và cửa Đông, nơi Hàng Giấy Hàng Quạt. Đôi khi cô đi qua Chùa Quán sứ, cách hồ Bảy Mẫu không xa lắm.

Sau đó ít lâu, mẹ cô và cô dời về ở làng Tràng Võ, gần Ô Cầu giấy, trên con đường lên Sơn Tây. Nơi đây cô thường gặp gỡ và chuyện trò thơ phú với ông Chiêu Hồ.

Lúc bấy giờ Hồ-xuân-Hương mới độ 20 tuổi, mặt hơi đỏ, vì đã bị một trận đau đầu mùa lúc thiếu thời. Nàng không đẹp lắm, đôi mắt hơi lớn, nhưng gương mặt có duyên, nước da ngăm ngăm đen, thân người tầm thước, không ốm, không mập, và khỏe mạnh.

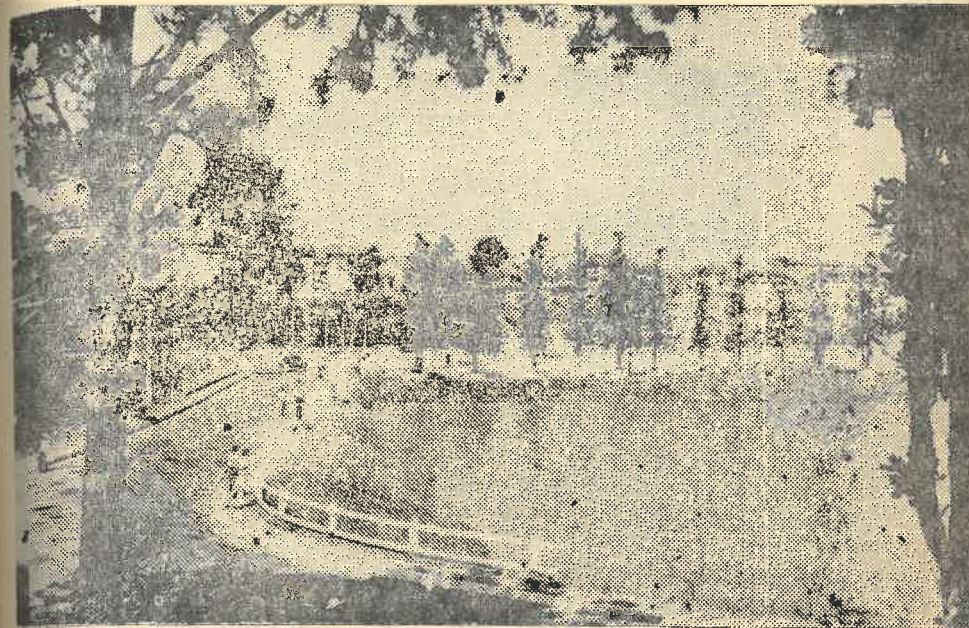
Rất bướng bỉnh. Thông minh tuyệt vời, Hồ-xuân-Hương có học chữ Hán lúc nhỏ, nhưng chuyên tập viết chữ « Nôm ». Do đó tất cả những thi phẩm của nàng sáng tác, đều chép bằng chữ « Nôm ». Chữ « Quốc ngữ » thời bây giờ đã có rồi, do các vị Cổ - Đạo đặt ra từ đời nhà Trịnh, và chỉ dùng trong các kinh sách của Đạo Thiên Chúa, và dùng lên lút trong các nhà thơ Thiên - Chúa mà thôi. Nó chưa được truyền bá trong dân chúng còn sùng

bái chữ « Thánh » Hiền » (Chữ Hán.)

Năm 1937 ở Hà nội, tôi bắt đầu tra cứu về văn thơ và đời sống của Hồ-xuân-Hương theo chút ít tài liệu văn học bằng chữ Nôm mà chỉ có thư viện Trường Bác Cổ Viện Đông của Pháp (Ecole Française d' Extrême-Orient) ở đại lộ Carreau, là có mà thôi. Tôi không được xem một bản thảo nào của tập thơ Hồ-xuân-Hương, nhưng ông Nguyễn Văn Tố, phó giám đốc. (Giám đốc là Ô, Georges Coedès), có cho tôi xem một bản thảo của một người khác, sống đồng thời với Hồ xuân Hương, chép lại những bài thơ nổi danh nhất của nàng. Toàn bằng chữ nôm, chép trên « giấy bản », loại giấy làm ở làng Bưởi dùng viết chữ Nho, đã rách nát, và đã trở vàng, từ đời vua Quang Trung. Bản thảo đó, Trường đã phải mua với một giá khá đắt, sau khi tìm được.

Không biết bản thảo quý giá đó hiện nay có còn không, và được tàng trữ ở Thư viện nào?

Tôi có đến làng Tràng Võ, nơi đây dưới thời Vua Lê chúa Trịnh có một trường dạy võ



Hồ-Xuân-Hương Đà-Lạt

cho quân sĩ. Năm 1937 tôi có đến ở đây một tháng để tìm các di tích của Hồ-xuân-Hương, nhưng chẳng thấy gì. Chỉ còn mấy rặng ổi trên bờ Hồ Tây(1), và nhà cửa ở rải rác xa xa, ven các mẫu ruộng xanh bao la đến tận chùa Láng. Một vài ông Lão bà Lão trên 70 tuổi còn nhớ lúc nhỏ có nghe người trong làng nói đến cô Hồ-xuân-Hương và cũng còn nhớ một vài bài thơ « ngộ nghịch » của cô, nhưng phần nhiều họ nhớ sai lạc, câu nọ xọ câu kia, không đúng

nguyên văn. Dư luận một số người Nho học trong làng Tràng Võ cũng cho rằng Hồ-xuân-Hương là một con « Hồ ly tinh hiện thành người để làm thơ trêu ghẹo » người đương thời?

(còn nữa)

(1) Nơi đây gió thật mát. Năm 1936-37 thanh niên học sinh Hà nội thường rủ nhau đến đây các chiều Chủ nhật để hóng gió và bơi. Họ đặt tên cho khu hồ này là « Tiều Đờ-Sơn ».

VIẾT

trong khi bệnh

□ THIẾU-SƠN

Độ này tôi không được mạnh trong người nên không có bài cho *Phở - Thông*. Nhưng khi anh Nguyễn-Vỹ nhắc tôi viết bài cho số đặc biệt *Phở-Thông* năm thứ 10 thì tôi thấy không thể từ chối được. Tôi phải ráng mà ráng trong lúc bệnh hoạn thì thật là khó khăn hết sức. Ai đã từng sống trong nghề mới thấy rõ cái trạng thái của người cầm bút khi viết mà không có hứng khi tinh thần bị chỉ phối bởi nhiều áp lực làm cho đầu óc lộn xộn không tập trung được vào đề tài của mình. Người Pháp có danh từ *plume constipée*, (ngòi bút bị bón). Khi ngòi bút bị bón nhà văn còn khổ hơn người ta bị bón.

Khi tựa gối, khi cúi đầu,

Khi vô chín khúc, khi chau đôi mày.

Lúc tôi viết bài này chính là lúc tôi lâm vào trạng thái nói trên nên từ văn không thoát, mạch văn không thông, làm cho tác giả không hài lòng và tức là sẽ làm phụ lòng bạn đọc.

★

Thật ra ở đời không ai không đau, không bệnh. Nhưng bệnh trạng của tôi thuộc vào loại bệnh của thời đại, do ảnh hưởng ở ngoài nhiều hơn là do cơ thể bất an. Tôi đã nhiều lần bệnh, chứ không phải chỉ mới bệnh lúc này.

Hồi tưởng lại khi tôi bị ông Ngô giam cả bốn năm trường. Trong những đêm không ngủ, những ngày dài vô tận, tôi nghĩ ra biết bao nhiêu đề tài, chỉ mong được trả tự do để viết cho phỉ chí *Tờ Phở-Thông* chính là

VIẾT TRONG KHI BỆNH

tờ báo tôi viết trước nhứt sau khi ra tù. Nhưng chẳng bao lâu ngòi bút tôi lại tắc tỵ. Vì Bà Kiểm duyệt lúc đó khát khe hơn Chúa ngục. Khi còn ở tù, mỗi lần tôi xin giấy để viết đơn kêu nài thì người ta căn dặn tôi không được viết: « *Tôi bị câu lưu* », mà phải viết: « *Tôi hân hạnh được chánh phủ câu lưu* »! Tôi rất ngượng khi phải đặt bút viết câu đó vì có bao giờ lại hân hạnh được ở tù. Những tưởng khi ra tù sợ không có chuyện ngược đời như thế nữa.

Nhưng tôi đã làm. Khi ra tù tôi vẫn chưa được tự do. Tôi viết « *Một đời người* », mà rồi đành bỏ dở. Tôi đã từng viết hồi Pháp thuộc, cũng bị Bà Kiểm cắt xén bòn bàng, nhưng Bà Kiểm của cụ Ngô thì thật là đão đẽ. Chỗ nào bà không vừa ý thì bà cứ việc cắt xén. Nhưng đảng này Bà vừa cắt, vừa xén lại vừa buộc tác giả phải thêm vào bằng những câu, những chữ của Bà Kiểm đưa ra. Như vậy thì còn hứng thú gì nữa mà viết. Do đó mà tôi bỏ dở « *Một đời người* », viết qua chuyện đời xưa. Hết *Niên vật Xuân Thu* tới *Người chiến quốc*, Nhưng chính những chuyện đời xưa của tôi cũng

nhiều khi bị đục, làm cho tôi chẳng còn muốn viết gì thêm nữa. Ngòi viết bị bón thì lòng dạ thêm đau, mạch văn ứ đọng thì mạch máu cũng căng-thẳng. Và lại sanh bệnh.

Thịnh-linh người ta làm cách mạng. Người ta giết chết họ Ngô. Người ta ban-hành tự-do báo-chí và nhà văn thấy khoẻ khoắn trong mình, cho ngòi bút được tung-hoành và không thềm nói chuyện đời xưa nữa. Không nói chuyện xưa thì nói chuyện nay. Và lại có biết bao nhiêu chuyện đáng nói, sợ nói không hết đây thôi. Tôi bực mình nhứt khi phải nhìn, phải đọc hàng ngày những câu văn bất-thông hay những danh-từ vô-nghĩa, nhứt là những chữ *Nhân to* trông viết lên những xe Cảnh-sát. Thôi thì đủ thứ. Nào là *nhân-đạo*, *nhân-quyền*, *nhân-vị*, *nhân-ái*... Nhưng lại có cả *nhân-ngôn*. Tôi biết rõ *nhân-ngôn* là thuốc độc nên viết bài nói về chuyện đó, nhân tiện nói luôn tới một danh-từ khác thấy viết lớn ở bên đường từ Sài gon đi Bình-Dương là mấy chữ « *Đồng cộng-ngáp* ». Nguyên đồng này gọi là « *Đồng chó Ngáp* ». Không biết ông cán-bộ nào có sáng kiến đổi thành « *Đồng cộng-ngáp* ».

Chó-ngáp nghe còn được, Cóng-ngáp nghe không thông... Nhưng chính vì thế mà một chút xíu nữa tôi lại vào tù. Ông Nguyễn-ngọc-Thị làm Thủ-trưởng hồi đó nhần anh Nguyễn-Vỹ là Thiếu-Sơn coi bộ binh Cộng-Sản và nên thận trọng khi cầm viết. Tôi ở tù lâu quá rồi, không bao giờ thấy hân-hạnh được câu-lưu nên lại cụt hứng mà không muốn viết gì thêm nữa. Bệnh lên màu của tôi lại tái phát vì trí vẫn không thoát, mạch vẫn không thông, nghề văn khó làm và đời vẫn đành bỏ dở.

Sắp sửa lại ăn mừng ngày 1-11, Nhưng riêng tôi chưa thật hài lòng khi thấy ngày đó vẫn chưa đem lại cho con nhà văn một chế-độ tự-do như lòng tôi mong ước.

Một nhà văn Pháp đã nói : « Tôi sẽ chết nếu tôi không được viết ». Nhưng dường như chính ông còn nói : « Tôi cũng sẽ chết nếu tôi phải viết những điều tôi không muốn viết. » Tôi chưa chết nhưng đã mang bệnh và mong rằng sẽ có ngày binh-phục cùng với sự binh-phục chung của đất nước.



★ Chuyện ái-tình

Một đôi uyên ương nắm tay nhau dạo dưới ánh trăng.

Nàng hỏi :

— Cưng có nhận ra mắt em trong sáng như sao không ?

— Đúng thế, sao Bắc-đẩu cũng không bằng..,

— Và răng em như ngọc trai không ?

— Đúng thế,

— Còn mái tóc em óng ánh như ngàn vạn ngọn đèn dưới ánh trăng không ?

— Đúng thế, em cưng của anh.

Nàng sung sướng ôm chặc người yêu vào lòng, nũng nịu :

— Anh thật là người biết nói chuyện với đàn-bà.



Tình hương Khuê

(Tặng người Chinh-phụ trẻ trung)

Lan thu-ba song-sa ngưng chớp
Nhìn chân trời từng lớp mây đi.

Ngân nga nhớ buổi phân kỳ
Nhớ lời gấn bó trước khi lên đường

Dưới lầu khuê bóng dương tà chiếu
Ôn thư xưa tìm hiểu lòng nhau
Tiếp thăm lai láng roi châu
Ái ân thôi đã ố màu quan san

Nọ thư-trai ngọn ngang sách vở
Kịch « Lam Sơn » soạn dở, tạm ngưng

Bấy lâu ngọn suối ven rừng
Súng gươm hăng hái băng chừng ngã nao

Lựa len đạn biết bao tử-mĩ
Nhớ chàng riêng ưng ý màu chàm
Tờ lòng đầu sợi len lam
Tay đan chiếc áo ngự hàn gửi nhau

Vườn hồng dạo cảm màu hoa cỏ
Chủ nhân say dải gió ngàn phương
Xông pha trăm trận chiến trường
Mong thành công trở lại vườn hoa xưa

Gương chợt soi ngân nga kinh ngạc
Mặt hoa gầy đỗi khác dung nhan
Má hồng điểm nét xuân tàn
Tương-tư đề gấn hai hàng lệ sa

Tập hình riêng gỡ ra ngắm ảnh
Vật bằng khoáng tiếc cảnh vui xưa
Nọ cô dâu mới bao giờ
Nay người ly-phụ ngân nga dưới đèn

Con say ngủ êm đềm giấc trẻ
Đẹp ngày thơ đẹp vẻ thiên-thần
Xa cha năm lại qua năm
Cảnh gia-đình giảm bao phần ấm vui

Mẹ sớm 'ổi say ngồi niệm Phật
Nguyệt năm Châu giải thoát can qua
Quyền kinh dưới bóng Di-Đà
Nam-mô cầu cả Nước nhà bình yên

Dưới trăng tà nhớ đêm ly-biệt
Tay cầm tay tha thiết ân cần
Nhưng trang rẽ lối xa-xăm
Đề người vợ trẻ với trăng bên thềm

Nổi gió lạnh một đêm trở rét
Khấp gờ. xa bóng kếp nhung len
Tay ngả khép cánh cửa hiên
Sương hoa nặng hạt đẫm thềm gạch hoa

Trong chấn ẩm cảm sa-trường lạnh
Chiến.sĩ đêm nay đánh mặt nào
Sương khuya đẫm ướt chiến báo
Rừng khuya gió láp biết bao lạnh lùng

Lừa thiếu-niên tình cùng tha thiết
Vì giang-sơn ly-biệt xem khinh
Trùng hoan đợi khách viễn chinh
Duyên trăm năm sánh với tình nước non !

Tướng Cho

PHONG - NGUYỆT

VÔ BIÊN

★ VƯƠNG-HỒNG-SÈN

MẤY năm trước, mỗi năm tôi được ra Huế ba bốn kỳ, để dạy, mà dạy trường Đại-Học Văn-khoa mới khổ cho chớ? Tôi mà sức yếu, mà dạy nổi gì? Chẳng qua để có dịp đi tìm đồ xưa là cái sở thích của tôi không sao bỏ được, dẫu phải lòi cái đốt bao dai cũng đành. Vài ngày nữa đây tôi lại phải ra đó kỳ chót để thi hạch miệng đợt nhì năm nay và cũng vì mấy cái đĩa xưa tôi còn thiếu nên đầu đờng bay nhọc nhằn, khám xét phiên phức, tôi cũng rảng một phen chót này thôi và trời dài như bọm nhậu xin chữa ba-xi-đế.

Không phải nói để khoe của, nhưng kỳ trung, tôi thích đĩa xưa cũng vì một lý lẽ riêng. Lý lẽ hiểu nhứt là mua đĩa cũ, ít tốn tiền hơn sắm đồ cổ xịn xệ, nhưng tuy nói ít tốn chớ ngày nay mỗi đĩa cũng phải một vài ghim mới mong đem được nó về nhà xem chơi cho đã con mắt. Các bạn thử nghĩ, cho đến ngày nay, trong nhà tôi có trên một trăm cái đĩa cổ khác nhau, mà chưa vừa lòng, và cũng còn muốn sắm mãi (chừng nào chết sẽ thôi). Theo tôi, sắm một cái độc bình hay một món cổ ngoạn cho coi được, ít nữa cũng phải

ngot trăm ngàn đồng, đã mang tiếng giỡn tiền trong lúc này, thêm cái khổ chẳng may gặp đồ giả hiệu, không trả lại được thì chỉ còn nước ôm cái độc bình kia mà khóc đến như sấm dĩa cổ thì khác. Theo tôi, dĩa cổ mỗi cái đều mỗi vẻ điển-tích riêng, nay mình ít tiền không đủ sức mua những bộ đồ trà cổ để nghiên cứu từng điển-tích giai thoại, thôi thì đành mua dĩa lẻ bộ, vừa rẻ hơn vừa vui mắt vì dĩa bày từng hàng trên kệ trong tủ sách vừa làm sáng những kệ những tủ ấy thêm tỏ ra chủ nhân có con mắt mỹ thuật không vừa. Một trăm cái dĩa mà còn chưa đủ vì theo ý tôi, tôi ví mỗi dĩa như một trang sách, và một cuốn sách đáng gọi là hay ho mà đếm chỉ mới dày độ một trăm trang thì có chi là nhiều là cộm; huống chi như đã nói, mỗi dĩa chứa đựng một lịch sử, một điển-tích riêng biệt. Hôm nay để khơi màu, tôi chỉ xin kể sơ một cái dĩa thôi và khi nào các bạn tỏ ra không chán và còn muốn nghe kể thêm thì khi ấy sẽ hay. Tính ra châu xưa, khi lúa chỉ bán hai ba cắc một gia (lối 1930) thì tôi mua dĩa mỗi cái năm đồng bạc

là cùng. Nhưng như đã biết, vật giá cứ leo thang mãi, leo bất tận, cho nên sau đó, khi tôi chạy lên Sài-Gòn, lối năm 1947, thì mỗi dĩa đã vịn giá, trung bình năm trăm đồng mỗi dĩa Mai Hạc, Bà Nha Tử-Kỳ, hay Hàn - Dũ Tầm-Mai, v.v.. Cho đến ngày hôm nay, các tay chơi cổ-ngoạn càng nhiều, trái lại cổ vật một ngày một ít thấy, mỗi dĩa cổ quái kỳ quan, gặp tay hiểu kỹ và gặp tay bán cắt họng thì giá một muôn hay hơn một muôn cũng thường thấy. Và cho hay không phải dĩa mất tiền mới gọi là quý, và chẳng qua nhờ tình cờ hay một dịp may mắn bất ngờ, có khi một dĩa bốn trăm bạc hay ít hơn nữa, mà có giá trị hơn dĩa bạc muôn kia nhiều và dẫu nài đòi cũng không chắc gì dĩa cao giá mà đôi được dĩa giá hạ. Cho hay về mùa chơi cổ-ngoạn, các tay hiểu cổ toàn là bọn gần-ương dở-tánh, không ai chịu kém sút ai, và nếu mắc chứng gần-nặng hơn chút nữa, thì đáng được gọi lên an trí đường trên Biên-Hòa cả đám. Cái thích thú của môn chơi đồ cổ là thi đua nhau luyện cặp mắt cho tinh và thích thú nhất là tuy ít tiền nhưng nhờ bà cậu độ mạng hay chẳng

qua thức thời mẫn thế hơn nên mua sắm được nhiều món hiếm lạ, bọn tân phú ông dẫu kết xù, đành thúc thủ và tuy muốn đành lòng không sao mua sắm kịp, hoặc hơn mình, cái mới sướng cho.

Tỷ như tôi có một cái dĩa sau đây, xin kể ra cận kề đuôi đầu, ai vui nghe thì đọc, không muốn nghe thì xin xếp sách lại cũng chưa muộn màng gì.

Nhưng, trước khi vào đề, xin cho tôi mạn phép kể lại đây một trang sách cũ để dẫn chúng:

Và đây là sự tích ông TÙNG NIÊN NGUYỄN-ĐĂNG-CAO:

Ông là người làng Hoài Bão, huyện Tiên-Du, tỉnh Nghệ An, ngoài thịt chó và rượu ngon, không còn ham thích cái gì, ngông ngạo không coi ai vào đâu cả. Ngày vào điện-thí, đáng lẽ đỗ đầu mới phải, nhưng Triều đình đề nên, đặt xuống thứ ba. Đứng trong Triều nói năng không kiêng sợ gì, nên mấy lần bị biếm truất. Sĩ-Tàu sang sách phong đi đến trạm Xương-Giang dừng lại, đưa

cho Thế-tử một vương gấm, viết lớn một chữ « Càn ». Cả Triều không ai giải đoán được phải đặc chỉ triệu ông vào. Ông thưa rằng:

— Cái trò đánh đố nhỏ nhặt ấy, bỏ gì Chúa thượng phải bận lòng suy nghĩ.

Ông bèn cầm bút đâm mực viết một nét xỏ để trả lời, Sĩ-Tàu liền đến ngay. Chúa hỏi duyên cớ, ông nói:

— Tượng của quẻ Càn có ba nét ngang, thêm vào một nét xỏ thì thành chữ Vương có thể thôi.

Khi ông sung làm Chánh sử sang cống Tàu, qua một cái quán rượu cột lọng lầy, người bạn Tống xin ông đề cho mấy chữ biển ngạch, ông liền viết hai chữ « Trưng Nhị ». Người Tàu hỏi nghĩa là thế nào, ông cười mà rằng:

— Thế nghĩa là Phong Nguyệt Vô Biên. (1)

Ai nghe thấy cũng phải kinh phục.

Việc đi sứ xong, ông xin về hưu, thường đội cái nón, chống cây gậy, xách bầu nước, lê đôi dép, qua lại thần thơ ở trong khoảng suối đá, ham vui quên về. Có khi nhân đêm trăng lên chơi núi Lạn-Kha, canh một đã hết, bốn bề im lặng, không có một người, bỗng thấy trên núi có hai cây gậy, cắm giữa cặng một sợi dây nhỏ, một Đạo nhân nằm lên trên sợi dây ấy, ngủ ngáy kho kho. Ông lấy làm lạ, quì dài ở dưới đất để đợi. Ước một trống canh, đạo nhân ngồi dậy nói :

— Ông có phải là ông Thám-hoa người làng Hoài Bão không ?

Ông đáp đầu vàng nhận, xin bỏ việc cõi đời theo đi tu Tiên. Đạo nhân vung ngón tay trở một vòng rồi nói :

— Ông có số nhưng không có mệnh, đừng nên tự khổ.

Ông cố nài xin thì Đạo nhân nói :

— Tu tiên phải ăn kiêng nhiều thứ mà thịt chó là một vậy ông có thể kiêng được không ?

Ông nói kiêng được. Đạo nhân bèn cuốn dây buộc lưng đưa cho ông vác đi theo. Trải qua các núi sông, đều thấy khác phong cảnh ngày trước.

Đến một cái chợ, mùi thịt chó ở trong hàng cơm thơm sực đưa vào lỗ mũi, ông thèm quá không thể nén được, xin cho ăn một bữa rồi từ rày thôi hẳn. Đạo nhân bằng lòng cầm hộ gậy, dây và để cho ông vào. Ông ăn no rồi đi ra, Đạo nhân bảo :

— Ta là Trần-Đồ-Nam đây. Ông có số không mệnh, thôi đừng nên tự khổ nữa. »

Bèn trao cho ông một phương thuốc chữa trâu bò rồi vụt biến đi không trông thấy đâu nữa, Ông chúi mắt nhận kỹ, té ra đây là Chợ Cầu Lim ở làng Nội-Duyệt, cách núi Lạn-Kha mới độ

chừng một dặm, ngần ngo buồn tiếc một hồi lâu.

(Tang Thương ngẫu lục, nguyên tác của Phạm-Đình-Hồ và Nguyễn-Án, bản dịch Trúc-Khê, Phổ-thông chuyên san số 6 Décembre 1943, tr.174-176),

Câu chuyện tìm hiểu một đĩa xưa đã làm cho ta phải tra cứu và đọc lại một trang sách cũ mà nếu không, không ắt ta phải tìm đọc làm gì, nhưng câu chuyện vẫn chưa hết và xin cho tôi kể tiếp :

Kỳ Tết năm Bình-Ngo (1966), tôi lại ra Huế, và bạn về có mang một cái đĩa xưa bằng sành trắng men vẽ lam, kính tâm đo không được một gang tay mà tôi đã trả hơn một gang đĩa (non hai ngàn đồng) và cái đĩa ấy nặng không hơn năm chục cà-ram, thế là tôi đã mua nó mỗi cà ram đến bốn chục bạc, có thua chỉ vàng lá ? Hôm tôi na cái đĩa về nhà, mẹ bù trẻ hỏi, tôi tinh thật nói giá, mẹ cản nhần đủ thứ, tôi cười thăm và tiếc hối biết làm vậy, muốn chơi đồ xưa cho thông thả, ắt phải thờ chủ nghĩa độc thân. Đĩa đo đúng 17 phần Tây bề kính tâm, dưới đáy đề bốn chữ Hán tự :

Nhâm-Tý Mạnh Đông và trong lòng đĩa có vẽ một phong cảnh đối diện : góc mặt, vẽ một ngôi chùa đề hiệu Phi Lai Tự, góc trái vẽ một toà nhà lầu đồ sộ, trên biển đề đủ bốn chữ Phong-Nguyệt Vô - Biên Giữa khoảng cách phân chùa và lầu, có vẽ một dòng nước bạc ngăn đôi, trên có bắt một chiếc cầu vòng và trên đầu cầu nên thơ ấy, giữa một khoảng đất rộng, có vẽ hai người đứng đối diện và đang cúc cung thi lễ bái chào, một người áo rộng xung quanh mặt hướng về chùa còn một người đầu không tóc tay cầm gậy day mặt hướng về lầu phong nguyệt, một đàn phong - lưu công tử tìm hoa đã chán nay muốn qua bên có chuông mõ ý định thỉnh túc qui-y, một đàn luyện phép thần thông độ chừng lâu thấy kết quả nay xách gậy qua bên kia thử tài cao thấp, kẻ chị em thiếu bầu bạn. Nếu trong truyện đã kể, ông Nguyễn - Đăng - Cảo tu Tiên lâu ngày xin phép thầy « hạ cờ tây » một bữa cho ngỗ nguê, thì thiên - trượng sư - ông thức thời thế cũng không cấm mình và ép xác mãi. Cái đĩa ác ôn vậy đó. mà lại có hiệu đề « Nhâm tý mạnh đông » Vì cái

niên hiệu lạ lùng này mà tôi phải cần rắng xuất ra hai ngàn bạc mua cái đĩa ấy đem về lấy sách tra kỹ lưỡng và so - sánh từng nước men cách vẽ, nước thuốc, v.v. thì đĩa ấy trùng với năm 1852 Tây-lịch, tức là năm Hàm-Phong đệ-nhi-niên và trùng với năm Tự-Đức đệ ngũ niên,

Kết luận :

Về cái đĩa này, tôi đã từng đem ra nói trong một tuần san rồi. Nhưng để phổ biến sâu rộng một đề tài khô khan không kém phần hứng thú, tôi không ngần ngại đem ra nói lại hôm nay trên tờ Phổ-Thông của anh bạn Nguyễn-Vỹ. Về ngành khảo cổ và nghệ-thuật chơi cổ ngoạn, để tìm bạn tri âm, xin chớ ngại việc *nhai đi nhai lại* một đề tài. Có khi phải làm như vậy mà vẫn chưa chắc chuyện mình nói sẽ ăn sâu vào trí nhớ người ngoại cuộc. Đề ý mà xem, chuyện nhâm tý, chuyện trên đầu dưới bệ, nói nhỏ cũng đủ lọt vào tai kẻ tàn thời, còn chuyện bổ ích, chuyện có liên quan đến văn hóa, v.v... dẫu đánh trống khua chuông rầm rầm cũng vẫn gặp mắt ngơ tai điếc. Tôi tình thật nói làm vậy và xin có lời

tạ lỗi gần xa. Trở lại cái đĩa *hai ngàn bạc*, tôi xem giá ấy không đắt chút nào, tuy lúc này tôi phải thối lưng buộc bụng mới đủ sống. Nghĩ cho có người ăn một bữa cơm đãi khách, tổ chức một bữa nhậu nhẹt com trắng com đen có gái dâng rượu tống kém đến bạc muôn thì có sá chi số tiền hai ghim đã đem lại cho ta một bài học quý giá về nhiều vấn đề (văn hóa, văn chương, lịch sử...) xem mãi không bao giờ chán, học hoài vẫn thấy hay ho. Như cái đĩa này, nội bốn chữ ký niên hiệu « Nhâm Tý Mạnh Đông » đã dạy cho ta biết sơ qua :

1) Bấy lâu nghe nói *đồ sành cũng gọi là đồ sứ*. và theo Hán Việt Từ điển Đào-Duy-Anh cắt nghĩa thì chữ Sứ (trong Đồ Sứ) là do chữ Từ Khí dịch Pháp ngữ là *objet en porcelaine*. Đã đành như vậy rồi, vì ai lại không tin Từ điển Đào-Duy-Anh, nhưng trước mắt ta hiện nay có bằng chứng đích xác có món đồ sành làm vào tháng Mạnh - đông năm Nhâm tý, ấy lại trùng vào một năm nước Việt ta sang cống sứ bên Trung-quốc, âu là ta cứ ghi chép để tra cứu lại xem có phải

ngoài nghĩa *đồ làm bằng đất*, Đồ sứ cũng có nghĩa là đồ làm vào một năm đi cống sứ, đi sứ và hiện cái năm ấy đối với cái đĩa này là năm 1852 Tây lịch, Tự-Đức năm thứ năm, và Hàm-Phong năm thứ hai vậy. Và như vậy, đĩa ấy quả là một sử - liệu, xưa được 115 năm (1967-1852), một bằng chứng lịch sử vậy.

2) đã biết chắc năm đi sứ rồi, tôi xin khuyên các học giả có thể thần, và đọc được chữ Hán nên tìm xem trong sử, vậy chớ vị nào đã cầm đầu Sứ bộ năm 1852 sang Trung-quốc ?

3) có phải chăng vị ấy là Đặng Huy Trứ ?

Cụ Thượng Trứ, rất sành thơ nôm, có lẽ tác giả truyện Nhị Độ-Mai (theo Chéon và Hoàng-Xuân-Hãn) vốn là binh chuẩn sứ triều vua Tự-Đức, có được lệnh vua trông nom việc buôn bán ở các cửa biển, và thương thuyền xuất nhập thời ấy, có đặt làm bên Trung-Hoa một mô đồ sứ (tôi mua hột một cái tô ở Huế) mỗi món đều có ghi dưới đáy một câu rành rề : « Tự Đức Mậu Thìn Trung-Thu, Đặng Quý

Từ Đường Tế Khí » (năm Mậu-Thìn ấy là năm 1868 Tây-lịch) và như thế e năm 1852 không phải Cụ Thượng Trứ làm Chánh sứ năm ấy rồi.

4) Dẫu sao, ta cũng được biết khoảng nửa thế kỷ XIX (năm 1852), ông Sứ thần nào đại diện cho vua Tự-Đức, đã tốt bụng phóng lưu, đã « duy vật » hơn ngày nay, và đã dám đối chiếu ngạo đời một cảnh Phi-Lai-Tự (chỗ trang nghiêm tu hành) lại với một chỗ đàn điểm Phong Nguyệt Vô Biên làm vậy ?

5) Một tài liệu khác nữa để chứng minh thêm là nhơn khẩu trong bộ Trịnh-gia chính phủ, bản in Trịnh-Như-Tấu 1933, trang 114, về chùa Phi-Lai, thì chùa này có thật và thuộc huyện Yên Yên (Nam-Định). Chùa ở trên lưng chừng núi, bên cạnh có một ngọn tháp đá, sắc đá sáng bóng như gương. Chứa Trịnh có đề thơ rằng :

Tiền hậu giao hoàn sơn thủy
bảo,
Cao đề tương ảnh tháp già khai.

Dịch :

Sau trước giao quanh sông núi
bộ,

PHONG NGUYỆT

Thấp cao cùng ánh tháp chùa
quanh.

Như vậy thì Phi-Lai-Tự là một danh lam có thật chứ không phải bịa. Vấn đề còn rộng bàn mãi không hết, một ý nghĩ mung lung là nhà sư Mạc-Lê, Trịnh-Đại, Tây-Son, đầu nhà Nguyễn, cũng vẫn có hạng thờ chủ nghĩa Trùng-Nhị (Phong nguyệt vô biên) rồi sao ?

Gia-Định, số 5 đường Rừng-Sác, (19-9-1967).

(1) Phong Nguyệt Vô Biên là chữ sẵn trong sách, nghĩa là gió trắng rất nhiều, không có bờ bến nào. Đây ông Cao viết hai chữ, tức là chỉ viết phần ruột của hai chữ, ý bảo phong nguyệt không có những nét ngoài biên, tức thành ra ý nghĩa bốn chữ Phong Nguyệt Vô Biên.

(Lời chú trong bản dịch Tang Thương Ngẫu Lục).

● Nữ-quyền

Thảo luận về nữ-quyền Văn-hào Sacha Guitry không đồng-ý về chuyện giải-phóng nữ-giới. Ông nói :

— Trao trả cho người đàn bà những quyền lợi như đàn-ông là chhyện điên rồ. Có thể cho họ nhiều quyền, tùy ý, nhưng không được những quyền như đàn ông.

Nhà văn Balzac cũng lập trường như trên nhưng đúc kết ý kiến trong một công thức :

« Người đàn-bà là một nô-lệ mà ta phải để trên một ngai vàng »

Tôi không dám làm tăng, một lần nữa xin thanh minh kẻo hiểu lầm. Duy nhờ ham một máy vật xưa mà quên bớt việc nay, cái an ủi ấy tôi cho là rất lớn và xin cảm ơn Đăng Thịnh Không ba xá.

Vân-Đường-Phủ, Lan-Hình,
một ngày sau Trung-Thu Đính-mùi.

★

□

●

□

●

□

●

□

●

★

● □ ● □ ● ★ NGUYỄN-VĂN-CỒN



THEO VỀ ÁNH-SÁNG

THẾ cũng đã là thật lâu, và cũng là đã thật mau !

Phở-Thông số 202, kỷ-niệm Năm Thứ Mười ! Kề ra tại nước a, ít có một tạp-chí nào trường-tồn và bền vững, đó là nhờ ở ự tận tâm, và khả-năng của người điều-khiển, và của tất cả anh chị em Văn-Nghệ trung thành cộng-tác với anh. Chủ-nhiệm và cũng nhờ ở lòng trung-thành ủng-hộ của cả muôn nghìn đọc-giả bốn phương. Và việc này là ảnh-hưởng của việc kia.

Mới ngày nào anh Nguyễn-Vỹ, Chủ-nhiệm Phở-Thông, cho tôi hay kỷ-niệm Phở-Thông số 100, nay anh đã lại nhắc tôi viết bài cho dịp số 202, đúng kỷ-niệm Phở-Thông năm thứ mười ! Mười Năm phụng-sự Văn-Học Việt-Nam !

Thật là ngày tháng đi mau như ngựa qua cửa sổ, như con tàu phăng-phăng trên biển cả, như máy bay vụt qua lùm cây trên đầu mình, và làm cho mình tưởng đâu, trước những tốc-lực ấy, mình chỉ là một thân cây đứng yên một chỗ, bắt - di bắt - dịch. Nhưng đó chỉ là một hư-cảm-giác bề ngoài (une fausse impression extérieure) ; vì chính thật con người vẫn đi, không bao giờ ngừng cả, và còn mau hơn ngựa, mau hơn tàu thủy, mau hơn máy bay :

« Hưu bất kiến cao đường minh kính, bị bạch phát, chiệu như thanh ty, mộ như tuyết » (LÝ-BẠCH)

(Và thấy chẳng trên mặt gương mái tóc trắng, sớm còn như tơ xanh, chiệu đã thành như tuyết)

Một ngày qua, một tháng qua, một năm qua, tức là mình đã già thêm đôi chút, tóc thêm bạc, chân tay thêm mỏi, trái tim thêm yếu ; và ở dưới cõi thế này, không có phép lạ nào có thể ngăn được thân hình con người đi đến chỗ già yếu, nhược vong. Trong nghìn xưa kia, các tay vua chúa đã nhờ thầy, cây thợ, tìm kiếm cho họ nào « thuốc trường-sinh », nào « nước trường-thọ » (élixir de longue vie) mà cũng chưa có hiệu quả gì, và đã khiến cho người xưa có câu : « thần chết bình - đẳng và công-bằng » (La Mort est une niveleuse et une justicière).

Nếu băng đi một độ, mình không gặp người thân thuộc, mình sẽ thấy sự thay đổi rất rõ-rệt khi gặp lại :

— Một đứa con-nít mới ngày nào còn nằm nôi, nay đã biết chạy đùa, chơi đờn rờn.

— Một cô bé, mới ngày nào còn đòi mẹ mua kẹo, thế mà nay đã thành một thiếu-nữ xinh đẹp, mặt hoa da phấn, thân hình kiều-diễm

« Ai đương độ ấy lim-dim mắt
Tờ đã ngày nay lún-phún râu » (TẢN-ĐÀ)

— Một người bạn mới ngày nào cùng mình chia tay, thế mà nay đã mái tóc hoa râm, trên mũi có cặp mắt kính giúp đỡ đôi mắt đã mờ :

Tôi già, Bác cũng già rồi,
Biết thôi thôi thế thì thôi mới là»

(YÊN ĐỒ)

Trong tình thế nước ta ngày nay, biết bao nhiêu người đã ngậm-ngùi chia tay nào người mẹ già vẫn mòn-mõi chờ con, nào người vợ vẫn ngong-ngóng trông chồng,

Và biết bao nhiêu thiếu-nữ ngày đêm thao-thức đợi người mà ngày tái-hợp vẫn còn xa lãng-lắc, để lại trong lòng tuổi trẻ biết bao nhiêu thương tiếc, lo ngại :

« Kia Văn quân mỹ miều thuở trước,
E đến khi đầu bạc mà thương
Mặt hoa nọ gả Phan-lang
Sợ khi mái tóc pha sương cũng ngừng

(Chinh-Phụ-Ngâm)

Thời gian qua, không những con người nhược vong, mà cả đến tạo-vật cũng đổi thay suy sập, tỏ cho mình thấy sự vô-thường (impermanence) trong vũ-trụ, mà nhà thi-sĩ Ôn-như-Hầu, trong « Cung Oán Ngâm Khúc », đã tả một cách đặc sắc :

Hình mộc, thạch, vàng, kim, ốc cỏ.
Sắc cầm, như u vũ, e phong,
Tiêu điều nhân sự đã xong
Sơn hà cũng ảo, côn trùng cũng hư

(CUNG OÁN NGÂM KHÚC)

Và trong lúc này, ngồi viết «Bức Thư Paris», cách quê hương cả nghìn cây số, tôi sực nhớ lại hồi còn ở bên nhà, khi còn thơ ấu. Mình bấy giờ, vào độ 11, 12 tuổi, theo học trường tỉnh Thanh.

Hóa. Những ngày thứ năm, sau buổi học Hán-tự, mình cùng mấy đứa bạn đi theo lên làng Đổng-Sơn. Trước những hồ lớn, bên cạnh cây sung, chúng tôi ngồi dưới bóng mát, hoặc đọc sách, hoặc nói chuyện phím. Hơi mát từ mặt hồ đưa lên giữa buổi trưa hè nắng, với ngọn gió hây hây thổi, đem theo hương sen ngào-ngạt. Những lá sen tròn và lớn như đường chu-vi của cái nón-lá, trải bằng phẳng, trên mặt nước; trên những thân cây mảnh khảnh những bông sen lác-đác nở trên mặt nước; những bông trắng như những tà áo lụa bạch, những bông hương như đôi má ửng - hồng của cô gái đến tuổi dậy thì. Chúng tôi lấy cành cây kéo hái những bông cạnh bờ, làm động nước tung tóe, để trên lá những giọt nước như những giọt thủy-ngân trên tấm nhung xanh. Chúng tôi gỡ những cánh sen, rồi ép nhụy vàng thơm mát vào mũi. Đến ngày nay, sau bao nhiêu năm để chân du-lãng khắp đó đây, tôi chưa thấy có bông nào đẹp hơn bông sen, và tôi vẫn nhớ những lúc ngồi bên hồ ngắm những bông trắng, vàng, đỏ trên mặt nước và nhớ những lúc bẻ cuống sen để nhìn những sợi tơ trắng nối khúc này với khúc kia :

«Tiếc thay chút nghĩa cũ càng

Dấu lia ngó ý còn vương tơ lòng »

(NGUYỄN-DU)

Cũng có lúc tôi nằm ở bờ biển Sầm-sơn, dưới rừng thông, trong những buổi trăng rằm vắng-vực, lắng tiếng thông reo, và nghe tiếng sóng của biển hiền-từ ru vắng-vắng ngoài xa, và khi ghé tai xuống mặt cát, tôi tưởng đâu như nghe tiếng thở của lòng đất trong đêm khuya thanh vắng.

Có những buổi trưa hè, cùng mấy đứa bạn, tôi đi bộ lên đến núi làng Nhồi, rồi leo lên gần tượng đá Vọng - Phu. Chúng tôi ngồi nghỉ chân ở sân chùa, dưới gốc cây đại, hương thơm ngào-ngạt.

Trên những con đường đá xanh những cây gạo, cao nghều

ngào, đứng xứng dưới nền trời thánng năm với những bông hoa đỏ như những ngọn lửa lập-loè ở đầu cành trơ-trọi.

Dưới chân núi là thung-lũng, lác-đác xóm làng, giữa những vườn ruộng xanh rờn, thỉnh-thoảng có đám chằm vàng của vườn bắp, chằm đỏ của vườn cam. Một giòng suối bạc chảy từ lòng núi ra sông, trong khi mà làn khói lam nhẹ nhàng bay lơ-lửng qua ngọn cây, Cả cảnh vật là một bức họa thiên - nhiên với màu sắc thanh nhã, với đời sống hiền từ *« Đẹp vô-cùng Tổ-quốc ta ơi ! »*

Trong buổi niên ấu ấy, đất nước quê-hương, đối với tôi là Thiên-đường, là vườn đào-nguyên của mộng hồn tuổi trẻ, là sau những buổi học chỉ biết đùa dỡn, dạo chơi, và khi về nhà thì mẹ hiền đã dành cho những miếng quà ngon lành. Tuy vậy đôi khi tôi nghiệm thấy ông, cha, chú, bác, như có sự gì lo-âu trên nét mặt khi nhắc đến chuyện nước non, tôi cho rằng *« quốc sự »* là công chuyện của những người lớn, mình không có quyền nói đến và nghĩ đến.

Thế rồi khi lớn lên, khi tuổi lòng đã biết suy nghĩ, mình như đã vỡ trí, và trước vận nước *« nổi trời »* mình cũng thấy lòng mình se lại, với những mối lo âu, thắc-mắc. Từ lúc ấy, thì Thiên-Đường của tuổi thơ - ấu như đã biến mất, và khi nhìn bốn phương mình chỉ thấy sầm vương, phủ phủ, đúng với câu của Milton trong tập thơ *« Thiên-Đường đã mất »* (Paradise lost) :

*« Mẹ miserable ! which way shall I fly
Infinite wrath and infinite despair »*

*(Tôi thật khốn cùng ! biết bay đi phương nào,
Vô cùng căm-giận và vô cùng thất-vọng ?)*

Rồi sau khi từ Bắc vào Nam, khi chính mình đứng trước vận nước thăng trầm, khi chính mình chen chân vào con đường tranh đấu, thì thể tình ảm lạnh, và vẫn thấy dân mình đau khổ, mình

nhịệm thấy như con thuyền say (le bateau ivre) bình bồng trên biển cả :

Mais vrai, j'ai trop pleuré ! les Aubes sont navrantes.
Toute lune est atroce et tout soleil amer.

(A. RIMBAUD)

(Mà thật thế, tôi đã khóc nhiều. Những Bình-mình buồn
thăm

Tất cả trăng đều ác-nghiệt, vì tất cả mặt trời chua chát)

Và đã có khi, trong lúc sống dưới những chân trời xa lạ, tôi đã viết câu như sau đây về quê nhà :

«Nay xa quá hỏi tình thiêng đất Việt !
Trong lòng tôi như chết cả niềm vui,
Trong cười say ca hát, lệ thấm rơi,
Hình xứ sở vẫn chưa mờ trong dạ»

Thời thế là thời chứ gì ! Tình nhà, nợ nước, mình chưa báo đền được mây-may, và những khi cầm bút viết về các người thân thuộc, và viết « Bức Thư Paris » về các bạn đọc thân mến, mình cũng hiểu rằng đồng bào của mình ở quốc-nội đang trải qua một thời đau khổ nhứt và cũng có lẽ hùng-vĩ nhứt trong lịch - sử dân tộc mình. Qua lịch-sử nước mình cũng như qua lịch-sử các nước khác, thì chỉ trong can-đảm, hy-sinh thành thật, tận tâm, người ta mới có thể tạo nên những thời kỳ oanh-dũng, xây dựng một quê-hương độc lập, và công bình. Đó là sự cố gắng chung của cả một dân tộc trước sự mất còn, trong cuộc chiến đấu ngày nay, và trong cuộc kiến thiết ngày mai. Đó là công việc chung. Thế thì dầu chúng ta có ở quê-hương, hay ở xứ ngoài, mỗi người vẫn phải làm theo bổn phận của mình, vẫn phải tâm ngay, chí thẳng để Theo Về Ánh-Sáng !

Riêng tôi, từ ngày tôi viết trong tạp-chí Phò-Thông thân-mến của các bạn, tôi đã làm quen với bao nhiêu người, tôi đã giầu

thêm nhiều tình bạn từ nơi muôn dặm, và ngày nay duyên văn tự mỗi ngày thêm gắn chặt.

Trong những bức thư tôi nhận được, cũng như trong các bài đăng trong Phò-Thông, tôi nhịệm thấy, qua những giọng buồn buồn, bao nhiêu lo-ngại trước vận nước và bao nhiêu thiện - chí trong công cuộc xây-dựng một nước Việt-Nam hòa-bình, dân-chủ,

Qua những giọng chữ đen trên giấy trắng, tôi đã cảm thấy bao nhiêu lời nói nghẹn-ngào, bao nhiêu đau khổ âm - thầm, bao nhiêu nước mắt kín đáo. Nhưng ta cũng nhận thấy bao nhiêu kêu gọi thiết-tha đề-giờ lấy đạo đức, tiết tháo của người dân Việt theo truyền thống nghìn xưa.

Trước sức mạnh của vũ lực, họ đành chịu im-lặng sống trong cảnh bất-thường, nhưng trong lòng họ, chí anh-dũng vẫn không bao giờ tiêu ma. Ta cũng tủi buồn khi thấy bao nhiêu « nam nhi » đã vì chút tiền tài mà quên hẳn chí hướng cao cả của một người công dân trong khi nước nhà hữu nạn ; ta cũng tủi buồn khi thấy bao nhiêu thiếu-nữ Việt-Nam xinh đẹp đành đem tấm thân bán rẻ « cho thiên hạ mua cười ».

Ta hay tội nhịệp cho những người đó, vì một ngày kia, khi hòa-bình trở lại, với sự giáo-huấn nhân từ, những người ấy sẽ Theo Về Ánh-Sáng.

Ánh-sáng, đó ngày nay ta hãy cố tìm trong lịch-sử oai-hùng của nước ta, trong bài học đạo đức của nền luân - lý của dân ta, trong cốt cách thanh nhả của gia-dình của chúng ta. Khi nào ta có trong tay những khí cụ ấy, thì bất cứ ở trường-hợp nào, chúng ta cũng giữ vững được lập trường thẳng-thắn của chúng ta, dầu thân thế tiêu ma trong bão tố.

«Cho hay sinh là kỹ, mà tử là qui,

Mới biết mệnh ấy yều, mà danh ấy thọ.»

Kẻ thì chen chân ngựa, quyết giật cờ trong trận, xỏ lể gan vàng mà mệnh bạc, nắm lòng hồng theo đạn lạc tên bay.

*Kẻ thì bắt mũi thuyền, loan cướp giáo giữa giòng,
thương than nhép trọng đê thân kinh, phong da ngựa mấc
bèo trôi sóng nổi*

(Vũ.Lượng và tiền quân NGUYỄN.VĂN.THÀNH)

Nói theo tinh-thần thượng võ, thì «người chiến-sĩ không bao giờ chết cả». Vì họ vẫn sống trong ngọn cờ trước gió. sống trên giòng lịch-sử. sống trong lòng của toàn dân mến phục. Và còn gì kiêu-hãnh bằng khi:

*«Bóng kỳ-sứ già ngoài quan ải
Tiếng khải-ca trở lại thân kinh.
Đình non bia đá để danh
Triều thiên vào trước cung đình dâng công»*
(CHINH PHỤ NGÂM)

Mười Năm sống của Phê-Thomas, tức là Mười năm phụng sự Văn-học Việt-Nam trong cơn khói lửa, trong sóng gió loạn-lung, với những người cầm bút cộng tác (trong đó có nhiều nhà văn đã nổi tiếng) không khuất phục trước cường bạo, cũng như không sa-ngha trước bao nhiêu cám dỗ.

Cùng với lòng trung-thành, thân mến của độc giả, chúng ta cứ mạnh dạn *Theo Về Ánh-Sáng*.

Ánh Sáng ấy là ánh sáng của lịch-sử, soi con đường **CHÍNH-ĐẠO** để chúng ta noi theo, xem thường, xam khinh những mối phú quý, những bả hư-danh của những kẻ bất chánh bất tài.

*«Một đời được mấy anh hùng
Bỏ chỉ cá chậu chim lồng mà chơi»*
(NGUYỄN - DU)

Đời còn dài, chúng ta hãy đợi những ngày mai tươi sáng của dân-tộc Việt Nam: «Còn non còn nước còn dài».

Ngân Côn



HỌA THƠ

TAO - ĐÀN BẠCH - NGA

«Thu về tang tóc lắm, Thu ơi»

của NGUYỄN-VỸ



LT.S.— Chúng tôi đăng lần lượt những bài thơ họa của quý bạn, theo thứ tự nhận được trước sau, chứ không phải theo giá-trị của bài thơ. Cuối tháng 12-1967, chấm dứt cuộc họa thơ, chúng tôi sẽ nhờ quý bạn đọc lựa chọn 10 bài trội nhất để tặng giải. Chúng tôi sẽ tặng mỗi giải một tác phẩm của N.V., hoặc một năm, hay 6 tháng báo Phê-Thomas.

(Xin xem PT từ số 199)

15) Thu về tang-tóc lắm, Thu ơi!

*Màu lệ trời Nam vẫn sụt-sùi
Non-Nước can phân, tình nước đoan,
Dàn tâm bất-thống, lệ tâm rơi.
Lửa binh ai rắc hoen lòng đất,
Xương máu ai gieo tìm cõi trời?
Hỡi Đấng Từ-Linh ban phép nhiệm,
Hào-quang tỏa lấp ánh ma trôi...*

MẠCH-QUẾ-HƯƠNG

(Nhà thuốc tây Vĩnh-Bình)

16) *Thu về tang-tóc lắm, Thu ơi !
Đã mấy thu qua, người giết người ?
Xác chết chất-chồng trên lá chết,
Lệ rơi dồn-dập dưới mưa rơi.
Vàng trắng âm-đạm chìm ven núi,
Tiếng dế thê-lương vọng cuối trời.
Thiếu-phụ ôm con nhìn lá rụng
Tin chồng biển-biệt tháng ngày trôi...*

HỒ THỊ-HOÀNG-YẾN

(Tòa Hành-chánh Binh - Định)

17) *Thu về tang-tóc lắm, Thu ơi !
Đề khách bi-thu luống ngậm-ngùi !
Nguyệt-điện mây giăng màn thắm-đạm,
Trần-gian bom nổ xác tôi-bời.
Bắc-Nam nhạt lạt tin thư vắng,
Hoa-cỏ sương đầm giọt lệ rơi.
Dân-tộc còn đương đau khổ lắm,
Nên « Hoàng-hoa tửu » biếng đem xơi.*

BÍCH-HỒ

(66 Phan Bội Châu Huế)

18) *Thu về tang-tóc lắm, Thu ơi !
Bấm đốt phân tư thế-kỷ rồi
Thu ấy khởi đầu dòng máu chảy
Thu này chưa dứt lệ châu rơi
Sông-Giang thuở trước gương lồng bóng
Bến-Hải ngày nay nước lộn trời
Chức-nữ Ngưu-lang lòng hận-tử
Vời trông Ô-thước mịt-mù khơi.*

VĂN-TIẾU

(Ty Công-Chánh Paksé (Laos))

19) *Thu mình oanh-liệt lắm ai ơi !
Máu thắm nên trang sử tuyết-vời.
Cách-mạng bừng cao trên lối thoát,
Thực-dân nhào nát dưới mưa rơi...
Bài ca ái-quốc hòa sông núi.
Tiếng gọi huu-binh thuận đất trời,
Lá rụng làm phân cây sống mãi;
Chồi xanh đơm mạnh khắp nơi...*

BÍCH-LIÊN (Gia-định) (1)

L.T.M.

(1) L.T.S.— Câu đầu bài này không theo đúng thể lệ họa thơ của tác giả, nhưng chúng tôi vui lòng chấp nhận vì ý thơ đẹp.

20) *Thu về tang tóc lắm, Thu ơi !
Thôn xóm đã im những nụ cười
Đã hết bóng diều, còi mục thổi,
Chỉ còn tiếng súng, hỏa châu rơi,
Thương nhà khôn nên lời kêu đất
Mến nước đành buông tiếng « hỏi trời » !
Sông núi bao năm chưa hết loạn !
Thu sang không giữ được bụi-ngùi.*

HUỲNH-CÔNG-LONG

—Saigon—

21) *Thu về tang tóc lắm, Thu ơi !
Người chết, nhà tan, nước sông sùi.
Thế-hệ mấy tầng chung chết lịm,
Can trường vạn lớp chẳng bùng rơi.
Tình sâu với nước thầy vun đất.
Nghĩa lớn cùng dân khí dậy trời
Máu lửa lừng mây, vàng ngập điện !
Thịt người nộm sống mặt trời trời*

Thu Paris 2-10-1967

MỘNG-TRUNG

(Vitry-Sur-Seine-France) (1)

(1) Lời Tòa soạn.— Nữ Thi.sĩ Mộng-Trung là tác giả tập thơ « Giọt thời gian » ở Pháp.

22) Thu về tang-tóc lắm, Thu ơi!
Nước-nước non-non nghĩ ngậm-ngùi.
Chiến-địa tàn-hoang thân xác ngập!
Làng thôn tan-tác Nước chia đôi
Quê-hương khói lửa bao người khóc?...
Tổ-quốc tang-thương lắm kẻ cười!
Lốp-lốp hàng.hàng thây ngã gục.
Trùng-trùng điệp-điệp lá thu rơi,

TRẦN-HÀ
(Luang.Brabang.Laos)

23) Thu về tang-tóc lắm, Thu ơi!
Đáy đó trời thu lệ sụt-sùi.
Xương trắng trái đây khăn trắng ngư,
Máu hồng tuôn thấm, lệ hồng rơi,
Cọc-đồng găm thét băng đôi chốn,
Chim-sắt gào la lướt khắp trời.
Tiếng dế nĩ-non mờ bóng-nguyệt,
Hoa vườn lay động giống ma trôi.

LÊ-NGUYỆT-ÁNH
Giáo.sư Trung học Vĩnh.Long

Chú thích:

Cọc đồng: xe tăng, xe nôi đồng.
Hoa vườn: nghĩa bóng: đàn - bà, con gái.
Lay động: bị quấy rũ, hung lạc.

24) Thu về tang-tóc lắm, thu ơi!
Hải ngoại quan san những sụt-sùi,
Chanh nghĩa non-non thân xác lìm
Đầu lòng nước-nước máu đào rơi
Muôn người lệ đổ hy-sinh mạng
Lắm kẻ hồn thọ oán trách trời
Cánh nhạn đưa tin về Đất Mẹ
Chuông chùa gọi lĩnh bóng ma trôi.

ĐỖ-VĂN-MANH
Tucson, Arizona. B5720
(Huê.Kỳ)

25) Thu về tang-tóc lắm, Thu ơi!
Hai ngã quê-hương hận thấu trời.
Núi biển điu-hiu mây trắng phủ
Sông xanh quanh-quẽ nước buồn trôi.
Nương dâu cỏ dại trắng vàng đờ
Ruộng lúa mỡ hoang thít nát phơi.
Rừng rức rừng khuya sương nhỏ lệ,
Xót tình đất lạnh giọt sao rơi...

HOÀNG-ẤN
Bệnh Viện Qui-Hòa

26) Thu về tang-tóc lắm, thu ơi!
Khắp cả giang-san lửa ngất trời
Cánh vật điu-hiu, bom, đạn nổ
Cỏ cây vàng-úa gió, mưa rơi!
Chiến-tranh tàn-khóc, lòng đau-xót
Sanh-hoạt gian.nạn, lệ sụt-sùi!
Non-Nước thanh-bình mong sớm hiện
Hoa-đăng bùng ánh sáng ma trôi...

QUÂN-TRỌNG
saigon

27) Thu về tang-tóc lắm, Thu ơi!
Chinh chiến gây chi cảnh sụt-sùi.
Gió thét mây bay vành trắng lìm.
Lửa reo máu đỏ lệ người rơi.
Hận thù ngọn núi đay non nước.
Súng đạn rền vang khắp đất trời.
Chỉ muốn làm sao lên nguyệt điện.
Cầu xin Phật Thánh đuổi ma trôi...

NGỌC-MAI
(Trường Đồng Khánh - Huế)

28) Thu về tang-tóc lắm, Thu ơi !
Gieo rắc làm-than khắp cõi đời.
Đạn rớt tung trời, xương thịt rớt,
Bom rơi chát đất, máu đào rơi.
Cửa nhà tan nát, tràn-sóng núi
Vườn ruộng hư hao ngập đất trời
Mỗi độ thu đi, thu trở lại,
Ngậm-ngùi nhắc đến lệ sầu rơi.

NHAN-DƯƠNG

Đại.Uý Q.Đ.V.N.C.H
KBC 4893

29) Thu về tang-tóc lắm, Thu ơi !
Ngẫm giọt mưa Thu lệ sứt-sùi.
Tàu chuối sương khuya còn đọng đó,
Ngõ dừa trắng lạnh đã tan rồi !
Sông Thu một dãy vàng loang-loáng
Hoa trắng vài bóng rung tả-toi.
Máu đỏ thành sông, thấy chát núi
Cảnh này buồn lắm-lắm thu ơi !

LÊ-MINH-CẨM

Cái Bè (Định Tường)

30) Thu về tang-tóc lắm, Thu ơi !
Non nước phân-chia luống ngậm-ngùi,
Lá rụng hàng-hàng muôn bóng rụng,
Hoa rơi điệp-điệp vạn hồn rơi.
Da vàng một cõi đau lòng đất,
Máu đỏ đôi phương thấm dạ trời.
Biết đến bao giờ ngưng bãi chiến,
Thank-bình gieo rộng khắp nơi-nơi

KHẮC-TRUNG

Phú-Khuong (Tây-Ninh)

31) Thu về Tang-tóc lắm Thu ơi !
Non nước hai ngôi, một giếng nòi
Đêm nhịp Hiền-Lương sâu nhịp một
Nhìn dòng Bến-Hải hận dòng đời
Ngập mờ ma đói rêm lòng đất
Nức khóc dân quê thót ruột trời
Thế-hệ ly-tan mê mãi giấc
Sứt-sùi cảnh lệ lá sương rơi

ĐÔNG-SƠN

Đình bà Trung bến Hùng-Vương
(Trúc - Giang)

32) Thu về tang-tóc lắm, Thu ơi !
Rất cổ mòn hơi chẳng hết lời
Hai nẻo đau thương, sâu vạn nẻo
Muôn nơi kêu khóc, hận đời nơi
Giang-san chia cắt, thây lầy đất
Tờ-quốc phân ly, lửa ngất trời
Rộn-rã nhà ai vui yến ăm
Âm-thầm chinh-phụ lệ tuông rơi

HOÀNG-OANH

(Bình-Đại)

33) Thu về tang-tóc lắm, Thu ơi !
Non-nước đao binh hận ngập trời.
Khói lửa hai miền ngùn-ngụt cháy.
Máu xương bốn hướng đầy đầy rơi
Lá vàng tan-tác lòng ly-biệt,
Mây trắng chơ-ơ dạ ngậm ngùi
Văng vẳng nhạc sầu ai khéo thổi
Cảm thu gan ruột những toi-bời.

HY VŨ

11 Khải Định Phan-Tiết

34) Thu về tang-tóc lẫm, Thu ơi !
Ai giết hồn thu chết lịm rồi
Một mảnh khăn tang trùm đất nước,
Hai vòng nô-lệ máu xương phơi
Ngậm-ngùi con đở thân côi-cút,
Chua-xót đầu xanh rẽ lúa đôi
Bến-trái trắng buồn soi lệ chảy
Sầu Thu hồ dễ mấy khi người !

VĂN-QUANG
Đà.Nẵng

35) Thu về tang-tóc lẫm, Thu ơi !
Lửa cháy trời Nam tỏa khắp nơi,
Khói quện mây phơi mây lớp lớp.
Xương tan thịt nát lá rơi rơi.
Hai vùng biển máu reo rừng-rợn
Một mảnh tình quê rách rả-rời...
Man-mác trắng thu buồn quanh-quẽ,
Lặng nhìn non nước lệ đầy vơi.

HỒNG-LĨNH
Thanh-minh Diên-khánh

36) Thu về tang-tóc lẫm, Thu ơi !
Chinh chiến tang thương phải ngã m-người
Máu đỏ loang hồng, hoa úa đỏ
Mây trôi bàng bạc, lệ mờ trôi
Tim dằng ngàn-nguyệt, muôn lần đạn,
Ruột thắt băng-khuáng, vạn góc trời
Khúc hát quân hành, lay bóng nguyệt.
Lập-loè lửa trận tựa ma trôi...

HOÀNG THỊ THANH-TÂM.
Khánh Hội.

KHOA CHÂM - CỨU TAI ÂU - CHÂU

★ □ ★ □ ★ □ B. S. HOÀNG-MỘNG-LƯƠNG

L.T.S.— Cách đây hơn 10 năm ở Dalat ngày ấy mưa, mù, lạnh.
Anh B.S Hoàng đến thăm tôi. Trong phòng đọc sách, bên lò sưởi,
cạnh chén nước trà Bảo-Lộc ướp hương, chúng tôi bàn chuyện
Quốc-gia.

B. S Hoàng nói :

— Này anh Vỹ, ở đây mà anh chủ trương tờ báo « Dân Chủ »
tôi tưởng không xứng đáng với khả năng của anh, phí công quá.

— Sao vậy ?

— Thì anh thử tính xem — Dân số Dalat trên dưới 25.000 chớ
mấy. Trong số ấy, bao nhiêu người đọc « Dân Chủ » ? Một số không
đáng kể — chỗ này không phải « đất dụng võ » của anh — Hãy hạ sơn
xuống Saigon, mở một tạp chí có tính cách truyền bá những gì mà
đồng-bào đại chúng cần hiểu biết...

— Tôi cũng có ý-nghĩ cho ra một tạp-san Thường-Thức hay
Phổ-Thông, để phổ-biến Văn-hóa cần-thiết giúp ích cho Đồng-bào.

Từ đề nghị ấy, xuất hiện nguyên ý thành lập tạp-chí Phổ-Thông,
rồi Phổ-Thông số 1 ra đời với cảm tình nồng-nhiệt của các bạn bốn
phương. Bản chỉ xin nhắc lại đây những bài của B.S Hoàng mà các
bạn đã có dịp đọc qua trong P.T. mà B.S, Hoàng là một vị cộng-tác
hăng hái nhất từ lúc đầu tiên :

— Châm cứu trị liệu là gì ?

— Ai ăn trứng vịt lộn không ?

— Ngày kỷ niệm của Pasteur.

— Là vàng, là rặng ? (Trả lời : Thu ơi ai nhuộm là Thu vàng ?)

— Đập cổ kính ra, tìm lấy bóng

Và sau đây, để đánh dấu một bước tiến triển của Phổ-Thông
bạn đọc sẽ vui lòng tiếp tục đọc một thiên khảo cứu của một Bác-sĩ
nổi danh quốc-tế về khoa Châm-cứu, bạn tri kỷ đồng hành của Phổ-
Thông từ 10 năm nay.

N.V.

Mãi đến thế kỷ 20 —
Khoản 1925 khoa châm
cứu trị liệu mới định
cư trên lục địa Âu - Châu.
Người Pháp đầu tiên đã gia nhập
khoa ấy ; đã công khai trình bày
khoa ấy như một « qui phạm »
trước các giáo sư Y học, tại
Hàn - Lâm Y học Balê.

Tất cả những gì chứng minh
sự nghiêm trang cho một phân
khoa, « khoa châm cứu trị liệu »
đều có đầy đủ ở Balê.

Viện C.C. quốc gia, viện C.C.
quốc tế bệnh sở thực tập liên
đoàn y sĩ chuyên khoa C.C., tam
nguyệt san C.C, hội thảo C.C.
hàng tháng tổ chức cho địa
phương, hàng năm cho liên tỉnh
và mỗi hai năm 1 kỳ đại hội
quốc tế C.C. đã nhóm họp các
nhà chuyên r. các nước của
năm châu.

Những cuộc phổ hội như vậy
đã mang lại cho hội viên rất
nhiều lý thú về học hỏi, về tình
cảm, về du lịch.

Lớp dạy Khoa châm cứu ở Balê.

Thời khóa học định hai năm.
Mỗi tuần 1 giờ giảng. Mỗi tháng

4 giờ ; trong 4 giờ ấy, một giờ
đề riêng dạy thực tập. Cuối
năm thứ nhất, có một kỳ thi lên
lớp ; Cuối năm thứ hai, có một
kỳ thi tốt nghiệp. Có hai loại
bằng cấp để chứng minh học
lực của thí sinh ;

Học sinh chia làm hai hạng :

1) Đã đậu y khoa bác-sĩ nhưn
y, bác-sĩ thú y, bác-sĩ nha-khoa.

2) Đã có bằng cấp ôn bà (cô
đỡ), bằng cấp y tá, bằng cấp
án ma chuyên viên.

Hạng thứ nhất sau khi tốt
nghiệp chuyên khoa C.C. có
quyền hành nghề. Hạng thứ nhì
sau khi tốt nghiệp chỉ thừa hành
nghề dưới sự hướng dẫn của
một bác-sĩ chuyên khoa.

Chương trình học tập.

Giáo viên phần nhiều là
những Bác sĩ đã thụ giáo ở
Trung-quốc hay Nhật-Bồn, xuất
xứ ở Nam Trung, ở Bắc Trung
hay ở Nhật Bồn, sự huấn luyện
vẫn gần như giống nhau, chỉ
khác đôi chút không đáng kể.

Khai giảng bởi một bài khá
dài về Hàn y trong ấy người ta
nói sơ lược về sử ký, địa dư,

văn hoá của Trung-quốc, người
ta bố trí 1 khung cảnh trong
đó xuất xứ khoa « châm cứu trị
liệu ». Tiếp theo là những nhận
xét về phát triển của liệu pháp
này qua không gian và thời
gian.

Những bài giảng chánh của
chương trình là :

Định nghĩa hai chữ châm cứu
nói về khả năng của thủ pháp
này, về thuyết lý căn bản của
hàn y đạo về *khí hoá* ở vũ trụ
và ở nhóm thêm về *mạch, kinh,*
Lạc, Huyết, vi sự châu liên của
khí âm, khí dương, khí dương
qua không gian và thời gian. Về
thủ pháp hay là kỹ thuật châm
cứu, về dụng cụ xưa và nay.
Dệnh trạng và bệnh nhưn—Về
vọng, vấn, vấn, thiết đông y và
tây y. Phép bắt mạch được dạy
sau cùng làm nhiều bài.

★ Y loại tham khảo.

Tuy không dồi dào, nhưng
sách dùng về giáo huấn ngay
tạm đủ ; người ta đã dịch thuật
hay là trước thuật những bộ y
thơ căn bản của Trung quốc.
Bộ y học nhập môn đã được
dịch ra pháp văn ; Quyển châm
cứu đại thành cũng viết bằng
chữ Pháp. Có những Y-sĩ Tàu

hợp tác với y sĩ Pháp để các tác
y phẩm ấy. Có người Pháp thâm
nho, như Souliède Morant, đã
soạn một tác phẩm Châm cứu
rất vĩ đại, người ta đã đề nghị
giải thưởng Nobel cho nhà thông
Nho y ấy. Về loại sách nhỏ gọi
là « Châm cứu thực hành »,
« Châm cứu cấp cứu » thì nay
đã xuất bản khá nhiều đề phục
vụ cho sinh viên Bộ sách đầu
giường của học giả Balê là bộ
Tô-vấn.Nội.Kinh và Nạn.Kinh.

Một dụng cụ học hỏi đặc biệt
là một hình nhưn bằng nhựa có
đủ : mạch, kinh, huyết ở trong,
có ánh sáng điện xanh đỏ. Nếu
bạn muốn tìm kinh nào, huyết
nào thì chỉ có việc bấm một
nút nào đó, tức thời một đường
kinh xanh hay là đỏ hiện ra với
các huyết trên đường kinh ấy.

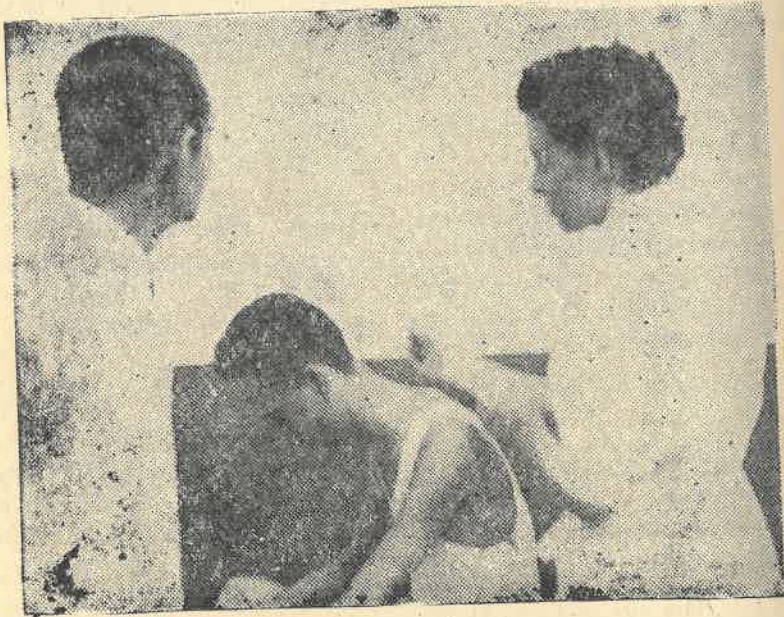
Người Pháp học châm cứu
trước người Đức. Hiện nay
người Đức tỏ ra lãnh hội nhiều
về phương pháp ấy vì lẽ dễ hiểu
là người Đức ưa thích nghiên
cứu dịch lý. Dịch lý là căn bản
của Hàn y Từ 1948 đến nay,
mỗi năm ở Pháp đào tạo được
độ chừng 20 chuyên viên châm
cứu. Chỉ có những người đã
tốt nghiệp y khoa, có bằng bác
sĩ học thêm khoa châm cứu thì

mới được phép hành pháp ấy.

Phần nhiều bác sĩ Pháp chuyên môn châm cứu kiêm cả môn Đồng dị trị liệu (homéce thérapie) và chỉnh cốt (ostéopratie)

Sở dĩ người ta bắt buộc có bằng bác sĩ mới được xử dụng chánh thức thủ pháp châm cứu

là để bảo tồn sức khỏe cho bệnh nhân. Cách đây 15 năm, tòa án sơ thẩm Ba lê đã xử đôi ba vụ « châm cứu » thi hành bởi những người không có bằng bác sĩ y khoa. Châm cứu trị liệu tức là chữa bệnh, chữa bệnh mà không học « bệnh lý nội ngoại khoa » thì làm sao chẩn đoán cho khỏi sai lầm ? Thế cho nên



Một Nữ Bác-sĩ Pháp đang thực tập
thủ thuật Châm-cứu

người ta khiến trách người châm cứu không có bằng cấp bác sĩ, vì chưa học môn phòng bệnh cho nên vô tình đã bỏ qua những trường hợp truyền nhiễm, không khuyến nhủ gia đình bệnh nhân những gì nên đề phòng để tránh sự truyền nhiễm.

Những hội nghị quốc tế về khoa C.C. tự liệu

Mỗi 2 năm hay là 3 năm một kỳ gặp gỡ.

Kỳ thi nhất hội tại Ba lê 1950 Tiếp theo, người ta nhóm họp tại Vienne, Boun, Nhật bản, Caoly Dailoan, người ta thông báo trước một năm cho biết địa điểm hội sở, chương trình nhóm

hợp, gồm có thảo luận các đề tài đã ra trước, dự thính các thông án đặc sắc, quan sát các tổ chức liên hệ y học, du ngoạn thắng cảnh, dự cuộc biểu diễn nhu đạo liên hệ với các huyết C.C., sau cùng là một dạ hội nâng chén tác thù và hẹn nhau « hậu nhật trùng phùng ».

Non nước thương yêu của ta còn đượm màu khói lửa, chưa đề cập đến một hội nghị C.C. quốc tế được. Ước ao rằng các đồng nghiệp sẽ vui học chuyên môn khoa này để có số đông rồi mới có thể làm sườn cột một hội quốc gia C.C. trước đã. nhiên hậu mới chung vai với các hội lân bang.

Nam nữ bình đẳng :

Năm vừa qua phụ-nữ Texas (Mỹ) đứng lên tranh đấu đòi Chính-phủ Mỹ xét lại các luật đối với phụ-nữ. Để thực-hiện nam nữ bình-quyền thật-sự.

Hãy xem đây một trong những luật đang áp dụng :

« Được miễn nghị những người đàn ông giết một người khác về tội quyến rũ vợ mình. Ngược lại người đàn bà giết người đã quyến rũ chồng mình thì bị tội rất nặng,

MỪNG
PHỔ THÔNG
năm thứ 10



丁未秋
柳村底事付青了
嘉布可时揮鐵峯
野外通多半夜傳
室中珠子之更點
高帝教兒入桃海
文化隨波臨海角
收美頻經少人前
普通旬報十週年
恭賀普通第十週年

(Xem phiên-âm và dịch trang đối diện)

Phiên âm bài chữ Hán :

Cung hạ Phổ-Thông đệ thập niên

Phổ.Thông tạp-chí thập châu niên
Âu.Mỹ tần kinh bộ bộ tiền
Văn-hóa tùy ba du hải giác
Tứ chương ngữ khí nhập đảo nguyên
Không trung châu tử tam canh chiếu
Dã ngoại liên thanh bán dạ truyền
Lộ bố hà thời huy thiết bút
Ưu tương đề sự phó thanh thiên

Đinh-Vị-Thu
SONG.THU Hảo ầu

Dịch bài thơ trên :

Mừng báo Phổ-Thông 10 năm

(Tác-giả dịch)

Phổ.Thông mừng tuổi được yên lành
Âu.Mỹ lâu nay đã mến danh
Góc biển nhiều phen đua vượt sóng
Nguồn đào lắm lúc lướt qua gành
Lửa châu canh vắng, mờ tinh tú
Tiếng sủng đêm khuya, dội thị thành
Bút sắt ngày nào chươi lộ bố
Hay là để đó mặc ông xanh ?

Mùa Thu năm Đinh.Mười
Bà già SONG.THU

L.T.S.— Trong lúc làm bài thơ này, cụ Song.Thu đã 70 tuổi, đang đau nằm trên giường bệnh, nhưng vẫn nhớ đến ngày kỷ-niệm Phổ-Thông 10 năm.và hồn thơ vẫn khỏe mạnh !



Thơ gửi về mừng Phổ-Thông năm thứ mười

Thơ nhạc hân-hoan thả ý hương
Đề ghi cố gắng với tinh sương :
Phô cao vận nghệ thời ly-loạn,
Thông hiển cương luân buổi thất thường
Một nét quan hoài vương huyết lệ,
Mười năm công nghiệp rạng từ chương.
Men thơ gửi trọn tình nguyên chất
Cùng bạn vui mừng rượu bốn phương.

NGUYỄN-VĂN-CỒN
Paris

Một bộ Lịch-sử loài người

RÚT NGẮN LÀM 1 CÂU



★ NGUYỄN-TỬ-QUANG

NƯỚC Ai cập thời cổ có một nhà vua, tuổi quá ngũ-tuần rồi mà chưa được xem một quyển sách nào. Bộ sách ông thêm khát được đọc là bộ « *Lịch - sử loài người* » ; nhưng khổ nỗi, cuộc đời ông từ mái đầu xanh cho đến tóc điểm bạc, không lúc nào ông được rảnh rang,

Đời ông luôn luôn sống trên mình ngựa, năm sương gối tuyết bên bãi chiến trường. Nay chính

phục nước này, mai đánh chiếm nước nọ, mắt ông nhìn thấy toàn sắt và máu lửa, không bao giờ nhìn trọn một trang sách của thánh hiền. Ông rất ân hận,

Nay nước nhà hòa bình và cuộc chiến đấu phải nhường cho một thế hệ mới : thế hệ trẻ hơn ông. Ông định xem cho kỹ được bộ Lịch sử loài người để tìm xem người ta sống để làm gì ? Đó là điều mà ông thường băn khoăn và tò mò muốn biết rõ.

MỘT BỘ LỊCH SỬ

Nhưng thắm thay, tuổi ông cao, mắt ông mờ lại vì quá lao tâm lao lực trong việc giết chóc nên giờ đây con người ông quá suy kiệt mà bộ Lịch Sử loài người, nhìn đến phát khiếp.

Toàn là những mảnh da trâu bỏ dầy cộm, chất dầy dầy trong hàng chục gian của Viện Tàng cổ. Nhà vua làm sao có can đảm đọc hết bộ có hàng trăm quyển như thế ? Ông bảo viên Sử thần già :

— Đời Trẫm nay chỉ còn một điều mong muốn là đọc được bộ Lịch sử loài người trước khi nhắm mắt theo các tiên vương. Nhưng Trẫm đã già mà bộ Sử thì quá nhiều, vậy hiền khanh có chiều ý Trẫm là rút ngắn bộ Lịch sử ấy chỉ còn độ 50 quyển có được không ?

Viên Sử-thần già tâu :

— Được. Nhưng hạ thần xin bệ hạ cho 100 người phụ giúp.

Nhà vua tươi cười, gật lời :

— Một ngàn người cũng được. Tuy hiền khanh chọn lựa.

Viên Sử-thần lại tâu :

— Hạ thần xin cảm ơn bệ hạ. Nhưng thời gian quyết định 10 năm mới xong.

Nhà vua bồng sa sầm nét mặt lâm bầm tinh :

— Năm nay ta 55 tuổi, 10 năm nữa, ta sẽ 65 tuổi. À 65 tuổi, Trẫm sẽ đọc được bộ Lịch sử loài người. Kể ra muộn. Nhưng muộn còn có hơn không.

Thế là, viên Sử thần già nhận chức Trưởng Ban tu sử, cầm đầu một Ủy ban gồm 100 người nỗ lực bắt tay vào việc.

Bộ Sử viết bằng da trâu phân làm hàng non ngàn tập, bấy lâu nằm yên trong viện Tàng cổ nay bỗng chốc được người nâng dậy để giữ từng trang, từng mảnh lục soạn, khảo tra. Bị xóc lên tuôn bụi mù mịt chẳng khác bãi sa mạc đương cơn gió lốc. Mùi bụi, mùi hôi ẩm nồng nặc bắt mọi người phải nghẹt thở, nôn ọe.

Kể ra họ cũng giàu thiện chí. Họ không chửi thăm ông vua mắc dịch, cứ ham lo chiến tranh gi-o-tang tóc cho sinh linh, không chịu đọc sách thánh hiền từ lúc trẻ, đến bây giờ thần kê lỗ đất lại sinh chứng đọc sách đọc Sử để làm khổ thêm cho họ.

Không chửi thăm, không trách móc, vì họ là người có lòng dẽ

MỘT BỘ LỊCH SỬ

tha thứ ; và họ cũng nhận thấy đây là một công trình vĩ đại đối với hậu thế, mà họ có nhiệm vụ phải làm. Công việc gian lao của người trước để cho người sau hưởng lấy và tiếp tục. Đó là công việc trường-kỳ mà họ lấy làm hãnh diện để khai lối mở đường.

Chớ muốn biết Lịch-Sử loài người mà phải đọc cả hàng lô, hàng tá quyển đựng trong hàng chục gian kho như kho chứa thóc, thì phỏng hỏi còn ai muốn biết cái lịch sử loài người là cái quái gì cho khổ thân !

✱

Trải qua ngày tháng năm, Ủy ban tu sử cặm cụi làm việc bất kể đêm ngày. Ông Trưởng ban tu sử lưng còng còm, mắt còng mờ dưới đôi kính trắng đã mấy lần thay đổi.

Mười năm qua, bộ Sử hoàn thành còn 50 quyển.

Một sáng sớm, ông Trưởng ban tu Sử cho chở bộ Sử trên 10 thớt tượng to khệ nệ vào triều, dâng lên vua. Nhà vua trông thấy choá mắt thở dài, bảo :

— Công lao của hiền khanh

thật to. Nhưng đáng tiếc trăm đã già, sức mòn mỏi mà đối với bộ sử còn quá nhiều, trăm không đủ sức đọc được. Vậy phiền hiền khanh chịu khó rút gọn lại còn độ 5 quyển được không ?

Vị Trưởng ban tu Sử tâu :

— Được. Nhưng hạ thần năm nay đã 70 tuổi rồi, hạ thần e rằng không còn đủ ngày giờ sống để hoàn thành bộ Sử cho bệ hạ xem nữa. Giá hoặc có sống cũng trở thành điên loạn mất, rồi bộ Sử cũng chẳng ra quái gì. Điều này, hạ thần rất lấy làm lo ngại.

Nhà vua vuốt chòm râu bạc, mỉm cười :

— Điều lo ngại của hiền khanh chẳng khác nào điều lo ngại của Trẫm. Trẫm năm nay đã 65 tuổi, vì hồi trẻ lao tâm lao lực quá nhiều, ngày thấy càng suy nhược. Trẫm nghĩ không biết Trẫm còn sống để hân hạnh nhìn lấy cái vẻ vang của hiền khanh không đây nữa. Nhưng Trẫm không chán nản, bi quan thì có lý do nào hiền khanh lại chịu kém Trẫm hay sao ? Vậy hiền khanh khả vì Trẫm mà cố gắng hoàn thành bộ Sử bằng cách rút ngắn

MỘT BỘ LỊCH SỬ

lại như ý Trẫm, để Trẫm biết được : Lịch-sử loài người sống để làm gì, trước khi Trẫm yên dạ nhắm mắt.

Vị Trưởng ban tu Sử vâng vâng, dạ dạ, bái tạ lui về.

Thế là Ủy ban tu Sử lại nỗ lực tiếp tục làm việc. Họ quên cả ngày đêm, loai cả ăn ngủ. Họ tiếc từng giờ, họ tiện từng phút, họ giữ từng giây,

Năm năm, bộ sử hoàn thành còn được 5 quyển

Những ủy viên tu sử, bây giờ người nào cũng gầy ốm như cây khô, mặt mày vờ vàng như sắp chết. Còn ông Trưởng Ban Tu Sử thì râu tóc như bông, lưng còm cơ hồ sát đất, giọng nói khàn khàn không thành tiếng, tay chân run lẩy bẩy, đi phải chỏi gậy. Trông thật thiếu nảo.

Một sáng sớm, ông Trưởng Ban tu Sử cho một thớt tượng mạnh mẽ chở 5 quyển Sử vào triều. Chuyến này, ông Trưởng Ban tu sử không còn sức đi bộ được nữa mà phải nằm nhờ kiệu khiêng đi.

Vừa đến nơi thì bỗng có tên

nội giám từ trong cung nhà vua bước ra chạy ra, kêu to :

— Bệ hạ sắp thăng hà, các quan ai có chuyện cần kíp quan trọng thì hãy gấp vào cung để gặp mặt lần cuối cùng và muốn tâu gì thì tâu.

Vị Trưởng Ban tu Sử hoảng hốt, cho kiệu đi tuốt vào cung. Nhà vua nghe tin, đưa tay quờ quang vội vén màn, nói với ông Trưởng Ban tu sử, giọng phều phào :

— Ta...ta rất cảm động...và cảm ơn...công khó nhọc của... của hiền khanh. Ta sắp chết...ta rất ân hận...vì không biết... không biết được Lịch sử loài người. Vậy...vậy hiền khanh... hiền khanh hãy tóm tắt bộ sử bằng...bằng một câu, một câu thôi.

Vị Trưởng ban tu Sử lập bập tâu :

— Hạ thần xin vâng mạng. Lịch sử loài người là : « Loài người sinh ra để khổ rồi chết »

Nhà vua gật đầu. Đôi môi khô héo của bà vua bỗng nở một nụ cười tươi tắn, mãn nguyện rồi tắt thở. Và giữa lúc ấy, vị Trưởng ban tu Sử đang mồm của ta lại

MỘT BỘ LỊCH SỬ

nác lên mấy tiếng, đoạn trút hơi thở cuối cùng trên kiệu tại hoàng cung.

Truyện không nhớ được chép ở sách nào, ai là tác giả. Truyện kể ra nhuộm màu triết lý bi quan, nhưng cũng có phần cực đoan. Vì trong cái số loài người

sinh ra để khổ rồi chết cũng có một phần sinh ra để...sướng rồi chết.

Ai khổ rồi chết ?

Ai sướng rồi chết ?

Không cần phải giải thích.

Chỉ có chết là hết.

★



★ Lý-Tưởng

Hỏi một chàng trung niên nọ :

— Tại sao anh chần chờ mãi không cưới vợ ?

Chàng kia thở ra :

— Ngày tôi còn trai trẻ, tôi mong mỗi thể nào tìm cho được một người vợ lý-tưởng. Tìm mãi bốn năm sau mới gặp.

— Rồi sao ?

— Nàng từ chối, bảo nàng đang tìm người chồng lý-tưởng;

● Dừng nhạc Chopin nuôi bò.

Nghe nói tại Hòa-lan người ta cho bò nghe phát-thanh để sinh nhiều sữa, một nông-dân nọ tạo riêng cho bò anh ta một chương trình âm nhạc đặc-biệt: Anh cho biết bò nghe nhạc Chopin và Debussy tốt nhất, sữa vắt được có nhiều Cờ-rem và thuộc về loại tốt. Ngược lại nghe kích động nhạc, sữa mau trở mùi, thiếu chất béo,

Tài - liệu

KHOA - HỌC HUYỀN - BÍ

□ □ □ HIỆN - ĐẠI □ □ □

I) HỒN NGƯỜI — II) HỒN MA — III) YÊU TÍNH

★ TÂM-TRÍ N.V.



BẠN đọc thân mến của *Phổ-Thông*

Tôi biết trước rằng trong số quý bạn đọc loại bài này, thế nào cũng sẽ có *những bạn tin tôi* và cũng có *những bạn không tin tôi*, Nhưng *tin* hay *không tin*, đó là quyền riêng của quý bạn.

Mục đích của kẻ viết bài này rất là giản-dị, khiêm-tốn và rất là thiết thực: đem tất cả những tài liệu khoa học mà mình đã tra cứu bấy lâu nay về môn huyền bí, để kể lại cho các bạn nghe. Thế thôi. Những tài liệu ấy gồm có những bài tôi đã tra cứu khá nhiều trong các sách báo ngoại quốc, mà tác giả đều là những nhà Bác-học, khoa học xưa và hiện nay, hầu hết là nổi danh của các viện Hàn-Lâm Khoa học Mỹ, Pháp, Đức, Anh và Nga-xô. Nhất là từ sau đệ nhị Thế chiến. Tôi đã đề khá nhiều thì giờ tìm hiểu, phân loại, so sánh với ý chỉ kiên nhẫn quyết tìm cho ra một vài tia sáng trong các vấn đề huyền bí của vũ trụ. Đồng thời, tôi cũng ghi lại với một chủ đích triệt đề khách quan, tất cả những chuyện huyền bí, khó hiểu, mà chính

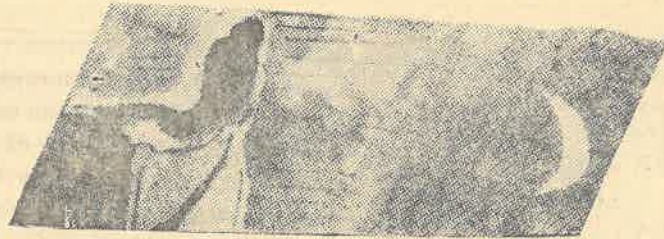
mắt tôi đã trông thấy rõ ràng, và những sự kiện có tính cách hoàn toàn chủ quan mà tự tôi đã thử nghiệm trong nhiều trường hợp ở nhiều nơi, qua một thời gian khá lâu dài.

Tôi triệt đề gạt bỏ những chuyện do người khác kể,—mặc dầu là những bạn thân. Đáng tin— và trong đó tôi cũng nhận xét có đôi phần bịa đặt, hoặc thêm bớt cho hấp dẫn, hoặc cũng có nhiều khi quá bông lông, giả tạo thiếu những yếu tố phù hợp với với một số nguyên tắc thí nghiệm.

Tôi gạt bỏ những gì mà tự tôi đã nhận định là mê tín, dị đoan như vài chuyện phù thủy, vài chuyện ma quỷ, yêu tinh, vài chuyện đồng bóng, v.v...

Nói thế không phải là phủ nhận tất cả những chuyện đó. Nhưng tôi tạm cất ra một bên một số sự kiện nào đó, quá phi lý, quá huyền hoặc, chờ một dịp khác sẽ nghiên cứu kỹ hơn.

Từ nay, hồ sơ « *Tài liệu khoa học Huyền Bí* » của tạp-chí *Phổ-Thông* đã chính thức mở ra, để bạn đọc có cơ hội và phương tiện tra cứu nếu quý bạn có khả năng và có chút ít thì giờ.



Tôi sẽ hoan nghênh tất cả những nhận xét của bạn đọc gửi về, kể cả các bạn đọc ngoại quốc, và quý bạn này có thể viết bằng tiếng Anh, tiếng Pháp, hay tiếng Đức, rồi chúng tôi sẽ dịch ra Việt ngữ. Nếu cần, một « *Hội nghiên cứu tài liệu Khoa học Huyền bí Việt - Nam* » sẽ được thành lập để các bạn nào có khả năng và ước vọng sẽ có cơ hội trực tiếp tham gia vào công việc sưu tầm chung của chúng ta, và song song theo rồi các hoạt động của các Hội quốc tế, các Hàn-Lâm-Viện Khoa học Ngoại quốc, trong lĩnh vực *Huyền bí Vũ trụ*. Chính những nhà thông thái này cũng đang ở giai đoạn học hỏi, trao đổi tài liệu và thảo luận sôi nổi trên bình diện khoa học khách quan, để đi đến một khoa học tiến bộ xưa, rất cũ... và rất mới.



● 3 Sự-kIỆN chính xác, tiêu biểu 3 hiện tượng huyền-bí.

1.— *Linh hồn của người sống có một từ lực (fluidé magnétique) huyền bí mà khoa học thực nghiệm chưa tìm ra định luật.*

Đại tướng NATHAN TWINING nguyên chủ tịch Ủy ban Tham mưu trưởng quân đội Mỹ, là Tư lệnh đệ thập tam không đội Mỹ ở Thái-Bình-Dương trong kỳ Đệ nhị Thế-chiến vừa rồi, (U.S XII Pacific Air Force).

Căn cứ hành quân của ông ở cách xa quê nhà ông ở miền Bắc tiểu bang Caroline 20.000 ki-lô mét, nơi đây, tại thành phố Charlotte, vợ ông vẫn nhận được tin tức của ông hằng ngày.

Một đêm mưa tầm tã cuối tháng 1 năm 1943, Bà Twining đang ngủ trong phòng bỗng có một huyền lực gì đánh thức bà

đây. Bà dặt mình mở mắt ra thì chợt thấy rõ ràng chồng bà đứng nơi chân giường. Bà kể chuyện lại như sau đây, (Trích dịch trong quyển « *a search for the truth* » (đi tìm chân lý) của Ruth montgomery, 1967) :

« Tôi thấy rõ ràng nét mặt và hai bàn tay của chồng tôi, Đại tướng Nathan, cả chiếc nhẫn đeo nơi ngón tay. Tôi trở mắt nhìn ông. Hai tay ông đang bám chặt vào gọng giường, từ từ buông ra, rồi ông biến mất. Tôi hết sức kinh ngạc, cảm thấy như tóc tôi dựng đứng trên đầu... »

Ba hôm sau, Bà Twining được Bộ Quốc phòng Mỹ báo tin chính thức cho bà hay rằng Đại tướng Twining người đã mất tích, Chiếc phi cơ của Đại tướng bị rút xuống biển, ngay cái đêm và cái giờ mà chính bà trông thấy hình ảnh ông xuất hiện đột ngột nơi chân giường.

Nhưng sáu ngày sau, người ta tìm lại được ông trong một chiếc phao nổi lênh bênh trên biển Thái bình-dương, bị sóng đánh tới bờ. Người ta cứu được ông đưa về bệnh viện ở căn cứ.

Nằm mê man trong bệnh viện,

ông không biết gì về chuyện vợ ông đã thấy, nhưng trong bức thư đầu tiên mà ông viết cho bà sau khi đã hồi tỉnh lại, ông kể rằng ngay lúc chiếc máy bay rút xuống biển, giữa một trận mưa tầm tã, và ông đang vùi lấy chiếc phao thì ông thấy bà hiện ra rõ ràng trước mặt ông, và nhìn ông trong mưa...

Bà ALEXIS YOHNSON, vợ ông đại sứ Mỹ ở Nhật-hồn hiện nay, có kể chuyện sau đây :

Năm 1940, ông Johnson làm Lãnh sự Mỹ ở Moukden thủ đô Mãn-Châu-quốc. Cuối năm ấy, chiến tranh sắp lan tràn đến xứ này, ông Lãnh sự vội cho bà về Mỹ, ở tiểu bang California. Bà về đến nhà ít lâu thì ông Lãnh sự bị người Nhật bắt,

Ngày 8 tháng 6 năm 1942, lúc 21 giờ 30, Bà Johnson đang ngủ, bỗng trong giấc chiêm bao bà nghe tiếng ai bảo bà dậy lập tức sang bên nhà hàng xóm vặn radio nghe một tin quan trọng. Bà dặt mình tỉnh dậy, nhớ giấc chiêm bao, vội vàng mặc áo mở cửa chạy ra ngoài, mở cổng để băng qua một nhà quen ở hàng xóm. Vì nhà bà mới dọn về, chưa có radio. Nhà hàng xóm cũng

đang ngủ, nghe bà đập cửa xin cho nghe nhờ đài phát thanh Moukden của Mãn-châu-quốc gia-đình hàng xóm vội thức dậy, vặn radio tìm làn sóng điện Moukden. Vừa gặp làn sóng thì người ta vừa nghe có tiếng người phát ngôn viên Nhật :

— Đây, ông Johnson, lãnh sự Mỹ, nói chuyện với người Mỹ.

Ai nấy đều im lặng, đợi chờ. Một phút sao, bà Johnson nghe rõ tiếng chồng nói :

— Đây, tôi là Alexis Johnson, lãnh sự Mỹ ở Moukden. Nếu có ai đang nghe đài phát thanh này, thì tôi nhờ làm ơn tìm cách liên lạc với vợ tôi là Patricia, ở Laguna Beach, Calipornia, và trao đến bà ấy thông điệp sau đây : « Anh khỏe mạnh. Anh đang hy vọng được trao đổi tù binh và được hồi hương theo đường tàu thủy đến Lurengo Marques, Mogambiques. Tất cả âu yếm gửi về mình và ba con yêu dấu. Hết »

Bà Johnson vui mừng chờ tin tức. Mãi hai tháng sau, quả thật có chiếc tàu *Gripsholm* chở một đoàn tù binh Mỹ được người Nhật cho hồi hương ưu tiên,

trong số đó có ông Lãnh sự Alexis Johnson.

Hai chuyện tôi vừa thuật lại, đúng 100% đều có ghi trong sách báo Mỹ sau kỳ Đệ nhị thế chiến vừa qua, do chính đương sự kể ? Trong hai trường hợp này hai LINH HỒN HIỆN VỀ BÁO TIN đều là cũng hai NGƯỜI CÒN SỐNG, một tin nguy cấp, (Đại tướng Nathan Twining), và một tin vui mừng (Lãnh sự Alexis Johnson),

Trong trường hợp của ông Đại tướng, lại còn có linh hồn của bà vợ đang ngủ trong phòng, ở cách xa 20.000 kí lô mét, hiện ra trước mặt người chồng đang bị tai-nạn sắp chết chìm giữa Thái-bình-dương, mà người vợ không thể biết đích là nơi nào. Dĩ nhiên, đêm đó bà Twining không biết là chiếc phi cơ của chồng bị rút xuống biển.



2.— Hồn ma hiện về.

Các bạn hẳn còn nhớ tên ông WENDELL WILLKIE lãnh tụ đảng Cộng Hòa, ứng-cử-viên

Tổng Thống Mỹ năm 1910 bị thất bại, Năm 1944, ông bệnh nặng phải nằm nhà thương.

Một buổi tối mùa thu 1944, cô HÉLÈNE SIOUSSAT, người yêu của ông và chủ sự phòng ngoại giao của hãng Columbia Broadcasting System, ăn tiệc tại nhà người bạn thân niên của cô là Bernard Baruch. Giữa bữa tiệc, Baruch tự nhiên cất tiếng thật lớn hỏi các quan khách :

— Có ai biết ông Willkie hôm nay bệnh tình như thế nào không nhỉ ?

Cũng tự nhiên, cô Hélène nghe một tiếng huyền bí nói thầm cho cô nghe rằng ông Willkie đang chết trên giường bệnh. Cô hoảng hốt, nhìn mọi người, rồi nghẹn ngào không ăn được nữa. Một vài phút sau, cô nói cho mọi người biết việc cô vừa mới được nghe cái tin lạ lùng ấy. Thấy cô ngồi khóc, Baruch liền đứng dậy gọi điện thoại hỏi các tòa soạn nhật báo lớn, tất cả đều trả lời rằng bệnh tình ông Willkie đã thuyên giảm nhiều. Mặc dầu vậy, cô Hélène buồn rầu, bỏ bữa tiệc về nhà nằm. Thấy thế cũng hơi lo ngại, Baruch tìm cách liên lạc với nhân viên bệnh viện vì

nơi đây đã có lệnh để ông Willkie nằm yên dưỡng bệnh, không cho ai tới thăm.

Cô Hélène về nhà, vừa nằm được một lúc thì điện thoại reo. Baruch xúc động lao tin cho cô biết ông Willkie vừa mới chết.

Chuyện này tất cả các báo Mỹ hồi năm 1944 đều có tường thuật rõ ràng.

★ Năm 1864, Hoàng đế Pháp quốc, Napoléon III, gửi một đạo quân viễn-chinh qua giúp vua Maximilien chinh-ôhục xứ Mexique (Mê-Tây-Cơ). Nữ Bá-Tước-DE RUGY, góa chồng, chỉ có một người con trai độc-nhất, nhập-ngũ, đóng lon Trung-Ủy trong đội quân viễn-chinh ấy.

Chiến-cuộc rất gay-go. quân của Mexique đánh quân Pháp nhiều trận ác-liệt, làm cho quân Pháp chết khá nhiều. Một hôm. Bộ chiến tranh Pháp. hoàng loan tin chiến-thắng vẻ-vang trong cuộc chiếm kinh-đô Mexico. Trung-Ủy Tử-tước DE RUGY tham-gia trận chiến-thắng, chính chàng kéo quân đầu tiên vào thành và được tuyên dương công trạng.

Bà Bá-tước De Rugy mở một tiệc mừng rất linh-đình, mời qua n-khách toàn là những bạn thân của bà, các tướng lĩnh, Tổng-trưởng, Đại-sứ ngoại quốc, và các nhân vật nổi tiếng trong các giới trí-thức, thương-lưu, các nhà Bác-học, Văn-học của các Hàn-Lâm-Viện.

Buổi tiệc trên 100 người. Tiệc xong lúc 22 giờ, sắp mở Đại-hội khiêu-vũ. Bà Bá-Tước lên lầu để thay y phục, trong lúc ở phòng khách rộng mênh-mông người ta đang sửa-soạn nhảy-đậm giữa một cuộc nhạc-tấu liên-hoan rạo rục mê-ly.

Nhưng bà Bá-tước vừa mở cửa phòng trang điểm thì bà trông thấy con trai của bà, Trung-Ủy De Rugy đứng trước mặt bà, một vết máu đỏ lôm đang chảy ra từ một vết thương trên ngực. Bà hét lên một tiếng kinh khủng và té xỉu xuống sàn gỗ,

Nghe tiếng hét, quan khách ở dưới nhà kinh-hởm, không biết chuyện chi, kéo nhau chạy ủa lên lầu, thấy bà nằm chết giắc trước cửa phòng. Người ta xúm lại vớt bà lên giường, và năm ông Bác-sĩ có mặt trong buổi dạ hội cùng nhau lo cứu bà.

Cuộc khiêu-vũ bị bãi bỏ, và tất cả quan khách đều im lặng, lo âu, băn-khoăn, chờ đợi.. Ai cũng cho rằng bà yếu tim. nên lên cầu thang bị xỉu. Một giờ sau, dần dần bà tỉnh dậy. Bà uống một ly nước lạnh, rồi ngơ ngác nhìn mọi người đứng chung quanh giường bà. Bà như người mất trí, cất giọng run-run hỏi :

— Con trai của tôi?... Con trai của tôi đâu ?

Chẳng ai hiểu gì cả. Bà như mê hoảng, bảo :

— Tôi vừa trông thấy nó đứng trong phòng trang điểm của tôi và tôi trông thấy ngực nó đầm cả... máu... và máu...

Bà lại nằm thíp, bất tỉnh nhân sự.

Theo lời đề-nghị của quan khách, năm ông Bác-sĩ bèn lập một biên bản ghi đầy đủ tất cả các chi tiết của biến-cố đúng y theo lời bà Bá Tước đã thuật lại rõ ràng trước mặt mọi người. Biên bản ấy được toàn thể quan khách ký tên làm chứng để trình lên Hoàng-đế Napoléon III.

Hoàng đế Napoléon III và Hoàng hậu Eugénie rất ngạc nhiên, vì Quân Pháp thắng trận, và

Trung Úy De Ruyg được ghi tên trong bản tuyên dương. Nhưng ba hôm sau, điện tín từ Mexique gửi về Tổng trưởng Chiến tranh, báo tin Trung-Úy De Ruyg đã chết, sau cuộc chiến thắng, lúc chàng đi ra phổ bị quân Mexique đâm gươm vào ngực chết liền.

Theo điện tín, chàng bị chết đúng 22 giờ đêm, chính ngay lúc bà Bá Tước trông thấy chàng

hiện ra trước mặt bà trong phòng trang điểm.

Biên bản trên kia hiện nay còn giữ trong văn khố sử-liệu của Bộ Chiến tranh Pháp, nay đổi là Bộ Quốc phòng.

(Còn nữa)

★ Quý bạn có ý kiến gì về ý định thành lập « Hội nghiên-cứu tài liệu khoa-học huyền bí » xin viết thư về chúng tôi.

Thân mến



Danh-nhân tư-tưởng

1.— Thế giới là một trường học lớn. Sự khôn ngoan, gian khổ là ông thầy giỏi, là người bạn tốt để rèn luyện ta

THOREAU

2) Một bạn thiết là người dám nói thẳng cho ta biết những lỗi lầm của ta, và hết lòng hết sức giúp ta trong lúc hoạn nạn.

HORACE SMITH

3.— Kỳ nhậu không gì bằng nước với lửa, thế mà khéo dùng đem lửa nấu nước thì được bao nhiêu công việc.

PHÓ-TỬ GIẢ NGÔN

4.— Dẫn quân vào đất mất, sau mới còn, hãm quân vào đất chết, sau mới sống. Nghĩa là đưa quân vào tuyệt địa tất nhiên quân sẽ cố đánh lấy thắng. Thắng bại là do ở người cầm quân.

TÔN-TỬ

5.— Xử việc khó xử càng phải khoan dung. Xử người khó xử càng nên trung hậu.

LÝ-TIÊU-VIỄN

6.— Chớ lo không được quan to, nên lo cái « Đức » của mình còn kém cõi ; chớ tủi không được lộc hậu, nên tủi cái «tri» của mình còn hẹp hòi.

TRƯƠNG HÀNH TRUYỆN

*Buồn thu, hồn lảng tiếng, chơi vui..
Non nước điều linh lương ngậm-ngùi !
Biển động, dập dồn con sóng dậy,
Gió gào, tan tác lá thu rơi.
Khói sầu chính chiến tràn sông núi,
Lửa hận tràn gian ngập đất trời.
Thương đăm dân lạnh ngọc ngần hỏi:
Niềm tin giờ biết gửi vào ai ?*

TÔN-NỮ HỖ-KHƯƠNG

Tung Ngòi Bút Thép

(tặng Phổ-Thông 10 Năm)

*Mười năm dáu biển cơ cầu.
Mười năm nghiên bút vẫn sầu nước non,
Bao phen sóng gió chữa mòn,
Phổ thông vẫn tiến tranh ngôn chợ đời !
Cuộc cờ rồi rắm toi bời.
Tám phương mây cuốn nghẹn lời núi sông,
Hàng hàng lớp lớp ngùi trông.
Y vàng tung gió, tím hồng dáng cao,
Đêm sâu khoắc khoải đếm sao.
Trời thu nức nở khoác màu buồn tênh,
Dấu chân lịch sử tiến lên.
Muôn sao trở giấc lênh đênh sóng hồ.
Chung tay dán mảnh dư đồ,
Tung ngòi bút thép điểm tô quê nhà.*

PHƯƠNG ĐÀ



★ Truyện ngắn của LỮ - QUỲNH

Cơn mưa đã dứt. Những hạt nước lấp lánh đọng trên hàng rào kẽm gai, rơi xuống cỏ đều đặn. Tôi ngồi im. Khói thuốc mang hơi ấm từ đầu những ngón tay. Mùi thuốc lá thật dịu dàng giữa không khí chìm lặng của buổi chiều Cao - nguyên. Những ngọn đồi thoải - thoải, màu đất đỏ báy giờ đã xám lại, gần tiếp với màu trời hoàng hôn. Tôi cảm thấy bình yên trong phút này. Lòng hết sức thanh-thản. Những đối tượng của sự âu-lo, dằn vặt, bồng mờ phai, không thể níu kéo gần hơn được. Doanh trại vắng bót người. Tiễn đoàn xuất quân lúc 4 giờ sáng. Tôi được chỉ định ở lại giữ hậu cứ. Tiếng chân người lệch xệch trong bóng đêm. Âm-thanh

đéo và ướt từ những chiếc dày cao cổ rút lên khỏi lớp đất quánh lại như bùn. Sóc đã bắt tay tôi như mọi lần. Tôi nghe tiếng hân mà không nhìn rõ mặt. «Ranh lên nhà tôi chơi», Tôi gật đầu, nhưng có lẽ Sóc không biết. Đêm còn tối quá.

Tôi dời đến đây vào mùa đông năm ngoái. Lần đầu tiên đến Cao-nguyên, tưởng không thể chịu nổi với gió và bụi đỏ — Nhưng rồi vẫn chịu được hết. Hôm Tết, tôi rủ Sóc ra nhà một người bạn. Hân ở một mình và là giáo viên của một trường Thượng. Tôi thường hỏi hân: «Mày học được bao nhiêu tiếng Thượng rồi?» Hân chỉ lắc đầu chán-nản: « Hôm nào mày đến thăm trường tao, sẽ biết —

TRAI THỜI CHINH CHIẾN

Đúng là tao bị dày». Tính hân ít nói. Đêm đó, tôi không ngủ. Tôi nói với Sóc, tôi có thói quen từ nhiều năm nay, ngồi thức đợi giao thừa. Giữa cái ranh giới thời gian đó, tôi nghĩ tới những người thân, những điều phi - lý và đau khổ mà đã - độc mình đang phải gánh chịu. Sóc ngồi im lặng. Khuôn mặt ồm đến biến thành dương nét. 12 giờ Giao thừa rồi đó. Tôi nói với Sóc, rồi đi ra đứng dưới hang hên, nhìn núi đồi, trời màu đen rước mặt. Tiếng pháo nổ rền từ thành phố xa vọng lại. Khi tôi quay vào nhà, dựa bàn đã mở những chai rượu đặt sẵn giữa bàn cùng thức nhắm. «Tụi bây uống đi Uống mừng năm mới» Tôi nghĩ tới Châu nghĩ tới những lá thư mà cho nàng, luôn luôn có câu: «Anh không bao giờ chết được». — «Uống đi Sóc Rượu trước đã.» Rượu ấm chạy qua cổ, chạy xuống dạ dày. Tôi cảm thấy rõ rệt đường rượu đi qua. Châu cũng thường viết cho tôi: «Anh không thể nào chết được, vì nước mắt từng đêm của em. Nước mắt là sự cầu-nguyện chân thành, mà Thượng dễ phải thấy.» — Sóc, uống nữa đi. Dù có say chẳng quan hệ gì, đang ngưng

bản mà, dù thời gian cho chúng ta trải một cơn say.

Tôi nhớ đêm đó cả ba thằng đều say. Rhum, Martel, rượu đều được đem ra dùng hết. Cả bọn ngồi gục đầu lên bàn mà ngủ cho đến trưa hôm sau.

Bây giờ, người bạn giáo viên được dời về miền xuôi. Có lẽ hân không còn cảm thấy hân là kẻ bị dày nữa. Đêm đã rút hết ánh sáng về bên kia ngọn đồi từ lúc nào. Mẩu thuốc trên tay đã cháy thâm vào đầu lọc mà tôi chẳng hay, Tôi ném mạnh tàn thuốc xuống đất, rồi đứng dậy. Tôi đi về phía cuối trại. Bóng một người đang lom-khom cạnh một cái móc hậu xe. Tôi tiến lại gần, «Mày làm gì đó Y - Rut?» Người lính n, ẩng mặt nhìn tôi cười: «Em sửa soạn đi câu. Đêm qua em được nhiều cá lắm. Thiếu - úy lại mở thùng xem». Tôi vẫn không xê-dịch chỗ đứng. «Các anh thì thôi! Hết bắt-cá-nước lại đi câu! Y Ru cười thành tiếng: «Em có vợ con rồi, không đi bắt-cá-nước đâu. Mấy anh chưa có vợ mới ham!» Tôi mỉm cười quay đi. Y Rut có cái dáng dấp và giọng nói đặc biệt. Ở anh hình như có

một liên hệ với các đối tượng mà tôi thường suy nghĩ. Tôi thường gặp Y Rut, để sau đó thao thức về không biết bao nhiêu hình ảnh.

Tôi trở về phòng, muốn vùi mình trong chăn tìm một giấc ngủ nhưng không thể nào chợp mắt được. Tôi vùng dậy, đứng bên khung cửa sổ nhìn mưa rơi. Gió thổi hiu hắt dọc theo hiên nhà. Giờ này Châu đang ngủ. Tôi nhớ tới căn phòng đơn giản, với một khung cửa sổ mở ra đường. Trước ngày tôi rời thành phố, Châu bệnh. Con sốt thường từm lên thân thể nàng vào các buổi chiều. Châu nằm nghiêng đặt bàn tay nóng hổi trong tay tôi. Khuôn mặt nàng đỏ rần, đôi mắt mệt mỏi, đại hãn khi nhìn tôi. Tôi cảm thấy xót xa, đưa hai tay ôm chặt khuôn mặt nàng, rồi bỏ xuống phố. Những ngày đó, tôi ở lại bên Châu suốt cả buổi sáng, buổi chiều. Thấy Châu ngoan đến tội nghiệp.

Tôi biết sự khó ngủ không phải vì nghĩ tới Châu. Những ám ảnh không đâu chồn-vồn trong trí. Tôi không phân biệt rõ.

Sáng hôm sau, khi lái xe lên

thành phố tôi gặp vợ Sóc đang dẫn con đi sắm đồ. Tôi ngừng xe lại, đứng lúc người đàn bà bảo đứa bé «khoanh tay a chú đi con» Tôi quỳ xuống ôm đứa nhỏ vào lòng, rồi chạy nhanh vào tiệm mua cho nó một gói kẹo Hoà-lan. Vợ Sóc đẹp và nghiêm nghị. Tôi hỏi: «Nghe chị sắp về Mỹ-Tho?» Thiếu phụ vuốt tóc con: «Tôi định thế, nhưng bây giờ đợi về cùng ba cháu luôn». Tôi chợt nhớ là Sóc vừa được lệnh thuyền chuyển về đó. Thiếu phụ cúi xuống bóc kẹo cho con: «Hôm nào rảnh, mời chú ghé nhà chơi!» Tôi vâng, chào người đàn bà, rồi lên xe phóng chạy.

Lúc xe đồ dốc, vườn cà-phê bên tay trái toả hương thơm ngát. Ánh sáng buổi mai yếu ớt, âm u trên mấy ngọn đồi đỏ. Khi về đến trại, tôi thấy Y-Rut ngồi làm cá, vẫn bên cạnh chiếc móc hậu xe. Hắn chăm chỉ đánh vẩy và lấy mang, không để ý đến tôi đang chăm chú nhìn. Người lính Thượng cần mẫn với đôi mắt xếch Da nhàn lại trên khuôn mặt xạm nắng và đôi bàn tay đen. Tôi hỏi: «Đã uống rượu chưa Y-Rut?» Hắn ngẩng mặt cười. Tôi biết hắn đã làm ít nhất cũng nửa xi rượu

để rồi! Nhiều đứa trong đơn vị rất phục Y-Rut — vì hắn đánh giặc rất hăng. Hắn thân nhiên «làm thị» địch, như những lần ở nhà ngồi đánh vẩy và lấy mang cá

Tôi bỏ chỗ đứng, ra ngồi trên một mồm đá, châm thuốc hút. Buổi trưa, nắng chói trên mấy ngọn đồi. Một ngày nắng đẹp. Tôi nhìn quốc lộ chạy dài và nổi bật giữa nền đất đỏ. Những ngày yêu Châu, có lần tôi được nghe những ao-ước mộc-mạc của nàng một căn nhà nhỏ trên núi.

Và bây giờ, tự nhiên tôi thích có một chiếc xe đạp để đạp quanh những ngọn đồi, trên con đường mòn, vào những chiều hiu - hắt nắng.

Tôi vứt mạnh mẩu thuốc xuống đất dùng để giày dẫm nát. Tôi có ý tối nay sẽ viết thư cho Châu và kể cho nàng nghe ý thích tầm thường đó.

★

Bữa cơm tối vừa xong. Tôi nhìn mấy người lính vừa đi vừa nghịch lấy muống gõ vào cà-mên kêu len-ken. Tôi đợi hút xong điếu thuốc sẽ vào viết thư cho Châu. Bỗng

có tiếng lao xao từ phòng truyền tin đi về. Những tiếng chân buồn kéo lê trong đất ướt. Tôi hỏi lớn « Gì thế ? » Một người nói ; « Dạ, đơn vị mình vừa chạm địch. » — « Có sao không ? » — « Dạ, thiếu úy Sóc... » Tôi cảm thấy tim mình se lại. Tôi tiến nhanh về phía đó, ngừng lại giữa căn phòng hẹp với tiếng hú nhỏ và tiếng tích-tè hỗn loạn từ máy điện-báo. Sóc đã tử trận. Tôi nghe lạnh chạy dài xương sống. Tôi đọc kỹ những chữ đã được ngụy hóa trước mắt một lần nữa. Đúng là Sóc đã chết rồi ! Tôi vội vã về phòng, viết nhanh vào trang giấy định viết thư cho Châu những giòng chữ báo tin vợ Sóc.

Tôi lái xe như điên ra phi-trường. Có lẽ trực thăng sắp xuống. Tôi lại sắp nghe tiếng khóc, sắp nhìn Sóc bất động trên băng ca. Tôi cảm thấy xót xa khi nhớ tới khuôn mặt bầu bĩnh của đứa con Sóc, ý và định của người đàn-bà sáng nay, muốn đợi chồng về Mỹ-Tho một lượt.



Bạn Gái

Câu chuyện TÓC DÀI VÁY CỤT

★ PHAN-THỊ THU-MAI
và LÊ-THỊ THU-OANH
★ do TUYẾT-HẠNH
ghi theo băng nhựa



đỏ, áo thun đen, thì cười ngặt-nghèo. Biết Thu-Mai, (tác giả Thu-Hiển) không ưa « một » mini-jupe, nhưng trái lại thì Hà rất khoái mặc loại đồ đầm ngắn ngắn-ngắn này, vô Đại-học bà ấy vẫn mặc. Đoán trước thê nào cũng có cuộc « đấu võ mồm » kịch liệt giữa ủng-hộ viên và đả đảo-viên, cái mini-

BẠN GÁI

jupe, lặng lẽ mỡ máy cho ghi âm câu chuyện vào băng nhựa để lát nữa mãn cuộc mở lại nghe chơi,

Em đoán không sai. Diệu Huyền đồng lõa với em, ngồi làm thình cười và đây, em xin chép lại cho bạn gái Phở thông đúng nguyên văn trong băng nhựa cuộc tranh luận vô cùng sôi nổi giữa hai « bà ».

★

Thu-Mai.— Bộ Oanh thiếu tiền mua vải hả? Sao không nói, tao cho vay đỡ vài trăm!

Oanh.— Xạo hoài mấy, tao thiếu tiền mua vải bao giờ? định làm nhục tao trước mặt Bà Tư hở? Mấy xạo vừa vừa thôi chứ, xạo quá cái thân to bằng que nhang của mày tao búng một cái là bay ngay đến xứ Congo.

Thu-Mai.— Không thiếu vải sao bà may mặc cái quái quỷ gì kỳ lạ như vậy?

Oanh.— Cái gì mà kỳ? Ăn mặc như thê nấy đâu phải là chuyện lạ, cả thành phố Saigon con gái đều phom phom với « một » nấy đi bát phở chứ có

riêng gì tở đầu mà chú máy ngạc nhiên.

Thu-Mai.— Không phải lạ, nhưng con gái Việt-Nam không nên ăn mặc phản thuần phong mỹ tục như vậy, áo gì mà hở mông, hở đùi, tất cả những cái gì cần che dấu của con gái đều đem phơi bày lộ lộ hết, chướng mắt không chịu được. Tôi phục bà ở chỗ ăn mặc như vậy đi nhong nhong ngoài đường mà không ngượng.

Oanh.— Lý luận bà già của mấy cóc nghe được, thời-đại này mình phải tiến sao cho kịp đà tiến hoá của nhân loại chứ? Bo bo giữ mãi những thứ cũ như trái đất thì làm quái gì tiền bộ kịp với thiên-hạ. Ít nhất mình cũng phải chứng tỏ cho bọn ngoại quốc nó biết rằng dân mình không phải là giống dân hủ-lậu, mình luôn luôn theo kịp đà tiến-hoá của thời-đại nguyên-tử dân mình không phải là dân tộc chậm tiến. Theo tao mặc mini-jupe vừa đẹp, vừa gọn, lại trẻ trung rất thích hợp với tuổi trẻ, mấy xem cả một ngày bó người trong chiếc áo dài lê thê, chật chội, đi đứng vương vịu khó

khó khăn, thật bực bội và khó chịu, trong khi đó mặc mini-jupe vừa đẹp, tự do, đi đứng chạy nhảy dễ dàng, lại thoải mái, dễ chịu thì tội gì không mặc? Tao chủ trương hệ thứ thời-trang nào vừa đẹp lại tiện lợi thì mình mặc, tao không tán thành việc bo bo giữ mãi một thứ y phục có từ khi mới khai thiên lập địa đến giờ. Cứ nuôi tiếc mãi những thứ xưa từ đời ông Khổng-Tử thì làm sao tiên bộ được?

Mai. — Chủ trương của mày không ai chấp-nhận được, văn-minh tiền bộ nào phải ở lỗi ăn mặc vay mượn vá víu ấy mà gọi là văn-minh, văn-minh là văn-minh tư-trưởng, tiền bộ bằng việc làm, chứ không phải bắt chước cách ăn vận của người ta mà mình văn-minh. Còn mấy chiếc áo dài Việt-Nam là thứ y-phục thiếu mỹ-thuật và không gọn ghẽ thì tao hoàn toàn phản đối, chiếc áo dài Việt - Nam rất đẹp, thướt tha, uyển chuyển, thơ mộng, dễ thương, các nước trên thế giới đều công nhận là nó đẹp. Nó rất thích hợp với người

phụ nữ Á-Đông, kín đáo, lịch sự, và lại mặc áo dài là bảo vệ quốc hồn-quốc túy, dân tộc mình phải có cái đặc - biệt dân tộc tính chứ, cái gì cũng bắt chước ngoại lai hết thì mình đâu còn là dân Việt-Nam! Mà phải chỉ chiếc áo bốn xú của mình nó xấu xí thì không nói gì, đằng này ngược lại cơ mà, tao hoàn toàn phản đối việc con gái Việt-Nam mặc mini-jupe, thứ thời trang đó nó không thích hợp với phụ nữ Việt. Những phần tử đứng đắn không ai thèm mặc bao giờ.

Oanh. — Lắm, lắm lắm to, mini-jupe không phải là thứ thời trang dành cho bọn mắt dạy, giới trí thức quý phái ủng hộ nó nhiều nhất, bằng chứng cụ thể là con mầy ông bà có chức phận ở Saigon đều mặc nó, mấy quèn mầy con nhỏ ở Văn khoa tại mình đó sao? Bọn nó cũng con những bậc trí thức, học giả, quý phái đó chứ bộ!

Mai. — Những người đó là những người mất gốc.

Oanh. — Bỏ qua một bên chuyện dân tộc, mất gốc, ngoại

lai, quốc hồn, quốc túy đi, tôi hỏi bà, một cô con gái mặc áo dài, và một cô mặc mini-jupe đi bát phở, họ chú ý đến cô nào hơn?

Mai. — Dĩ nhiên là họ chú ý đến cô mặc mini-jupe rồi.

Oanh. — Thế sao mày lại đã kích?

Mai. — Tao chưa nói hết câu, họ chú ý vì họ ngờ cô gái ấy là một người tiền sử hay mới ở Congo qua Việt-Nam, nhưng khi họ nhìn kỹ thấy cô có là người Việt bậy mười phần đầu thì họ lắc đầu bảo: « khi » Vì có khi mới hay bắt chước. Ở Anh Mỹ mới xuất hiện bọn « Bít-ton » mini-jupe thì hôm sau ở Việt-Nam có rồi, và mới đây nhất là quần « chân voi » tao phục sát đất thế hệ của tụi mình,

Oanh. — Mày ngoan cô không chịu được, mấy cứ bo bo giữ cái lý luận tã như chiều rách của mầy. Tao hỏi mầy, mình có bộ giở đẹp tội gì không khoe cho thiên hạ lácmắt. Phải chỉ mình có bộ giở như hình chữ S của nước ta và cần

đầy những ôc xà cừ thì mình mau mau đem cắt kỹ nó trong tủ sắt, đằng này ngược lại thì tội tình gì phải đầu kỹ nó chứ? Tao nói đùa nào đã kích mini-jupe là đùa đó có bộ giở như hình chữ S, nó mặc không được nên nó mới xuyên tạc, đã kích.

Mai. — Mày ngang như cua, ông nào vớ nhằm mầy thì có chết với mầy.

Oanh. — Mày mới là dân ngoan cô nhất, thằng nào vô phúc và ngu dại lắm nó mới cưới mầy, tao nói thật nghe, nếu tao là con trai, tao đem kiện lại rước mầy về làm vợ nó ngay. Rất may tao không phải là con trai,

Mai. — Xí, cái bộ mi đó ta cóc có để mắt đến, mặt mi trông thấy là muốn đánh ngay, sức mầy mà tao thèm?

Oanh. — Tại tao bây giờ là con gái nên mầy nói vậy chứ tao mà con trai mầy mê tao như chết, đeo tao như sam, mê tao đến nỗi tao xua như xua tà cũng chạy theo anh ơi anh..

Mai.— Mày làm như mày là một gã con trai, độc nhất vô nhị trong thiên hạ không bằng, nói mà không mắc cỡ, ôi giờ ời!

Oanh.— Mày không mê tao vậy mà chú Hùng có phải không?

Mai.— Ôi giờ ời! cái gã con trai ở tù ba tháng mới ra không tiến hơi tóc đó có ma nó mê, chứ tao thì tao đem hẳn ra pháp - trường cắt chứ mê không nổi rồi. Với bà coi bộ xứng đây: ông tóc dài, bà jupe cắt, thiệt xứng đôi, tao tán thành hai tay.

Oanh.— Sao mày lại ghét con trai để tóc dài?

Mai.— Tại vì trông nó chướng mắt và bệnh hoạn, yếu đuối, chẳng ra người ra ngợm chi hết, con trai không ra con trai, con gái không ra con gái. Con trai phải hùng và mạnh, có vẻ đàn ông thì con gái nó mới nể, để tóc dài lè thê như đầu mối, mạnh ai xem ra gờ-ram nào? Tao đá kích kịch liệt việc con trai để tóc dài, ăn mặc theo như con gái, và con gái ăn

mặc như con trai, và mini-jupe như quần xà-loón.

Oanh.— Bà là vua đá kích, cái gì bà cũng đá kích hết, mày là thành phần hủ lậu, chậm-tiến, cò-lò-si, bà già, ngoan-cô không biết phục-thiện, lỗi-thời và... quê mùa bậy bạ, cù-láng ngồ...

Mai.— Mày còn danh-từ gì nữa đem gán thêm cho tao đi, dù mấy gán cho tao một ngàn cái danh-từ thì tao vẫn giữ lập-trường. lập trường của tui nó vững như tháp Eiffel khó lay chuyển lắm bỏ ời!

Oanh.— Xí, mấy đưng tưởng, mấy nhớ rằng trước kia phụ-nữ Việt-Nam chẳng mấy ai dám uốn tóc, cô nào cả gan làm việc đó thì bị cả nước đá kích, bây giờ mini-jupe tóc dài cũng vậy chứ chẳng khác gì đầu mối. Vài năm nữa mày sẽ tự thấy rằng cái lập trường của mày là lỗi thời, phải không chị Huyền?

Mai.— Chị Huyền bình Oanh hả?

Oanh.— Chị Huyền bình Mai hén?

Huyền.— Hay chưa! Từ này giờ tôi ngồi đây có dám nói gì đâu mà hai cô lại vu vạ cho tôi, hai cô cãi nhau chưa đủ, định kéo tôi vô nữa à?

Mai.— Nhưng chị Huyền đồng ý với lập-trường của em chứ?

Oanh.— Chị Huyền đồng-ý với lập trường của em, hén chị Huyền?

D.H.— Tôi không đồng-ý với cô nào hết. Tôi đồng-ý với lập trường của ông Tú nhà tôi thôi.

Mai.— Tuyệt-Hạnh về phe mình nha?

Oanh.— Hạnh về phe mình chiều mình dài Hạnh một bữa bò-vò-viên.

HANH.— Hí,..hí... Em không muốn theo ai hết, em theo lập trường bò vò viên thôi.

Oanh.— Sức mầy mà cho mầy ăn bò viên, mầy không ủng hộ tao chi hết mà cho mầy ăn thì cũng còn lâu.

Mai.— Tưởng gì, đem bò viên dụ khị, mầy làm như

Hạnh là con nít, sao mầy không dụ tao? Tao là chúa ghiền bò viên, ai cho tao ăn bò viên bảo gì tao cũng nghe hết.

Oanh.— Thiệt hông? Đứa nào nói lão giờ bẻ giò nó.

Mai.— Ừ! nói gì cũng nghe hết, trừ chuyện mặc áo « thiếu vải » và mấy ông « không tiền hớt tóc ».

Oanh.— Ng oan cổ, bữa nào



tao phải đem mầy « tổ » mới được, đàn ngoan cổ, thẳng ngổ.

Hạnh.— Hi...Hi. Hay quá ta.

D.H.— Xin hai cô, nếu hai cô cãi nhau một lúc nữa, chắc chắn sẽ có một cô..khóc cho mà coi! Đề giảng hoà, Huyền mời ba cõ đi xơi bò vi ên, bằng lòng không?

Hạnh, Oanh, Mai.— Hoan

hộ ông Tú bà Tú hai tay, bốn chân.

Câu chuyện đến đây kể như chấm dứt, vì hai bà còn bận đi xoi bò viên, Hạnh hẹn, khi nào hai bà ấy « đấu võ mồm » với nhau nữa, Hạnh sẽ ghi lại đề

bạn gái mình đọc chơi và trao đổi ý kiến.

Thân ái chào các bạn.

« Đấu-khâu-viên » :

THU - MAI và

THU - OANH

« Ghi-chép-viên » :

TUYẾT - HẠNH

● *Lời toà soạn.*— *Bạn Nữ Độc-giả thân mến của Phổ-Thông có ý kiến về câu chuyện « tóc dài vảy cứt », gửi về toà soạn, chúng tôi rất hoan-nghe nh, và sẽ đăng lên mục này đề cuộc trao đổi quan-điểm được đầy đủ và sáng tỏ thêm*

Thân ái

D. H.



★ Rao vặt.

Trong một tờ tuần báo Do-Thái phát hành đầu tháng 9 vừa qua, có đăng mấy giòng Rao vặt sau đây :

« Một người đàn ông Do-Thái muốn làm quen với một thiếu nữ Pháp trẻ đẹp, sẵn sàng ở chung với chàng, để giạy chàng học tiếng Pháp ».

D.H.

TÂM CA CỦA PHẠM-DUY



★ NGUYỄN-VĂN-ĐẬU

Tâm-Ca là một danh hiệu mới mà Phạm-Duy dùng để gọi một số sáng tác phẩm của mình, những bài hát để mình hát cho mình nghe.

Thực ra, đó cũng chỉ là những khúc tình ca. Hay nói cho khác hơn, là những khúc hát tâm tình, tâm tình của một người, một số người hay của cả một thời đại.

Cho đến nay, Tâm Ca không phải là những bài hát chỉ để mình hát cho mình nghe nữa. Nhiều người đã hát Tâm Ca. Nhiều người đã nghe Tâm Ca. Tâm Ca đã phổ biến trong nhiều

người. Tâm Ca đã khua động lòng người. Tâm Ca đã trở nên một hiện tượng.

Đã nhiều người nói về Tâm Ca Nhưng, vì là Tâm Ca, cho nên mỗi người có một cái nhìn khác nhau về nó. Mỗi người đón nhận Tâm Ca với cảm quan riêng, với suy lý riêng của mình. Cũng chính bởi ở chỗ Tâm Ca không phải chỉ thuần túy là nghệ thuật, mà trong đó, nó chứa đựng một thái độ.

Nếu muốn phải dứt khoát để ấn định cho Tâm Ca một giá trị đơn thuần, có lẽ là một điều hơi khó. Trong Tâm Ca, cái chất nghệ thuật bằng bạc, lời cuốn

hồn người như một thứ men say lên lối trong từng thớ thịt của thân xác. Lý-Chánh-Trung, trong một bài nói về Tâm Ca, tỏ lộ rằng đã ưa nước mắt khi nghe Tâm Ca lần đầu. Điều đó có thể đúng, nhất là đối với những người có chút ít khát vọng về một thứ Văn - nghệ chứa đựng một ý thức nào đó.

Tâm Ca ra đời đúng vào một lúc mỗi niềm khát vọng đó đã chín mùi. Trong cái thế giới hỗn mang của những bài ca tình ái giả tạo, Tâm Ca quả đã dễ dàng chiếm được một chỗ đứng vinh dự xứng đáng.

Tôi không còn nhớ rõ đã được nghe Tâm Ca lần đầu ở đâu, chỉ còn nhớ đã được nghe Phạm Duy hát Tâm ca trong một căn nhà ở Bình-Thới. Lần đó, người bạn bé bỏng của tôi đã níu chặt lấy cánh tay tôi, muốn phát khóc, khi nghe Phạm Duy dướn giọng ở chỗ cao nhất trong bài Tâm Ca số 1.

Bài mà tôi biết trước nhất, là Tâm Ca số 2, trong thời gian còn nằm ở bệnh viện, vào một buổi tối ngồi nghỉ, tôi đã hát cho các bạn bệnh nhân của tôi nghe. Tôi nhớ, không ai thích

bài hát đó. Có lẽ nó không thích hợp với không khí bệnh hoạn của nhà thương, và có lẽ cũng vì tôi không diễn tả được cái hay của nó, không thể thực chứng được cái ý nghĩa của nó đối với những bài hát ái-tình ướt át lúc nào cũng nhét đầy ở mỗi giường bệnh. Về sau này, nghe Tâm Ca, sau bao lần so-sánh, tôi vẫn thấy ưng nhất bài số 2 này.

Bài làm cho tôi buồn nhất là bài Tâm Ca số 7. Một lần, tôi nghe bài đó thoát ra từ môi của những em bé mồ côi miền Trung, lú lo trên một chiếc G.M.C. chạy trong thành phố.

*Kẻ thù ta đâu có phải là người
Giết người đi thì ta ở với ai ?*

(TC số 7)

Âm điệu đó thật buồn. Lời đó cũng thật buồn. Nhất là điệp khúc đó lại thoát ra từ cửa miệng những em bé ngây thơ, tôi không thể không xúc động được.

Về sau, tham dự nhiều buổi trình diễn Tâm Ca, tôi nghe chính Phạm Duy nói là ông thích nhất bài số 5. Bài này, cũng như bài số 1, phải nghe

chính ông hát thì ta mới cảm thấy cái hay được.

Và cứ thế, đối với mỗi người, tôi đều được nghe mỗi người nói thích một bài khác nhau. Thi quả Tâm Ca đã chứa đựng nhiều sắc thái tình cảm, thật phong phú.

Có người cho rằng « Tâm Ca thành công về lời hơn là về nhạc. Điều đó không được thực tế, không đúng hẳn. Có thể nghĩ rằng lời ca đã nói lên được nhiều điều, song ta cũng có thể nghĩ : lời ca đó chỉ dễ dàng phổ biến với âm điệu đó. Cho nên, nói tới Tâm Ca, ta không nên tách rời nhạc và lời riêng biệt. Lời ca nói lên nội dung của tác phẩm, thì nhạc xác định nội dung đó.

Vậy thì, ta đã thấy Tâm Ca đã đưa tới nhiều mâu thuẫn trong thái độ thường thức của người nghe.

Sự thực, trong Tâm Ca có nhiều điểm nói lên cái mâu thuẫn trong nó. Không có gì êm ái bằng một lời mơ ước, nhưng cũng không có gì hay hơn khi nghe tác giả gào thật to nỗi niềm mơ ước đó :

Tôi vẫn sống

Tôi vẫn ăn

Và tôi vẫn thở

Nhưng biết bao giờ tôi mới được nói thẳng những điều tôi ước mơ ?

(TC số 1)

Cái mâu thuẫn lớn to hơn bao trùm cả tập 10 bài. « Mười Bài Tâm Ca » nói lên cái khao khát của thái độ không ưa chiến tranh. Chưa hẳn là tiếng gọi Hòa-Bình. Trong Tâm Ca không có hòa bình. Hòa bình không thể có được khi kẻ thù ta còn nhiều, Có thể nói tác giả đã đi tìm kẻ thù trong mỗi bài hát. Kẻ thù, quan niệm như một hình ảnh xấu xa của niềm thoải mái bình yên của tâm hồn.

Khi hát Tâm Ca, có lần Phạm Duy còn ngâm thơ Hoàng Cầm. Những bài thơ đượm màu kháng chiến, dễ kích động người nghe. Do đấy, ta rõ hơn phần nào cái ý hướng của Tâm Ca. Nó lên tiếng phủ nhận cuộc chiến tranh hiện hữu. Nó tỏ ý bất bình với tất cả những phi lý mà cuộc chiến đem đến cho mọi người; Và tác giả đi tìm kiếm những nét vàng son trong cuộc chiến đã qua rồi. Tác giả đi tìm một hình ảnh không phải là hiện hữu. Kẻ ra thì cũng tội nghiệp,

không phải riêng một tác giả, mà có lẽ hầu hết chúng ta hiện sống trên mảnh đất này, đều tội nghiệp như thế, đều đang muốn nhìn cho bằng được bộ mặt của lý tưởng đã bị che khuất. Sau cả nửa thế kỷ chiến chinh, những kẻ còn sống sót gần như bị mê hoặc bởi một thứ ánh sáng mới còn le lói ở đâu đâu.

Trong cảnh hỗn mang, con người nhìn thấy tràn đầy những mâu thuẫn hiển nhiên :

Ngồi vào rừng grom súng

Hay đứng giữa vườn bóng

Ngồi chờ đàn chim non

Hay đón tiếng đạn bom

Ngồi vào niềm yêu dấu

Hay giữa mối thù sâu

Minh ngồi vào đây với nhau

(TC số 3)

Cuộc sống ở bên kia lần mức cũng là hiện hữu, cho nên cũng bị phủ nhận :

Thấy máu quân thù chỉ buồn

và thề không uống

Thấy xác lẫn quay không

say không thích phanh thây

(TC số 9)

Ta có thể nói : con đường thứ ba nào đó là một con đường nhiều người đang hướng đến.

Ta không phải từ chối điều đó. Vì đó là sự thật. Tác - giả đã thay mặt ta mà nói lên như vậy.

Cái mâu thuẫn trên đó, bắt nguồn từ những hình ảnh mơ hồ hàm hồ giữa sống và chết. Cái mâu thuẫn ấy có thể là kết quả của tình trạng mà chúng ta : sống trong không khí tự do nhưng không phải là ta có thể nói lên tất cả những điều ta mơ ước. Chúng ta đã sống ở một thời đại mà trăm nghìn dân cò đua nhau nghiền nát thân xác và tâm hồn.

Đi sâu vào Tâm Ca, ta phải lặng người đi vì Tâm Ca đã nói lên được những điều mà từ trước tới nay ta hằng nghĩ tới, nhưng không phát biểu ra được, hoặc vì không dám, hoặc vì không thể.

Trước hết. Tâm Ca tự đặt vào vị trí của lớp người đàn anh nói với lớp trẻ tuổi đàn em, như lời đề tặng mà tác giả đặt trên đầu sách :

«...Gửi tuổi hai mươi để hai mươi năm sau có thêm dĩ vãng...»

Tuổi trẻ đón nhận Tâm Ca với tất cả thiện ý. Tuổi trẻ đã ra đời trong chiến tranh, lớn lên

trong chiến tranh, đem sức mạnh đi làm chiến tranh, và có lẽ rồi cũng sẽ chết trong chiến tranh. Tuổi trẻ không được làm tuổi trẻ. Tuổi trẻ sống ngơ ngác trong một hoàn cảnh bi đát tưởng khó mà có được ở một nơi nào :

Đề lại cho em một nước phân

li.

Đề lại cho em một giống nòi

chia,

Hận thù nhân danh chủ

nghĩa,

Bao tàn vênh vang bề thế.

Đề lại con tim nhỏ bé của

anh.

Đề lại cho em giọt máu dân

lành.

Đề lại cho em từng năm mờ

xanh.

Chập chờn bay trong bại

thắng,

Ngọn cờ khấn xô màu trắng.

Đề lại cho em một bãi sa

trường.

(TC số 5)

Thật không có gì bi đát hơn nữa. Tuổi trẻ phải đón nhận cái gia tài tội lỗi ấy như đón nhận định mệnh. Tội lỗi ấy do ai phải chịu ? Thật khó mà trả lời.

Trong trường hợp này, ít ra Phạm Duy đã có được cái can đảm nói ra điều mà bao nhiêu người không dám phàn lầy : trách nhiệm của lớp đàn anh.

Thật ra, thực tế còn bi đát hơn thế nữa. Bởi vì thực tế không được diễn tả bằng ngôn ngữ văn chương. Không nói tới cái bi đát suy lý ở đô thị. Hãy về miền quê, nơi hoang tàn vì bom đạn. Nơi đó, lòng người ly tán, hồn người rã rời. Tuổi trẻ ở trên quê nằm trong bóng dáng của những đứa trẻ đang dang hai tay mà đón nhận trăm nghìn cơ cực. Cuộc đời của chúng như một địa ngục (Địa ngục là thế nào nhỉ ?). Chúng vẫn sống vẫn ăn, vẫn thở, nhưng chẳng bao giờ dám ao ước những cái ao ước của những đứa trẻ ở đô thị. Món giải trí của chúng là, những khối lửa từ trời rơi xuống hay luồng đạn từ dưới đất bay lên. Cuộc đời đã cố tình tiêu diệt tuổi thơ của chúng. Có hiểu được như thế, ta mới có thể cảm được cái hay của câu hát :

Trẻ bơ vơ trẻ bơ vơ đi giữa

vườn hoa.

Hỏi thăm em em có mẹ cha.

Hỏi thăm em em có ông bà,



PHẠM-DUY

*Hỏi thăm em em có cửa nhà.
Một ngày qua em mất cả ba,
(TC số 2)*

Trong Tâm Ca số 2 này, Phạm-Duy mong ước nhiều hơn cả

trong bài Tâm Ca số 1 có tiêu đề là « Tôi ước mơ ».

Nhưng, những mong ước có sẽ đạt được không? Câu hỏi mang một vẻ vô lý đối với một sáng tác phẩm nghệ thuật. Nghệ-sĩ chỉ cần biết đến cái cảm xúc trong hồn mình, và chỉ cần nói lên cái cảm xúc ấy. Không ai bắt buộc nghệ sĩ phải thực hiện những điều mình phát biểu ra. Vô hình trung Phạm Duy đã nói lên tình trạng của chúng ta ở miền Nam này: trọn cuộc sống chỉ đắm chìm vào hết mơ vọng này đến mơ vọng khác, trong sự thể ấy, Phạm Duy đem gieo mình vào một nỗi dằn vặt giữa tâm thức và thực tại: Phạm Duy cứ hát và súng cứ nổ.

Người nghệ sĩ nhìn thấu vào thân phận bọt bèo của kiếp nhân sinh, và cái đẹp của cuộc sống đôi lần chỉ cần như *chiều lam tỏa khói* hay *nắng với lưng đồi* (TC số 8). Người nghệ sĩ đi tìm nguồn an ủi, và ca tụng cái hình ảnh của một người *thèm thiếp nằm im gương mặt sáng* (TC số 8):

*Ôi cái chết tuyệt vời,
Đến với đời người.
Giữ vững một lời.*

TÂM CA CỦA PHẠM-DUY

*Cái chết nghìn đời chẳng hề
phai,*

Ôi cái chết thật thà

Cái chết mặn mà,

Đến đúng ngày giờ.

*Cái chết hẹn hò tự ngàn xưa
(TC số 8)*

Phạm Duy đã bị quan chưởng? Người ta không tin như thế. Cái bị quan nếu có trong Tâm Ca số 8, thì cũng chỉ là một cái buồn thoáng qua trong giây lát để rồi tác giả lại như say lên với nỗi ám ức được toả ra bằng một điệu « twist Giao Chỉ »—tác giả bảo thế:

*Tôi bảo tôi mãi mà tôi không
nghe không nghe.*

(TC số 9)

Và cuối cùng, tác giả như phả vào tâm não người nghe một hơi ấm, vui, tràn đầy nhựa sống:

Hát với tôi nào

Hát với tôi nào

*Hát với nhau những lời hôm
nay cùng hát*

*Hát với nhau những lời của
người Việt-Nam*

(TC số 10)

Như thế, người ta phải nhìn « Mười bài Tâm Ca » là một tác phẩm duy nhất. Và những mâu thuẫn nếu người ta nhìn thấy,

phải quan niệm như những chuyển biến của những động tác xung động trong một tác phẩm. Tuy vậy, mâu thuẫn thế nào đi nữa thì cũng vẫn là mâu thuẫn, và Phạm-Duy không hơn không kém. phải nhìn ông như một chứng nhân của cuộc sống mà ông đã trải qua. Phạm-Duy đã sống, đã nhìn, đã nhận những cái xảy ra cho ông và ông nói ra tất cả trong Tâm Ca Và, chính bởi ở điểm đó, không có một danh hiệu nào thích hợp hơn hai chữ « Tâm Ca » mà ông đã chọn đặt tên cho 10 bài hát của mình,

« Mười bài Tâm Ca » vớt một đặc chắc như thế, đã lôi cuốn tuổi trẻ một cách kỳ lạ, tưởng như bị ái tình chinh phục. Bởi vì, những điều nói trong Tâm Ca quả đúng là những điều đã từ lâu im lìm trong góc tối của con tim mỗi người, chưa có dịp thổ lộ ra.

Có điều cũng cần chú ý là Tâm Ca quả thực đã đi sâu vào lòng người, nhưng chỉ là những người trong một phạm vi giới hạn mà thôi. Đó là giới thanh niên trí thức. Đối với đại đa số quần chúng, Tâm Ca vẫn hết sức xa lạ, Tâm Ca không có chỗ

đứng trong bất cứ thành phần xã hội nghèo khổ nào. Ngay cả đến những người trí thức mà đời sống tình cảm không được đánh giá đúng mức, khi nghe nhắc đến Tâm Ca họ cũng ngỡ ngác, trợn to đôi mắt mà hỏi : « Tâm Ca là gì ? ».

Cho nên có thể coi Tâm Ca là sản phẩm của một lớp người được nuôi dưỡng bằng những thắc mắc băn khoăn của cuộc đời. Đó là những người bạn thân của sách vở, những người tương đối được ưu đãi trong xã hội hiện thời, và tất nhiên, chỉ những người thuộc thành phần vừa nói, mới ưa hát Tâm Ca.

Nếu ai nhìn thấy tình cách thiếu thực tế nơi Tâm - Ca, thì những điều chúng tôi vừa trình bày trên có thể coi là những lời giải thích lý do.

Tuy nhiên, cái thiếu thực tế trong Tâm Ca, không phải là điều đáng đem bàn, nếu quan niệm Tâm Ca là một tác phẩm nghệ thuật. Điều đáng chú ý tới là sức tác dụng của Tâm Ca đối với hồn người đã dẫn dắt tuổi trẻ đi phiêu lưu vào một con đường không rõ mặt bến bờ.

Như đã nói ở một đoạn trên,

trong Tâm Ca không có hòa bình. Ngay cả niềm khao khát hòa-bình cũng không thấy tác giả hát lên. Người nghe Tâm Ca chỉ thấy một nỗi rã rời bao trùm cả thân thể. Con người sách vở ươn lười gặp được Tâm Ca, bèn hát lên cho thỏa, rồi họ cho thể là đủ. Ôi loài trí thức ươn lười ! Tâm Ca không thúc đẩy người ta dấn thân, không nhắc nhở người ta hành động. Tâm ca chỉ kêu lên một tiếng than dài thật u buồn, thật vô trách - nhiệm. Kẻ ươn lười chỉ mong có thể. Đó là cái tật chung của xã-hội trí-thức, ở bất cứ thời nào.

Nói như thế phải có nghĩa rằng Tâm Ca chỉ có giá trị đối với một giới này hay một giới khác. Con người dù ở cương vị nào, ở giai tầng nào, niềm khát vọng cũng rất gần nhau. Không nên nhìn Tâm Ca trên bình diện cá nhân hay phe nhóm mà hãy coi tiếng nói Tâm Ca là của một thời kỳ. Tiếng nói sẽ tồn tại, mang dấu vết của thời kỳ sinh nở sôi sảng cho sự tìm hiểu của người đi sau, về một vài phương diện nào đó.

Ngoài tình cách phiêu lưu, Tâm

Ca còn đóng góp khá tích cực vào sự gợi nhớ tình thương huyền hoặc giữa con người với nhau, Hát đến những câu:

*Kẻ thù ta đâu có phải là người
Giết người đi thì ta ở với ai ?*

(TC số 7)

chắc hẳn không ai là không tránh khỏi đôi chút ngậm ngùi. Đúng thế, giết người đi thì ta ở với ai ? Nhưng, còn kẻ thù, kẻ thù chẳng phải là người thì là gì ? Hiểu theo nghĩa duy lý, chỉ có người mới xứng đáng là kẻ thù của người mà thôi. Vậy thì nếu bắt buộc phải diệt kẻ thù để sống còn, công việc giết người của ta không hẳn là hoàn toàn ghê tởm. Tuy nhiên, nhìn cho rõ mặt kẻ thù, mới là điều khó. Chúng ta không muốn giết người một cách bừa bãi, bởi vì chúng ta không khát máu. Chúng ta cũng không dễ cho kẻ thù đánh lừa được ta. Chúng ta không hờ hào loài người chém giết nhau, nhất là người Việt Nam với nhau sự chết chóc đã nhiều quá rồi, chết bao nhiêu đó đủ lắm rồi. Dân-tộc chúng ta vốn hiếu hòa, hiếu hoà chứ không phải là bạc nhược. Dân - tộc ta không phải ai cũng thánh nhân cả, chuyện chém giết trong một vài trường

hợp chỉ là phản ứng muốn tự tồn. Trong một hoàn cảnh như hoàn cảnh hiện tại. Ý niệm xây dựng xã - hội trên tình thương, không phải là một chân - lý lý - tưởng. Phải nhìn thẳng mặt kẻ thù. Không tha thứ kẻ thù Thế mới mong sống được.

Bây giờ Tâm-Ca trở thành cũ rồi. Phạm-Duy đã lại tìm ra nhiều con đường đi mới. Gần đây loại « Vĩa Hè Ca » được tung ra và trong đêm Trung Thu vừa qua nó là một món quà đáng giá dành cho các em bé bán báo đánh giầy. Tâm hồn Phạm-Duy quả đã gần với chúng, để hát lên những bài « Nghèo mà không ham », « Sức mảy mà buồn » v.v... Ngôn ngữ nhạc ở đây giản dị sát với thực tại. Có người lo ngại rằng Phạm Duy đã đem cả dĩ vãng của mình ra mà giỡn không biết có phải là điều đáng quan tâm không ?

Sau « Vĩa Hè Ca » Phạm Duy chưa muốn ngừng. Ông không muốn dành bài hát của ông riêng cho một giới nào cả. Vì thế, con đường sáng tác lại mở ra với ông. Tôi nhớ một buổi tối ở nhà ông, trước mấy người bạn trẻ, ông hát bài « kỷ niệm »

có lẽ là bài đầu tiên trong loạt sáng tác mới của Ông Bài hát nói lên những điều nhỏ nhất nhưng quý báu trong cuộc đời người mà ai cũng có thể đã gặp gỡ. Điệu hát buồn buồn: Dây đàn rung rung rúc. Tôi cũng muốn coi đó là một kỷ niệm quý.

Rồi với sức làm việc phong phú, Phạm-Duy còn có thể đem đến cho chúng ta nhiều bất ngờ.

Rồi, nhạc Phạm-Duy sẽ có nhiều sắc thái khác nữa, Nhưng

dù thế nào, Tâm-Ca cũng đáng được coi là tác-phẩm mở đầu cho một giai đoạn mới trên con đường sự nghiệp của nhà nhạc sĩ này và Tâm Ca đã trở nên là kỷ niệm của nhiều người.

Riêng tôi, tôi xúc động với Tâm-Ca trở lại khi một lần đi đường nghe hai quân nhân Mỹ hát bài « Giọt mưa trên lá » bằng tiếng Anh. Tuy có một vài điểm không đồng ý với Tâm-Ca, tôi vẫn thương Tâm-Ca như hồi đầu mới biết Tâm Ca.

□★



★ Trách nhiệm.

Cô Giáo giảng cho học trò lớp Tư nghĩa chữ « trách nhiệm »:

— Thí dụ, cô giáo cho em trưởng lớp đến giờ ra chơi phải coi chừng tất cả các em khác. Nếu một em nào hay nhiều em « cúp cua » đi chơi rong ngoài phố, thì em trưởng lớp phải chịu trách nhiệm. Các em hiểu chưa ?

Tất cả đều trả lời : « Dạ, hiểu ». Cô giáo liền hỏi trò A :

— Bây giờ A tìm một thí dụ về chữ « trách nhiệm » đi.

Trò A đứng dậy suy nghĩ một phút, rồi trả lời :

— Thưa cô, như cái quần của em có 5 cái nút, mà sứt đầu mất 4 nút, thì cái nút còn lại phải chịu trách nhiệm ạ.

DIỆU-HUYỀN



Xanh kia thăm thắm từng trên
Vi ai gây dựng cho nên nôi này ?

(Chinh Phụ Ngâm)

Nằm nghe gió bão đêm qua
Sáng ra vườn thấy cánh hoa rã-rời,
Xác hoa chạm đến ý đời
Kiếp trần tài sắc bao người như hoa !

Nghìn đêm như đêm qua
Đất trời gây thảm họa.
Mghe vọng từ tha.ma
Tiếng điều-tàn buồn bã.

Thuyền tình xưa vẫn còn xa bến
Cây bên bờ còn quỵen nhớ thương,
Quê-hương trong bước đoạn trường
Biết bao mưa gió phủ phàng đời hoa !

Giữa kiếp đời
Em là ai ?
Là Hương, là Lan, là Huệ
Là Đào, là Cúc, là Mai ?
Em yêu một chàng trai
Khi tuổi vừa hai mươi
Gửi trọn tình trong trắng,
Trao môi thắm yêu đời.

Chàng trai ấy ! Bây giờ đâu rồi nhỉ?
Gần hay xa ? Giờ này làm gì nhỉ ?
Đang cầm tay một ca nữ nào ?
Hay đang hôn một người bạn gái ?
Hay đã chết
Nơi chốn-địa xa vời !

NGUYỄN-VĂN-CỒN

10 NĂM KHẢO - CỨU KHÔNG-GIAN

★ **VÔ - QUANG - YẾN**
*Tiến-sĩ Khoa-học
Paris*

Cách đây đúng 10 năm, ngày 4-10-1957, chiếc vệ tinh nhân tạo đầu tiên Sputnik vang động bầu trời với những tiếng « bip, bip » lịch sử, đánh dấu một bước tiến quan trọng của loài người về mặt kiến thức cũng như về mặt kỹ thuật, đồng thời khai mở một kỷ nguyên mới : kỷ nguyên không gian.

Khi tin chiếc Sputnik đã thành công vượt ra khỏi sức hấp dẫn của quả đất được loan báo, số người cảm phục nhiều mà số người nghi hoặc cũng chẳng hiếm. Hơn nữa, tác giả của nó là những nhà kỹ-thuật Nga, bấy lâu thường được cho là sút kém so với những bạn đồng nghiệp Mỹ từ nhiều năm nay đã biết chế ngự năng lực nguyên tử và



rất thành thạo kỹ thuật điện tử. Đáng khác, điều khiển Cáp Kennedy có nhà bác học lừng danh Vernher Von Braun, cha đẻ của những chiếc V2 khủng khiếp cuối trận thế chiến thứ nhì, thì cuộc thành công của giáo sư Leonide sedov, giám đốc chương trình không gian Nga, là một đòn đau cho lòng tự ái của các chuyên gia Hoa-Kỳ. Có người đã dùng đến danh từ « Pearl Harbor khoa học »!

Bước tiến của Nga từ đầu mà ra ? Ngoài phạm vi kỹ thuật, có lẽ phải xét đến những phương diện binh bị và chính trị. Ai cũng biết Trung-Hoa biết dùng thuốc súng và là pháo thăng thiên đã từ lâu nhưng không hề có ý áp dụng vào những hỏa tiễn lớn. Ở Âu-Châu, năm 1827, quân đội Pháp có dùng nhiều loại súng có thể phóng chất nổ ra xa đến 3 cây số nhưng kỹ thuật quá thô sơ nên mấy ai chịu tiếp tục tìm tòi. Trừ một người Nga, Constan-

10 NĂM KHẢO CỨU

tin Tsiolkiovski, nay được xem như là « cha tiên tri » của cuộc thông hành không gian. Từ 1898, ông đã miêu tả những máy hỏa tiễn dùng nhiên liệu lỏng và đề nghị một hỗn hợp khinh khí dưỡng khí ngày nay đang vẫn còn được cho là tối tân. Cũng chính ông ta đã tìm ra phương pháp làm nguội phòng đốt nhiên liệu : ông nghĩ ra kỹ thuật dùng nhiên liệu lạnh từ bình chứa lại cho tưới vào những thành bao quanh máy. Năm 1935, lúc ông chết đi, chính phủ Nga đã cử hành đám tang trọng thể vì ông đã có công trạng đưa vào óc não dân Nga khuynh hướng khảo cứu không gian.

Ở Pháp, kỹ sư Robert Esnault-Pelteire ít được may mắn hơn. Ông cũng có miêu tả nhiều mẫu hỏa tiễn cùng nhiều hỗn hợp nhiên liệu lỏng thích ứng nhưng chẳng mấy ai để ý đến, và năm 1957, lúc ông mất, chiếc vệ tinh nhân tạo bay quanh quả đất mà chẳng một ai nhắc đến tên ông.

Ở Hoa-Kỳ, Goddard, nhờ nhiều người bạn phụ giúp về mặt tài chánh nên dù gặp nhiều khó khăn cũng thành công cho phóng

được một chiếc hỏa tiễn dùng nhiên liệu lỏng hôm 16-3-1926. Năm 1935, hỏa tiễn của ông lên cao được 2750 thước với tốc độ 880 cây số l giờ.

Ở Nga, cũng vào khoảng ấy, cuộc tìm tòi về hỏa tiễn được thúc tiến mạnh mẽ với những kỹ sư như Tzander, Serge Korolev. Năm 1930, máy hỏa tiễn của Tzander có một sức đẩy 51 kilô. Ba năm sau, hỏa tiễn dùng nhiên liệu lỏng của Tikhonravov bay cao lên đến 10.000 thước.

Ở Đức, các nhà kỹ thuật khảo cứu song song về máy bay và về hỏa tiễn. Năm 1933 Eugen Sanger cho xuất bản cuốn sách đầu tiên về kỹ thuật bay của hỏa tiễn. Cho đến đệ nhị thế chiến, các kỹ sư Đức ra sức tìm tòi và khi chiến tranh bùng nổ, cuộc khảo cứu của họ đã trưởng thành so với các nước đồng minh. Tương lai của hỏa tiễn thật nhiều hứa hẹn nên bao nhiêu nhân tài của Đức đều đổ xô vào đấy, tụ họp tại trung tâm Peenemunde. « Khí giới phục thù » là mục đích của họ. Những nhà máy đã được xây dựng trong rừng kín, dưới đất sâu ở vùng Nordhausen. Lần lượt những

mẫu A1, A2, A3, A4 được đưa ra thử. Ngày 3-10-1942, cách đây đúng 22 năm, chiếc A4, như một điều thuộc xi-gà khổng lồ, tiến lên bầu trời Peenemunde trong khoảng vài giây lên đến cao độ 80 cây số, với tốc độ khổng lồ hồi đó là 5800 cây số/giờ. Trước mặt Vernher Von Braun, lúc bấy giờ còn là công dân Đức, đại tướng Walter Dornberger, chỉ huy trung tâm, đã không khỏi thốt ra: " Sáng hôm nay, chiếc phi thuyền không gian đã ra đời! Mẫu hỏa tiễn A4 được đặt tên là V2 (V như Vergeltungs-Waffe) mà Hitler chờ đợi và trong cây đề chống lại quân đồng minh đang bắt đầu bao quanh nước Đức. Cho ghép vào đầu một quả bom 1000 ki-lô, những chiếc V2 đã được phóng qua London và Amiens tán phá không ít.

Ngày nay V2 chẳng làm ai sợ nhưng vào khoảng 1942-1943, nó thật đã là tân tiến với những đặt điểm cốt yếu của một hỏa tiễn không gian. Nhiên liệu lỏng là một hỗn hợp rượu và dưỡng khí. Bộ máy nặng 450 ki-lô, hiến cho hỏa tiễn nặng 14 tấn một sức đẩy 28 tấn. Riêng nhiên liệu nặng gấp đôi hỏa tiễn rỗng. Người ta tính nếu chiến tranh kéo dài thêm một năm, chiếc V2 hoàn hảo có thể đạt đến New-York.

Nhưng Đức quốc bắt đầu tan rã, quân đội Nga dần dần tiến lại gần Nordhausen. Hoàn toàn chống cộng, Dornberger không chút nào muốn khí giới V2 rơi vào tay Nga. Ông cho ra lệnh 120 nhà Bác học và 15 tấn tài liệu rời Peenemunde và tiến lại quân đội Mỹ. Nhờ vậy, không mất chút thì giờ tìm tòi và như trên trời rơi xuống, Mỹ đã hưởng được chiến lợi phẩm quý báu nhất trong suốt đệ nhị thế chiến. Vài ngày sau, tuy Nordhausen nằm trong vùng chiếm đóng của Nga theo thỏa hiệp Postdam, nhưng vì quân đội Nga tiến đến chưa kịp, 300 chiếc xe Mỹ lại tháo hoàn toàn các nhà máy V2 và chở về Mỹ.

Từ nay cuộc tranh đấu hết còn thao diễn giữa đồng minh và phát-xít mà là giữa Nga và Mỹ. Cuộc chiến tranh lạnh làm cho cuộc tranh đấu thêm hào hứng. Cố gắng chế tạo được hỏa tiễn mạnh lớn và phóng được chiếc vệ tinh nhân tạo đầu tiên, Nga đã nhắm đạt nhiều thắng lợi ở mặt chính trị hơn là khoa học. Như quả bom nguyên tử đã đưa Mỹ lên địa vị cường quốc tối cao, Nga cũng muốn đạt đến địa vị ấy. Nga cũng còn muốn,

nhất là đối với chính mình, chứng minh chế độ xã hội hay ho và hiệu nghiệm hơn chế độ tư bản.

Mặt khác, khi thấy chiếc vệ tinh của Nga, Mỹ phải chịu công nhận Nga có thể oanh tạc đất Mỹ bất cứ từ đâu. Thật vậy, đến nay, Mỹ chỉ đánh giặc xa nhà, đất Mỹ không hề sợ bị bom đạn tàn phá. Từ đây, một yếu tố mới lại đảo lộn sự so sánh sức mạnh của hai cường quốc. Vì vậy, Mỹ buộc lòng phải nỗ lực hoàn hảo gấp rút những hỏa tiễn bình bị. Mỹ có thắng lợi là có thể phóng hỏa tiễn qua đất Nga từ những địa điểm gần Nga, Trái lại muốn oanh tạc đất Mỹ, Nga chỉ có thể phóng từ đất mình. Bất lợi này đã buộc Nga phải có hỏa tiễn mạnh trước Mỹ. Như vậy rất dễ thấy dưới chiêu bài phục vụ khoa học đã thao diễn một cuộc chạy đua bình bị trong thời bình.

Đề bắt đầu, Nga tiếp tục thắng từng điểm một. Hôm 14-9-1959, một chiếc Luna đầu tiên được phóng trúng cung trăng. Hai năm sau, ngày 12-4-1961, lại một phi hành gia Nga, Gagarin, lần đầu tiên thắng trọng lực bay

quanh quả đất. Trước những đòn đau, Mỹ lại càng chịu khó, nỗ lực. Chậm chạp nhưng chắc chắn, tổ chức Mỹ dần dần tiến bước. Dựa vào ngành điện tử khá tiến bộ, biết làm máy móc tinh vi và nhỏ nhắn, Mỹ cố gắng nhắm gặm từng bước tiến một của Nga. Đề tất cả các chuyên gia hướng về một mục đích độc nhất và cao xa, Mỹ cho soạn thảo một chương trình rộng lớn, một kế hoạch khó khăn cho địch thủ cũng như cho chính mình: đồ bộ cung trăng. Với mục đích này mỗi một nhà Bác học, mỗi một chuyên viên phải hiến tất cả sức lực mình.

Vậy thì bên Mỹ cũng như bên Nga cung trăng hiện đang chiếm quyền ưu tiên tuy bên thì nói ra, kể thì giấu kín. Tuy nhiên, bên lề cuộc chạy đua lên xem mặt chị Hằng, nhiều phương diện khảo cứu khác cũng đồng thời phát triển. Những vệ tinh khí tượng, thông tin là con đẻ của ngành khảo cứu không gian. Người ta ít nói đến những vệ tinh quân sự có nhiệm vụ tình báo, chụp hình nhưng có lẽ chúng ra đời trước tất cả các vệ tinh khác. Vừa rồi đây người ta

cũng bàn đến vệ tinh thu viện không ngoài mục đích cung cấp nhanh chóng tài liệu khắp mọi nơi mà ứng dụng trước tiên sẽ dành cho ngành y khoa.

Ngoài Nga và Mỹ, nhiều nước khác như Pháp, Anh, Ý, Giann-Đại cũng nhảy vào cuộc, tuy mỗi vệ tinh đắt hàng trăm triệu đồng. Đáng khác, quả đất, cung trăng còn chưa đủ, nhiều loại vệ tinh còn được phóng lên sao Kim, sao Hỏa, mặt trời... vân vân, không gian đầy dẫy vệ tinh và ngày nay người ta hết còn rúng động mỗi khi có một vệ tinh mới rời mặt đất. Hơn nữa mấy ai còn biết rõ số những tên vệ tinh hàng ngày chạy quanh trên đầu chúng ta.

Ở mặt đất, cuộc chiến tranh nguội như tuồng bớt dần cường độ và nhường chỗ cho một cuộc chung sống hòa bình. Những thành công của địch thủ hết còn là những đôn đầu thuở trước. Người ta đánh điện khen nhau rồi đề nghị hợp tác, khảo cứu. Đồng thời, những vệ tinh dần dần lớn lên, biến thành những phi thuyền có người ở. Nhưng khi phi hành gia bắt đầu bước chân vào vệ tinh thì

những tai nạn cũng bắt đầu diễn ra. Đến nay, ba người Mỹ, một người Nga đã hiến thân cho công cuộc khảo cứu không gian.

Một điểm cũng còn đáng được chú trọng là vấn đề tài chính. Trước kia, những chính phủ thấy lợi về mặt chính trị đã chịu đặt những số tiền khổng lồ trong việc chế tạo hỏa tiễn, vệ tinh. Dần dần chi phí ngày càng tăng mà một đấng những khảo cứu viên các ngành khác cũng đòi hỏi ngân sách lớn, một đấng phí tổn binh bị buộc lòng các chính quyền hết còn đặt không gian lên địa vị ưu tiên.

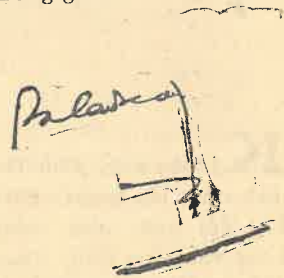
Nhưng chuyện đã bắt đầu, kế hoạch đã soạn thảo, thi hành thì không sao bỏ đi được. Rồi đây, dù muốn dù không, thế nào cũng cần phải hợp tác thật sự giữa các cường quốc chú ý đến không gian. Nhưng hợp tác cách nào? Nếu chuyện lên trăng đang còn khó, ngày nào những cuộc viễn du lên sao Kim, sao Hỏa rồi mới thành hình?

Bước vào năm thứ 11 cuộc khảo cứu không gian, bạc nhiều câu hỏi đã được đặt ra để đi đến một câu hỏi chính

khảo cứu không gian có ích lợi gì không? Tương lai còn đang mờ mịt. Để trả lời câu hỏi này, tưởng nên ngoảnh về một mặt khác, xem xét cuộc phát triển của kỹ nghệ vì kỹ nghệ luôn theo dõi sát cánh cuộc khảo cứu không gian, ích lợi tức thì mà ta thấy là kỹ nghệ luôn được thúc tiến để hoàn hảo những phương pháp, kỹ thuật đang dùng. Những năng lượng mới, những hợp kim mới, những máy móc tinh vi mới dùng trong ngành y khoa cũng như trong ngành điện-tử học tìm ra được vì cuộc khảo cứu không gian đã đòi hỏi, phải chăng đã là những thành tích khả quan?

Vào khoảng giữa năm 1967, trên bầu trời có hơn 700 chiếc vệ tinh đang bay chạy để khảo cứu về một phương diện. Tim hiểu mỗi ngành khảo cứu này

có lẽ cũng giúp ta trả lời được một phần nào câu hỏi đặt trên. Sau đây chúng ta sẽ lần lượt xem xét cuộc khảo cứu về mặt trời, cung trăng, hành tinh, quả đất, tinh tú, khoảng trống không gian,... Ta cần phải biết phương pháp chế tạo vệ tinh, kỹ thuật bắn phóng nó ra không gian, những kết-quả thu được về quả đất cũng như ngoài vũ trụ, những ứng dụng phát xuất từ những kết quả ấy, ... rồi mới có thể định giá công cuộc khảo cứu không gian.



★ Vì thiếu kinh-nghiệm

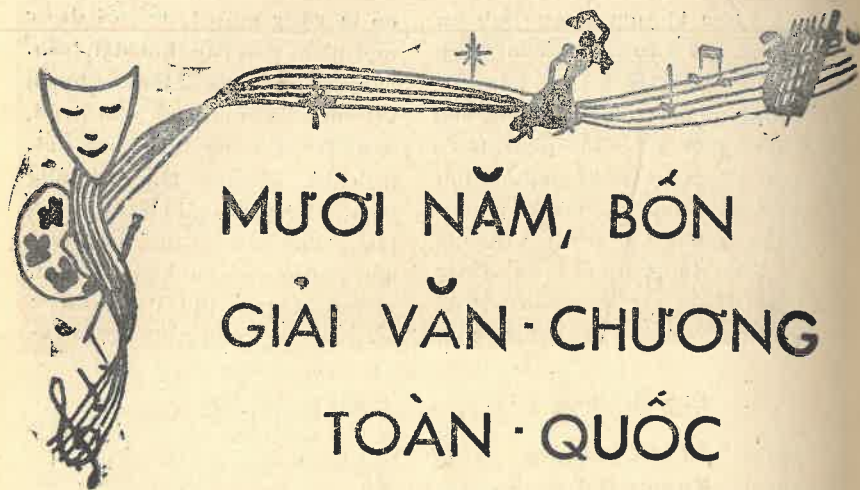
Ông Đê-lao hỏi một tội nhân mới.

— Sao ông lại vào đây?

— Vì thiếu cái kinh nghiệm của tuổi trẻ.

— Quái! Ông ít nhất cũng 70 tuổi kia mà.

— Vâng, nhưng vị Trạng-sư bênh vực cho tôi mới 25 tuổi thôi,



MƯỜI NĂM, BỐN GIẢI VĂN-CHƯƠNG TOÀN-QUỐC

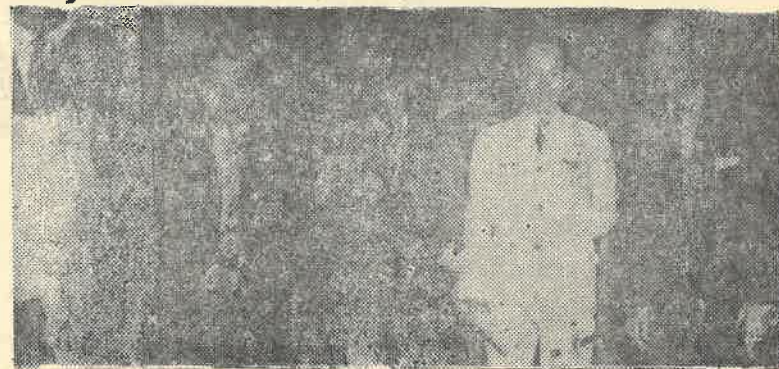
★ LAN-ĐÌNH

Kỳ báo này, Phổ-Thông ăn sinh nhật lên mười. Mười năm đó! Tôi sực nhớ năm 1957, đúng vào năm Phổ - Thông mới sinh ra để « góp phần xây dựng Văn-hóa Việt - Nam... » nước ta lần đầu tiên, chính quyền đã tổ chức giải Văn chương toàn quốc. Tôi nghĩ rất nên ngắm lại xem, từ bấy giờ đến bây giờ, nhà nước đã quan niệm thế nào ở phần việc xây dựng văn hóa. Hơn thế nữa, tôi còn muốn tìm hiểu cả quan niệm của một số người trực tiếp xây dựng (?) văn hóa.

Quả thật, đã có những lúc người ta lấy làm vui mừng, vinh hạnh nữa, tưởng đâu văn chương hạ giới bắt đầu đắt như vàng rồi.

Sáng ngày 25-9-1958, cố Tổng Thống Ngô-đình-Diệm đến chủ tọa lễ trao giải thưởng Văn chương Toàn quốc năm 1957, đã « nhấn mạnh » rằng :

— (...) Công việc trùng tu, tái tạo một quốc gia phải toàn diện, cho nên song song với những công trình cải thiện chính trị, canh tân xã hội, phát triển kinh tế, lãnh vực văn hóa cần



Giải thưởng Văn-chương Toàn-quốc 1958-1959

Từ trái, các ông : Bình-Nguyên-Lộc, Vũ-Khắc-Khoan, Võ-Phiến, Toàn-Phong, Ng-Mạnh-Bảo.

phải được chú trọng một cách đặc biệt. Nước ta nhỏ, dân ta nghèo, muốn khắc phục hoàn cảnh, vươn mình lên cho kịp đà tiến của nhân loại, ta chỉ có thể căn cứ vào sự cố gắng của dân ta về đạo đức và văn hóa (...)

Đương nhiên, những lời lẽ đó đem nói ở đâu, bao giờ vẫn đúng. Văn hóa là sự nghiệp chung của nhân loại, nó dẫn dắt tinh thần quốc gia đứng hơn, mọi sinh hoạt quốc gia đều hướng vào nó mà lấy đích, để đem quốc gia đặt lên chỗ đứng được trọng nể giữa quốc

tế. Cho nên hôm nay người Mỹ vẫn tỏ ra hãnh diện với những Gleen, G. Cooper, nhưng mãi mãi về sau. (kể cả lúc ngồi trên cung trăng rồi) họ cũng còn hãnh diện với những Hemingway giải Nobel.

Vả chăng, người ta lấy làm cảm kích không hẳn chỉ vì bài diễn văn của cố Tổng - Thống Ngô-đình-Diệm, còn những sự kiện xác tín chung quanh ông nữa. Chẳng hạn, ông Không-đức-Thành, giòng dõi đức Thánh Không, cũng được mời dự lễ.

Như vậy, theo lời Ô. Trần-chánh Thành, Bộ Trưởng Bộ Thông tin bấy giờ thì (...) vì nguyên thủ quốc gia chủ tọa buổi lễ long trọng này còn là một học giả uyên thâm; thâm nhuần cổ học Đông phương, tân học Tây phương và những giá trị cổ truyền của nền văn hóa Việt-Nam (...)

Và theo lời ông Nguyễn-kiên-Trung trúng giải, « bình hạng » với quyền « Đem Tâm - Tinh Viết Lịch-sử », thay mặt anh em (1) :

(...) chúng ta đã có người xứng đáng với bất cứ một giai đoạn nào đã qua đi. Người đó một mình đã vượt lên trước tất cả mọi người khác, để bây giờ nhìn lại, có ý muốn gior cho chúng ta một cánh tay nâng đỡ và dẫn giắt...

Cho nên, chúng tôi chỉ còn là

(1) Không có giải « ưu hạng ». 4 tác giả « bình hạng »: Trần-lê-Nguyễn, Thanh-Lãng, Kỳ-văn-Nguyên, Nguyễn-kiên-Trung và 9 giải khuyến khích: Bùi Tuán, Trần-dinh-Khải, Vũ-quang-Hán, Phạm-mạnh-Viện, Trần - hữu - Thanh, Nguyễn-văn-Bình, Bửu-Kế Thạch-Bích, Minh-dăng-Khánh.

206 tác phẩm dự thi.

một số văn nghệ sĩ tin cậy vào ba chữ « Ngô-Đình-Diệm » mà tập hợp nhau trong miền Nam tự do này (...)

Tôi rất kỵ cái lối « không tra thì đưa có rồi », bây giờ « trăm tội đổ nhà oản » cho ông NĐD hết. Trong lịch sử đã ghi lại vua Gia-Long vừa có công vừa có tội. Vậy thì, muốn đánh dấu một thời kỳ văn học, người ta phải nhớ đủ hết những cái hay nhất và... bết nhất.

Cái hay của cố Tổng-Thống NĐD là rất có thể ông đã thật lòng muốn chú trọng và phát triển Văn hóa. Dù rằng chỉ chú trọng, phát triển theo ý ông :

(...) không dung hòa được cái kỳ vọng với cái khả dĩ. là tự mình trót buộc mình trong vòng ấu trĩ, không làm sao tạo lập được một trật tự mới, một nền dân chủ thích nghi với hoàn cảnh quốc-gia và trào lưu quốc tế (...)

Nhưng ông lại có nhược điểm « bravo moi » mềm sụn, để cho một số người nhắm mắt thần phục ông, đôn mõi ông lên đỉnh cao độc tôn, trên đó nhìn xuống, nhìn xuống trong cơn say chẳng phân biệt được gì nữa.



Giải VCTQ 1960-61. Từ trái, các ông : ông Nhật-Tiến, Đình-Hùng, Lê-Ngọc-Trụ

Phải « dung hòa được cái kỳ vọng với khả dĩ, » nói trắng ra, ông muốn đem Văn - hóa làm phương tiện cho chế độ.

Những kẻ bon chen chung quanh ông đã lớn tiếng hô « đúng ». Thành thử về sau mới có thứ Văn-hóa gọi là « Văn-hóa nhân vị »!

Nhưng ngay sau đó, cố Tổng-Thống Ngô-dinh-Diệm không « chú trọng đặc biệt » nữa. Giải VCTQ 1958-59, nguyên Phó Tổng-thống Nguyễn-Ngọc-Thơ chủ tọa, và

ông nguyên Tổng Giám - đốc Thông-tin Trần-văn-Thọ điều khiển chương trình.

Tôi không nói vắng đi hai ông Chủ-tịch Quốc-hội và Tổng-thống là hạ giá một cái giải Văn-chương. Tôi chỉ nói đã có triệu chứng cho thấy chính quyền bắt đầu lơ là, tắc trách rồi. Thậm chí, có lần, sau cách mạng đấy nhé, Đại-tá Đỗ-Mậu mà « đặc nhiệm Văn hóa » và chủ tọa « đại hội văn hóa ». kỳ thấy mò!

Tôi tưởng, nên để một tác giả lão thành, có uy tín, chủ tọa trong những trường hợp tương tự

SINH KHÍ VĂN NGHỆ

mới phải. Chẳng ai cấm ông này khai trừ rằng «tôi được hân hạnh đại diện Tổng-thống...» Hoặc đề ông Viện-trưởng Đại-học Văn-khoa ngồi vào đó còn ổn hơn.

Giải 1958-59, những tác giả «trúng tuyển» là những người được Ban Tổ-chức đề ý đến, chứ không phải tự họ gửi tác phẩm dự thi. Vô tư một cách rất khó vô tư.

Giải trước, những người trúng giải còn được cái vẻ vang trông số 206 người. Giải sau?

Ông Vũ-khắc-Khoan đã làm giám khảo trong cuộc thi trước rồi lại đặt giải năm sau! Ông Võ-Phiến, bấy giờ vừa thôi chức Trưởng-ty Thông-tin Phan-Rang, về tưng sự tại Trung-ương, lũng Nha Thông-tin. Ông Toàn-Phong, tức Trung-tá Ng-Xuân - Vinh, Tư lệnh Không quân hồi đó.

Họ, ba người trong số năm người, (còn hai ông Bình-nguyên Lộc và Nguyễn-mạnh-Bảo).

Thử đọc một tác phẩm trúng giải? Tôi đã đọc ông Toàn-Phong từ ngày ông còn ký bút hiệu «Thiếu úy Toàn - Phong». Tôi

vẫn nói với bạn bè rằng ông Nguyễn-xuân-Vinh giỏi, giỏi toán, giỏi Anh ngữ, giỏi lắm. Bằng chứng ông «lưu vong» sang Mỹ, đã làm người mình nở mặt với nước người, ông viết báo Mỹ. Ông dạy Đại học Mỹ, và ông công tác với cơ-quan NASA. Trần gian dễ được mấy tay?

Nhưng không bao giờ tôi có thể tin được ông Nguyễn-xuân-Vinh là nhà văn Quyền «Đời phi Công» của ông, nếu có về văn chương, thì chỉ lột phốt từng câu, từng đoạn. Toàn bộ, những bức thư — chẳng lấy gì làm hay nhất thế giới — là cái gì?

Tùy bút? Nó có truyện, chuyện «đời phi công», kể cho người yêu nghe, Tạp-văn? Nó nhất loạt bằng những bức thư. Tiểu thuyết? Nó thiếu hẳn cốt cách của một quyển sách, vì không thấy dựng truyện, tức là chưa có kỹ thuật, chưa dựng công. Thế mà ông Toàn-Phong được liệt vào hàng nhà văn có tài nhất nước? Tôi không tin. Cái tôi tin được là, nếu ông Toàn-Phong là nhà văn

SINH KHÍ VĂN NGHỆ

thì chỉ là nhà văn tài - tử, một thứ làm đom nhất thời.

Nói thế thôi, còn sự thật ai cũng biết các ông trong «Hội đồng Tuyển trạch» đã có hành động «mục hạ vô nhân» cũng tuyển trạch (!) kiểu «chưa ứng cử mà đã đắc - cử rồi». Hiện tượng này càng nổi bật vào những lần sau.

Giải 1960-61, đáng lẽ ông Đoàn Thêm, (nguyên Đổng-lý văn phòng Bộ-trưởng tại phủ Tổng-Thống), đặt giải nhất về thơ. Nhưng ông đã nhân - nhượng (hay không thêm?) trả lời — cuộc đàm thoại bằng giấy nói — để phần người khác: Nhà thơ quá cố, Đinh-Hùng, (2)

Còn trường hợp ông Lê-Ngọc-Trụ giải nhất độc nhất (khảo luận) cũng khó hiểu nữa. Tôi phải nói ngay rằng quyền «Việt ngữ chính

(2) Nhật Tiến nhất tiểu thuyết (Thêm-Hoang) Linh-Bảo và Doãn quốc-Sĩ nhì đồng hạng (Tàu ngựa cũ và gìn vàng giữ ngọc). Nhì thơ: Hoàng-bảo-Việt (Hy Vọng) ba đồng hạng: Anh Tuyển (Tổ Ấm), Mai-Trung-Tĩnh và Vương-đức-Lệ (Bổn chức bài thơ).

tả Tử-Vi» của ông quả có giá trị, cả giá trị biên soạn và giá trị đóng góp. Nhưng sách của ông xuất bản từ tháng 6 năm 1959, sao không được giải 1958-59, mà lại được giải 1960-61? Xin đề ông Nguyễn-duy-Cần trả lời.

Hình như những vụ «Đỉnh-kính» tương tự đã làm những người trúng giải chẳng vui gì. Cũng rất có thể họ còn khổ tâm vì dụng ý của chính quyền chẳng có vẻ Văn-chương chút nào.

Ông Trương-công-Cừu, Bộ-trưởng Đặc-nhiệm Văn-hóa Xã hội bấy giờ chủ tọa. Đồng ý, Nhưng còn sự hiện diện của các ông Bộ trưởng Công Dân Vụ, Tư Pháp? Thi hiện diện cho «thơ»! Thế sao có các ông Viện-trưởng Học Viện quốc gia Hành chánh, khoa trưởng Đại-học Luật-khoa, mà lại thiếu ông Khoa trưởng Văn - khoa? Hồ trời!

Thật tôi không ngờ ông Phan văn-Tạo, Tổng giám-đốc Thông-tin bấy giờ, tác - giả «Cải Bong bóng lợn» lại có bài diễn văn với câu cú hăng hực thế này:

«Lễ trao giải thưởng Văn

chương năm nay vào giữa lúc toàn dân nỗ lực xây dựng Ấp chiến lược (...) Như vậy chúng tôi dù trong gian lao của chiến đấu, chúng ta không hề sao lãng nhiệm vụ văn - hóa, mà hơn nữa ngay trong chiến đấu, hoạt động văn hóa càng tiến mạnh mẽ (!) để tiếp trợ cuộc chiến đấu...

Văn Tàu ? Không phải. Văn Tây ? Cũng không phải. Văn Tay hay văn Mỹ đây này, văn ông Trương-công-Cừ :

« Đối với người Việt Nam chúng ta cũng không phải là quá đáng nếu chúng ta tự hào rằng một nguyên-nhân tồn tại của dân tộc khiến cho kẻ xâm lăng và thực dân đã thành ra bất lực không thể đồng quá nổi chúng ta, nguyên nhân đó chính là nền văn-hóa của chúng ta vậy...»

Tây Corse, Tây Marseille, Mỹ Far-West. Thành thử « văn tức là người » thật :

«...Chúng ta đang sống một thời đại nguyên-tử, nền văn-hóa quốc gia cần phải được xây dựng trên một nhân bản toàn diện đúng theo tinh thần nhân

vị đấu tranh và cảnh giác(...) Chủ nghĩa Nhân vị đặt các bạn vào chính trung tâm cuộc thử thách của lịch-sử, và dành cho các bạn phần (?) qui nhất chỉ còn do nơi các bạn tự đảm nhận để làm nảy nở bằng mọi sáng tác ».

Tôi có cảm tưởng nhà khoa bảng đã nói « tiếng Đức » chứ không phải tiếng Tây, tiếng Tàu nữa !

Cho nên tôi đã đoán những người trúng giải chẳng vui gì. Nỗi buồn này về sau, càng buồn hơn nữa.

Đến đây, tôi chỉ xin lựa ra một vài sự kiện « đã làm nên lịch sử » của giải VC1Q 1963-66 : Ông Nguyễn-hiến-Lê chưa in sách mà đã trúng giải rồi (nữa !). « Hemingway Việt - Nam » (nói theo lời bác Nguyễn - đức - Quỳnh) trúng giải, có đến dự « nễ » phát giải, nhưng « nằm » cao, không « nên nỡ » giải.

Gọi mãi chẳng ai thừa, ban tổ chức đành cử người ra « nỡ » thay. Cứ tưởng Lở!

Sau đó, « Hemingway Việt Nam » đã chặn bước cái ông đại diện bất đắc dĩ, « nẩy nạy » 50.000đ. Hú hồn.

Nhưng đặc biệt nhất là các ông giữ an ninh (!) cho buổi lễ cử đòi khám soát lượt. Trình

thiếp mời, cũng khám. Nấn chân, nấn mình xem có dấu lựu đạn, giắt súng lục trong người không ?

« Thượng-đế hỏi có thấu cho (Việt Nam này ...) _ riền miên »



● Món ăn mới

Một khách sạn tự nhiên đông khách. Nguyên do là trong các món ăn có miếng đặc biệt « sườn Sophia Loren » !!

Món ăn gồm ngực một con gà, phía ngoài bao thịt jambon và mỡ, tròn trĩnh như bộ ngực cô đào này và rất giống.

Đặc biệt là thực khách tấp nập, ngắm món ăn một hồi rồi mới ăn.

MỘT BÀI THƠ THU

★ của Giáo-sư Thạc-sĩ HOÀNG-XUÂN-HÂN

Paris, ngày 01-10-1967

...Nhân đọc bài THU TANG-TÓC mà ông đã cảm-tác ngày trung-thu năm Đinh-mùi nay, tôi càng xót-xa cho quốc-dân ta. Tôi bèn nhớ lại cách đây đúng hai mươi năm, khi chiến-hòa bắt đầu lan rộng dày xéo đất ta, tôi cũng đã cảm-tác một bài thơ trong đêm Trung-thu năm Đinh-hợi (1947).

Cuộc chiến-tranh Việt-Pháp bấy giờ đã kéo dài chín tháng. Hà-nội còn giữ nguyên cảnh tượng điêu-tàn. Một phần dân tản-cư đã lục-tục kéo về, tìm kế sinh nhai với nghề cũ, tối Trung-thu các phố Hàng-thiếc, Hàng-đường bày bán các đồ chơi, trong đó cố-nhiên có đèn trung thu.

Không biết đèn trung-thu trong Nam có giống ngoài Bắc không. Chắc rằng ở đâu thì cũng là đèn lồng giấy bóng, ở trong có cái chong-chống hình cái tán nhờ khí nóng của ngọn đèn đầy mà quay và kéo quay theo những hình người, hình vật. Thường

đó là hình-ảnh quan quân chạy diễu quanh. Vì vậy đèn này có tên riêng là *đèn kéo-quân*. Các nghệ-sĩ dân-gian lại có sáng ý dùng chuyển-động của tàn quay mà làm linh-động các hình-nhân khác, tuy ở yên một chỗ, mà dao-động đầu, cổ, tay chân, đề hình-dung vị sự gõ mõ, bà đồng múa-may, kẻ hành khất lạy-lục. Đó là nhờ những sợi giây nhỏ, một đầu buộc vào cổ, vào tay chân hình người còn một đầu buộc vào một bộ phận tàn nó vừa quay vừa dật.

Tường trong đèn bằng giấy trắng. Ngoài lồng bằng nan tre phết giấy ngũ sắc, kim-tuyến, hình dung lâu-đài lộng-lẫy nguy-nga.

Trông gái đêm Trung-thu đầu kháng-chiến, trông thấy cảnh phố-phường hoan-hỉ vô-tư đã lấy làm ngứa mắt. Mà nhìn chính-cuộc trong khu Hà-nội, thì thấy đầy mả-tà, chỉ-điêm, nhiều phần-tử tham-ô hoặc vô-sĩ đang búi vào các quan thầy mới cũ đề cầu danh trực lợi với cái

MỘT BÀI THƠ THU

danh-nghĩa « Hội-đồng An-dân » Hai tiếng An-dân ấy, bấy giờ quần-chúng tinh-ranh đã theo « giọng tây » mà đọc ăn gian, và cắt nghĩa một cách sâu độc hơn bằng An-nam-mít-gian.

Nhìn đèn Trung-thu ở vỉa đường, nhìn trăng Trung-thu trên mái phố, ghét những kẻ mê cầu danh-lợi, tôi nhớ đến hai vế cổ-thi vịnh đèn kéo-quân thường đã được nghe :

*Một lũ ăn mày một lũ quan
Quanh đi quần lại lại một*

đoàn

rồi nghĩ sao mà nó hợp với cảnh-tượng đương thời đến thế !

Không biết thơ ấy của ai làm và làm tự đời nào. Lại không rõ còn đâu giữ được sáu vế dưới nữa không. Tôi nhân muốn đã cơn buồn, cơn giận, nên tự nổi văn xưa thành bài thơ :

TỤC CỔ VỊNH ĐÈN KÉO
QUÂN NĂM ĐINH-HỢI

(1947)

« Một lũ ăn mày một lũ quan

*Quanh đi quần lại lại một
đoàn*
(CỔ-THI)

*Trương tàn hồng gió
lãng-tăng chạy
Buộc cổ giật dây lạy-lục
van*

*Đêm tối mập-mờ dài với
các*

*Mai ngày sáng rạng giấy
cùng nan*

*Trăng thề còn đó sao
không ngấm*

*Bớ lũ « An - dân » lũ Việt
gian !*

Nay nhân mùa Thu đã đến được đọc thơ « Thu tang tóc của ông, cho nên nhắc lại cái cụ-tác kia kéo lâu ngày quên mất. Nhất là đề ghi lại hai vế phá thừa đánh dấu thể-thái nhân tình trong thời kim-cổ.

Có đâu dám khoe thơ,
Chỉ xin nhắn hỏi một lời :

*Bây giờ có khác xưa chăng ?
Kéo-quân còn bóng, vầng
trăng vẫn thề.*

Xin chúc Tap-chí nhà phát
đạt và ông Chủ-bút Khang-an.

Hoàng Xuân Hân



★
□
★
□ ★ □ ★ □ ★ □ ★ □ ★ NGUYỄN-VỸ

CHƯƠNG XXXII

▶ 3-9-1939, Đệ-nhi Thê-chiến bùng nổ ở Âu-Châu

(Tiếp theo PT.201)

Tin tức bên Pháp vẫn qua đều đều và dòn dập mỗi ngày nhiều biến cố mới hầu hết là bi đát và trái ngược nhau, chứng tỏ một tình trạng chính trị và quân sự vô cùng hỗn loạn. Nội các Paul Reynaud cố tiếp tục chiến tranh mặc dầu ngày 10-6-1940 Paris đã bị quân đội của Hitler chiếm đóng mà không tốn một viên đạn. Paris đã được tuyên bố là thành phố

bỏ ngõ. Quân Pháp đã tản cư vội vàng và lộn xộn trong cuộc « chạy giặc » vĩ đại của những đợt sóng dân chúng hoàn toàn rối loạn từ các tỉnh miền Bắc ào ạt tiến vào các vùng quê miền Tây và miền Nam, làm nghẽn tất cả các con đường.

Tổng - Thống Lebrun, và Nội các Paul Reynaud cũng hấp tấp tản cư về Orléans, rồi lại chạy về Bordeaux, hải cảng cuối cùng của miền Tây-Nam,

TUẦN CHÀNG TRAI

trên bờ Đại-tây-Dương. Nơi đây Chính phủ và Thượng, Hạ Nghị-Viện Pháp chia làm hai phe: một theo Paul Reynaud quyết tản cư qua thuộc địa Algérie ở Bắc Phi-Châu và tiếp tục chiến đấu, một theo Thống - chế Pétain và Đại-tướng Weygand xin đầu hàng và đơn phương đình chiến với Đức, như thế là phản bội lại đồng minh Anh-quốc. Vì áp lực quân sự quá mạnh, lực lượng quân sự Pháp hoàn toàn bị tan rã, nên phe đầu hàng thắng thế. Thống chế Pétain vị anh hùng chiến thắng ở Verdun hội Đệ - nhất Thê chiến, đứng ra lập một chính phủ đầu hàng ở Vichy. Pierre Laval làm Thủ-tướng, chủ trương triệt để hợp tác với Đức và nhận mệnh lệnh của Hitler.

Đại tá De Gaulle vừa mới được Paul Reynaud cho làm Thứ-trưởng Bộ chấn tranh hồi tháng 5-1940, và được thăng cấp bậc Thiếu-tướng, từ Bordeaux đã trốn qua Luân-Đôn để thành lập một chính phủ lưu vong. Ngày 18 tháng 6 ông kêu gọi người Pháp tiếp tục chiến đấu với sự bảo trợ của Churchill và chính phủ Anh-Hoàng của

Georges V. Nhóm De Gaulle lúc bấy giờ mới có độ năm bảy người thôi.

Đông-dương vẫn còn nguyên là Đông-Pháp, thuộc địa của Pháp. Lời kêu gọi của De Gaulle đọc trong đài B.B.C. ở Luân-Đôn vẫn được loan truyền ở Saigon, Huế, Hà-nội, cũng như ở Pnom-Penh (thủ đô Cao-Miên) và Luang-Brabang, Vientiane (Lào). Nhưng đồng thời dân chúng An-Nam cũng được nghe lời hiệu triệu của Thống chế Pétain, bây giờ gọi là *Quốc-trưởng Quốc-gia Pháp* (« *Chef de l'Etat Français* ») vì chế độ Cộng-Hòa đã bị bãi bỏ. Pétain kêu gọi các thuộc địa Pháp « hãy trung thành với chính phủ hợp pháp của Thống-chế ở Vichy » và đừng nghe lời « tên phản quốc De Gaulle ». Ông này, mệnh danh là « lãnh tụ nước Pháp tự do » (« *Chef de la France Libre* ») đã bị chính phủ Vichy kết án tử hình khiếm diện.

Tất cả những tin tức trái ngược và hỗn độn ấy khiến cho dân chúng An-Nam vô cùng thắc mắc, và bàn tán rất xôn xao. Các giới cách mạng và chính

trị ở Hà nội, và Sài Gòn đã bắt đầu rục rịch, theo rồi sát tinh hình biến chuyển ở Pháp hằng ngày, hằng giờ...tùy cơ ứng biến.

Có một điều mà Tuấn đặc biệt chú-ý, là tinh hình chính trị và quân sự của Pháp quốc đã bị phá sản như thế rồi mà giới quan lại và trường giả An-Nam vẫn còn trung thành với « Mâu-quốc » của họ. Ở Hà-nội cũng như ở Huế và Sài Gòn, những lớp người đã được nhiều ân huệ của Pháp, riêng ở Nam kỳ hầu hết là những kẻ đã nhập tịch dân Pháp, như một số đông Thượng-thơ, Tổng-đốc, Tuần-phủ, đại kỹ nghệ gia ở Bắc - Kỳ và Trung-Kỳ, những Đốc-phủ-sứ và «Bác-vật», Bác-sĩ, Kỹ-sư, Cò-mis, « Hội-Đông », đại điền chủ ở Nam Kỳ, đều công khai bày tỏ « lòng tri ân và luyến ái, tận tụy trung thành không nao núng » của họ đối với « Nước Đại Pháp bảo hộ », « mẫu quốc » của họ, *leur « attachement inébranlable à la Mère-Patrie »*.

Nhưng « Mère-Patrie » nào ? Vì « Mâu quốc » đã bị chia làm hai phe, công khai đả kích lẫn nhau, thù địch lẫn nhau, chửi nhau là

phản quốc. Dĩ nhiên, trong những ngày đầu tiên của tháng 6 và tháng 7 cho đến tháng 9, tháng 10 năm 1940, những người Pháp cai trị ở Đông-Dương đều khuynh hướng theo chính phủ kháng chiến của De Gaulle.

Lý do rất dễ hiểu, vì lòng ái quốc của họ cũng có một phần nhưng phần lớn là vì lòng tự ái của họ đối với các dân tộc thuộc địa ở Đông-Dương, nhất là với dân An-Nam. Tự ái vì họ đã bị quân Đức đánh đại bại, xứ họ đang bị quân Đức chiếm đóng một nửa (miền Bắc) gồm cả thủ đô Paris, còn một nửa (miền Nam) Thống chế Pétain, vị anh hùng của họ đã oanh liệt hồi nào bây giờ lại làm quốc trưởng bù nhìn được Hitler cho đóng đô ở thành phố Vichy bé nhỏ. Thật là nhục nhã, cho nên vị Chúa tể của họ là Đại tướng Catroux, Toàn quyền Đông-Dương, đã công khai theo phe De Gaulle để chứng tỏ cho dân chúng An-nam và Miên-Lào thấy rằng họ chưa thật sự chiến bại. « Nước Pháp đã thua một trận giặc chứ không phải thua giặc » như lời hiệu triệu của De Gaulle ngày 18-6-1940 : « *La France a perdu*

une bataille, elle n'a pas perdu la guerre ».

Các giới An - nam thân Pháp thì nhất định là theo chiều hướng của Hành-chánh-Pháp ở thuộc địa. Viên Toàn-quyền và các viên Khâm-sứ (Trung kỳ) Thống sứ (Bắc kỳ), Thống đốc (Nam kỳ), chủ trương như thế nào họ cũng vỗ tay hoan nghênh nhiệt liệt. Họ vẫn hoàn toàn tin tưởng nơi nước Pháp, bất cứ là cái nước Pháp nào.

Các giới cách mạng An - nam bắt đầu hội họp bí mật ngày đêm đề thảo luận và theo dõi sát tinh hình Pháp, Đức, và Âu-Châu. Đông-Nam-Á đang còn yên ổn (trừ cuộc chiến tranh thương xuyên giữa Nhật và Trung-Hoa).

Nhưng đề tài thảo luận sôi nổi nhất là thái độ của Nhật đối với Đông-Dương sẽ như thế nào ?

Ở Hà-nội lúc bấy giờ có hai nhóm chống Nhật, và ba nhóm thân Nhật.

Chống Nhật là đảng Cộng-sản và nhóm AFI của Tuấn, (Antifascistes Indépendants — chống Fát-xít Độc-lập), Nhóm này gồm có Nguyễn-ngọc-Lễ, nữ đồng chí

Khuê-Lưu, Tuấn, một « y-sĩ Đông-Dương » và Thọ, một sinh viên trường Luật.

(Khuê-Lưu sau bị quân Pháp bắn Chết ở Việt-Tri). Nhóm chống Fát-xít Độc-lập đi tuyên truyền ở Hà-nội, Hải-phòng, bị các nhóm thân Nhật đả kích kịch liệt. Căn cứ trên tinh hình chiến sự âu châu, nhóm của Tuấn nhận xét rằng Nhật và Pháp sẽ đánh nhau ngay trên lãnh thổ Việt-Nam. Tuấn có viết sách chống Nhật, tiết lộ *Kế hoạch Tanaka* mà đám quân phiệt Nhật đang áp dụng, chủ trương bành trướng thế lực Nhật ở toàn thể Đông-Nam-Á, xâm chiếm Annam, Cao-Miên, Lào, làm căn cứ địa để tràn qua Xiêm, Miến-Điện và Ấn-độ, đồng thời chiếm Tân-gia-Ba để chặn đường của Anh, Pháp, Hòa-lan. Nhưng nhóm Tuấn lại nghĩ rằng bọn Đế quốc thực dân Âu-châu sẽ kêu gọi Mỹ về phe đồng minh với họ để diệt Nhật,

Nhóm Tuấn tin rằng thế nào Nhật và Pháp cũng sẽ đánh nhau vì Nhật ở trong «Trục thép»(Axe d'acier) Berlin - Rome - Tokyo, đồng minh với Đức và Ý. Bọn Pháp ở Đông-Dương theo phe

TUẤN CHÀNG TRAI

De Gaulle, tức là chống Nhật thì dĩ nhiên Nhật sẽ đánh Đông Dương, và Anh-Mỹ sẽ đổ bộ ở đây. Dân chúng Việt-Nam sẽ thừa cơ hội duy nhất đó để nổi dậy đòi Đông minh Anh-Mỹ bắt buộc Pháp phải trao trả độc lập cho mình, theo nguyên tắc 14 điểm của Tổng-thống Wilson hồi 1918: quyền dân tộc tự quyết (*Le droit des peuples de disposer d'eux-mêmes*), Nhóm AFI của Tuấn lấy câu này làm khẩu hiệu tranh đấu với các nước Đồng-minh, Nhóm này định hoạt động hoàn toàn bí mật, đợi khi nào Anh Mỹ đổ bộ ở Việt-Nam, nhóm sẽ công khai ra mặt đòi độc lập.

Đêm Trung-thu năm 1940, anh Đội khổ đồ Nguyễn-ngọc-Lễ vừa ăn bánh trung thu tại nhà nữ đồng chí Khuê-Lưu, vừa xăm-xi cho Tuấn và các đồng chí biết tin Nhật chuẩn bị đổ bộ Hải-phòng, nội trong tháng 8, và người Pháp biết nhưng sẽ không dám làm gì để đối phó. Người Pháp ở Đông-dương tuy bề ngoài làm ra vẻ hiên - hiêu tự đắc để lừa bịp và mà mắt dân chúng, vẫn tuyên bố « phòng thủ Đông-dương rất kiên cố chống mọi cuộc xâm lăng bất

cứ từ đâu đến » nhưng kỹ thuật họ vẫn gồm Nhật-bồn, và sợ Nhật gây lấn. Cái tin sốt dẻo của Nguyễn-ngọc-Lễ, hình như cũng có nhiều người biết, nhất là trong quân đội Pháp, nên từ ngày hôm sau tin ấy được loan truyền rỉ tai khắp cả Hà - nội và Hải - phòng.

Cùng một lúc, Viên Đốc lý thành phố Hà Nội ra lệnh bắt dân chúng gấp rút sửa sang lại các hầm trú ẩn đã bị đề cổ mọc tùm lum, nước đọng dơ bẩn, và đào thêm nhiều hầm mới.

Tiếng đồn xôn-xao khắp thành phố tuy chưa thấy dấu hiệu gì chứng tỏ người Nhật sắp hành động gây chiến. Đi đâu cũng nghe dân chúng xăm-xi bàn tán « sắp có đánh nhau ở Hải-Phòng ». Ông Ba Ngừ, một đồ nho ở phố Hàng bạc, gặp Tuấn, khẽ bảo : « Tôi chả lo ! Các cụ xưa đã bảo : Thăng-Long bất chiến tự nhiên thành » Tuy nhiên, không khí Hà - Nội đã thay đổi : không khí hồi hộp, nặng nề, lo âu. Nhiều gia đình đã tính việc tản cư tạm về quê « để nghe ngóng xem sao ».

TUẤN CHÀNG TRAI

Sáng ngày 19-9, Tuấn mua vé xe lửa đi Hải-Phòng để dò xét tình hình. Gặp mấy người bạn thân, Tuấn hỏi, họ cười bảo : « Tin đồn, dân chúng ở đây đã biết cả, nhưng chả thấy gì ! » Hải-cảng chẳng có phòng thủ, gần như một thành phố bỏ ngõ. Dân chúng làm công việc hằng ngày chẳng có gì xôn-xao.

Trở về Hà - Nội, Tuấn nghe tin hai người Triều-tiên có tiệm bán nhân-Sâm ở phố hàng Đầy gần chợ cửa Nam, tự nhiên bị nhà chức trách Pháp bắt. Nhà buôn Nhật Dainan Koosi ở phố hàng Nón tự nhiên đóng cửa. Nghe thiên hạ đồn rằng mấy người Nhật bỏ trốn đi cả.

Đó là những triệu chứng bất đầu của một biến cố trầm trọng sắp xảy ra.

Đùng một cái, 7 giờ sáng ngày 23-9-40, Hà - Nội có báo động ! Lần này là báo động thật sự, vì tòa Đốc lý không cho biết trước. Toàn thể dân chúng chạy xuống các hầm nấp. Hai chiếc máy bay Pháp bay vù - vù trên vòm trời Hà-nội, nhưng bay thật cao. Thế rồi, không biết do ai truyền tin mà người này bảo cho người kia biết là Nhật đang ném bom Hải-Phòng ! Hà-nội báo động vì có lẽ máy bay Nhật sẽ đến ném bom Hà-nội trong chốc lát.

Dân chúng Hà - nội lần này hoảng hốt thật sự. Thiên hạ nhào-nhác cả lên. Con nít bị lôi kéo xuống các hầm la khóc om sòm.

(còn nữa)



★ Đồng nghiệp

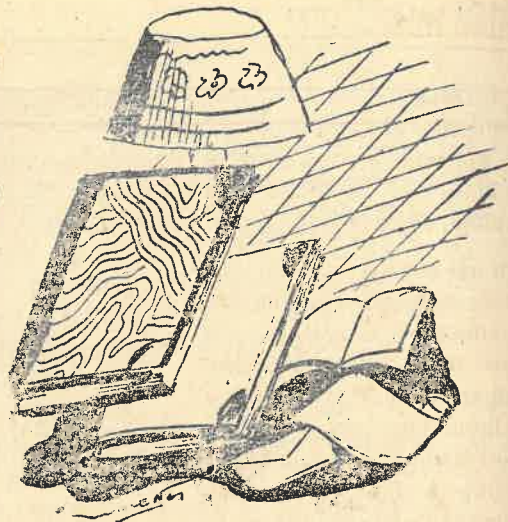
Một ông chủ xuất-nhập-cảng, bảo cô thư-ký đánh máy lá thư gửi cho một ông chủ khác :

— Sao cô lại đề là « ông bạn thân của tôi », ở đầu thư ? Thăng này là một tên xảo quyệt, đầu trộm đuôi cướp, một đứa ai cũng phỉ-nhở vào mặt kia mà !..

— Thư ông — cô thư-ký hỏi lại — Phải đề thế nào ạ ?

— Cứ đề là : « Tựa đồng nghiệp » là đủ lắm rồi.

**Phê
bình
những
tác
phẩm
«hiện
sinh»**



**của SIMONE DE BEAUVOIR
tình-nhân của J. P. Sartre**

● N. V.

Tôi đã để bốn ngày chủ nhật nhẩn nại và bình tĩnh đọc mấy quyển sách của Simone de Beauvoir, như tôi đã lang thang vào những đường hầm hôi hám dơ bẩn, đầy rác rến và xác thối của chuột chết, trong một vài xóm ngoại ô với ý định tìm xem có gì mới lạ, hấp dẫn, thích thú hơn là những con đường tôi thường đi hằng ngày.

Và tôi đã hoàn toàn thất

vọng. Khác hẳn với Françoise Sagan, cô này diễn tả một tâm sự hơi táo bạo, nhưng thành thật — trong bất cứ tác phẩm nào của cô, — tâm sự của một số bạn trẻ gái và trai của đời mới sau Thế chiến, muốn có một cuộc sống thực thê, tự do, nhưng có ý thức về đạo đức của con người và luân lý của sự vật, — Simone de Beauvoir lại phò bày trong văn chương

PHÊ BÌNH HIỆN SINH

cả một trạng thái của tình cảm cũng như của tư tưởng, giả tạo và đôi khi hỗn láo, cố ý bần thủ, ty tiện, và hoàn toàn phù phiếm, rỗng không.

Điểm nổi bật lên cả trong các tác phẩm của người đàn bà ấy, là cái khía cạnh «đàn ông» của bản chất nàng, thiếu hẳn phụ nữ tính trong cử chỉ và ngôn ngữ, khiến cho các nhân vật tiêu thuyết cũng như nghệ thuật văn chương đều có sắc thái khô khan lãnh lẽo và thô kệch.

Với tất cả thiện chí hiểu biết của một người chỉ muốn thông cảm, tôi tưởng người ta cũng khó chấp nhận được cảnh sống bộ-ba vô cùng bỉ ổi trơ trẽn trong quyển *L'invisible*, cũng như nếp chiến đấu vô vọng (vì không nhiệt hứng) của những kẻ anh hùng không xương, không máu của *Sang des autres*, và *Bouches inutiles*.

Trí óc bệnh hoạn của Simone de Beauvoir, còn mục nát hơn Jean Paul Sartre, đã trình diễn cả một rỗng không chân chương trong *Tous les hommes sont mortels* mà một nhân vật ngớ ngẩn, ông Hoàng Fosca, phác họa một cảnh tượng thiên đàng thật là buồn cười !

Trong *Deuxième Sexe*, Simone de Beauvoir tự - khinh miệt người phụ nữ quá mức, không phải riêng phụ nữ Pháp hay Âu-châu, hay Mỹ-châu, mà tất cả phụ nữ. Nhưng thực ra, tác giả *Deuxième Sexe* chẳng có một giá trị nào độc đáo, riêng biệt. Người ta thấy pha trộn vụng về một chút ít Freud, một chút ít Stoeckel, nhưng nếu không có hai món gia vị rẻ tiền ấy, đĩa đồ xào của bà chắc chỉ để cho ruồi nhặng bu vào mà thôi. Độc giả có cảm tưởng Simone de Beauvoir chối bỏ người đàn bà, cũng như « con mẹ » chối bỏ Tôn-giáo, chối bỏ gia đình, xã hội, luân lý. Đến đời nàng chối bỏ cả hôn nhân, chữ hời hôn nhân là tục tũ, « obscene », là trơ trẽn « cynique », và chối bỏ cả tình mẫu tử mà bà ấy gọi là « néfaste oppression », (áp chế tai hại của người mẹ). Tại vậy mà Simone de Beauvoir công khai ăn ngủ với Jean Paul Sartre theo nguyên tắc của cặp « hiện sinh » yêu quái ấy là không cần cưới hỏi, và không cần sinh đẻ. Bà nhất định từ chối làm vợ và làm mẹ, nhưng lại chấp nhận sự sống chung với người đàn ông chỉ bằng xác thịt không

thời, không theo một lý tưởng nào cả, và không công nhận một linh yêu nào cả.

Trời ơi, đọc quyển *Les Mandarins* mới càng thấy rõ cận hã văn - chương của thuyết « hiện sinh » hời thú và ghê tởm của quái vật Simone de Beauvoir. Cái anh chàng Dubreuilh nào đó giống hệt Jean Paul Sartre, điều đó đã đành rồi, nhưng khổ nạn và lối bịch cái chàng Perron lại muốn bắt chước Albert Camus! Y như chú bé Congo muốn đeo kiếm và đội mũ của vua Baudouin nước Bỉ! Tôi không thể nhịn cười được khi Simone de Beauvoir viết: « Un type qu'on n'aime pas, on ne peut pas ne pas souhaiter qu'il creve... et la nationalisation des b... c'est pour quand? » (một thằng mà người ta không thương, người ta không thể không mong cho nó chết nghèo cho rồi... và cái vụ quốc hữu hóa bọn gái điếm đó... đến bao giờ nhỉ?)

Thật là văn chương của gái đ... chả khác gì! Chả trách Bernard Frank đã thốt ra: « Toujours les mêmes têtes, le

même décor, les mêmes conversations, les mêmes problèmes, plus ça change et plus c'est la même chose... Quel est ce monde masqué, hagard et funèbre?... Ah, ces intellectuels de gauche... que d'autres intellectuels de gauche ne considèrent plus comme des intellectuels de gauche... »

Thật đấy, Simone de Beauvoir và Jean Paul Sartre trơ trẽn tự nhận mình là « trí thức khuyển tả » mà « chính ngay bọn trí thức khuyển tả » cũng không nhiiu nhận họ là trí thức khuyển tả nữa.

Bây giờ chúng ta vẫn khách quan tìm hiểu đủ các khía cạnh của « hiện sinh » — mặc dầu đã đọc cả Sartre và người bạn xác thịt Simone của y — trong 3 quyển hồi ký « *Mémoires* » của Simone de Beauvoir, mới xuất bản. Tôi muốn nghe bà ấy kể lại cuộc đời của bà, để tìm hiểu, với tất cả vô tư, lối nhận xét của bà về các vấn đề thời đại:

« Cha tôi có ba chục tuổi, mẹ tôi hai mươi mốt, và tôi là đứa con đầu lòng. Tôi có một đứa

em: con bé ấy không có được tôi» (nguyên văn: *J'avais une petite soeur: ce poupon ne m'avait pas*)

Ý nghĩ sơ khởi đó đã chứng tỏ tính tình vị kỷ vô luân thường của tác giả không muốn chấp nhận sự hiện diện của một đứa em trong nhà. Tính vị kỷ ấy phơi bày lộ liễu suốt thiên hồi ký, đối với tất cả mọi người và mọi vấn đề.

Lần đầu tiên, cô bé Simone de Beauvoir thấy kinh nguyệt, cô ấy ngồi trước mặt ông bố, nghĩ như thế này: « Đối diện với cha tôi, từ trước giờ tôi vẫn luôn luôn nghĩ rằng tôi là một trí óc thuần túy (un pur esprit); bây giờ bỗng dưng, đột ngột, tôi ghê tởm rằng ông ấy coi tôi như một cơ thể, un organisme ».

Cô bé không chấp nhận rằng mình là một cơ thể, mình khác hẳn mọi người con gái, mình hoàn toàn là một tinh thần, một trí óc « cao thượng », do đó nàng chống cả thiên nhiên. Mười bảy tuổi, nàng cảm thấy trơ trọi một mình, khinh ghét cả tuổi trẻ của nàng, mà nàng cho là một « cái nhục ».

Lớn lên, lại bị cái ám ảnh « sống thì chán nản, mà chết thì ghê tởm », nhưng phải sống, và phải sống hoàn toàn cho một mình mình, không sống cho ai cả. Sống, đối với nàng, đã trở nên một « công-trình » (une entreprise), phải tổ chức cái sống đơn độc cho riêng mình mà thôi. Nhưng tất cả « công-trình » ấy chỉ tập trung vào một rỗng-không, không có vòm trời, không có địa ngục, không có thời gian và không gian. Không gì cả. Nàng viết: « Con, tôi cũng không có, tại vì tôi không bao giờ mong muốn có con, và không bao giờ tôi hối tiếc vì không có con »

Nàng lại bảo: « một hôm, Sartre đã nói với tôi điều đó. Chúng tôi có một ý-thức thực tế về chân lý, nhưng nói như vậy không phải là chúng tôi có một ý thức chân chính về thực tế. Chúng tôi đã thành ra những người trưởng giả sống đầy đủ tiện nghi, đời sống như công-chức, không thiếu thốn gì. Nhưng chúng tôi không có con, không có gia đình, không có trách nhiệm. Chúng tôi không cần cưới hỏi: để tự xác nhận sự sống tự do của chúng tôi ».



Simone de Beauvoir

Cái « công trình sống »,—L'en treprise de vivre của Simone de Beauvoir dĩ nhiên đưa đến « hiện sinh » của Jean Paul Sartre, và hai người quyết sống ngoài rìa xã hội, từ bỏ xã hội và tất cả những sự kiện, đòi hỏi nhu cầu-truyền thống luân lý của xã hội. Đó là ý nghĩa chân chính của « hiện-sinh » theo kiểu Jean Paul Sartre, cái « hiện sinh » mà chính họ cũng phải từ bỏ nốt nếu họ muốn hợp lý với họ.

Đọc mười hai tác phẩm của Simone de Beauvoir, chúng ta thấy rõ rệt tư tưởng của

rỗng không, (la pensée du néant) của tất cả chống đối vị vị kỹ, nhưng lại thụ hưởng đầy đủ những tiện nghi tinh thần và vật chất mà chính họ chống đối ! Đó là điểm lỗ bịch, trơ trẽn, hèn nhát « hiện sinh » của Jean Paul Sartre cũng như của Simone de Beauvoir.

Đâu phải như EDITH STEIN nữ sĩ Do-thái Đức, tuy nàng cũng chống đối xã hội nhưng nàng lại thông minh và có nhân cách hơn, là nàng xây dựng lên chỗ rỗng không của « hiện sinh ». Cho nên Jean de Fabrègues nhận xét rất đúng rằng : « Nơi mà « hiện sinh » vô thần, và rỗng không của Simone de Beauvoir đưa người ta đến ngõ bí của cuộc đời, thì chính nơi đó, Edith Stein xây đắp một con đường tiến bộ ».

Tôi có thể nói rằng Edith Stein là câu trả lời cho nếp « hiện sinh » trống rỗng của J.P. Sartre và de Beauvoir. Nếu Edith Stein không bị mặt vụ của Hitler bắt và thủ tiêu ở Auschwitz, thì ngày nay chắc chắn sẽ có cuộc đối thoại thích thú giữa cái huyền bí cao siêu của nữ

sĩ Do-thái Đức, xây dựng tinh của những con người tự tiêu diệt thần sáng tạo của con người minh trong mâu thuẫn vĩnh bất diệt, và cái « hiện sinh » viễn của chính mình. rỗng không giả tạo của J.P. Sartre và Simone de Beauvoir,

N.V.

✱ Trong các số sau, tôi sẽ mời các bạn trẻ Việt Nam góp ý kiến xây dựng với tôi trong công việc tích cực đánh đổ các mầm mống « hiện sinh » sai lầm và phá hoại đang đầu độc Thanh-niên và Thiếu-nữ của thế hệ chúng ta.

Bài phê bình Simone de Beauvoir khởi điểm cho chiến dịch tẩy trừ ấy.



● Nghe Iôm ở một phi trường quốc tế.

Một nhân viên quan thuế hỏi một hành khách phi cơ vừa xuống tại phòng kiểm soát :

- Ông có đê-la không ?
- Không.
- Có Anh-Kim không ?
- Không
- Có đồng hồ SeiKo không ?
- Không
- Ông có thuốc H³ Không ?
- Không

Viên quan-thuế liền bỏ nhỏ :

- Vậy ông muốn mua c c thứ đó không ? Tôi có.

Bàn tay tha thứ...

LỆ-QUÂN
(Saigon)

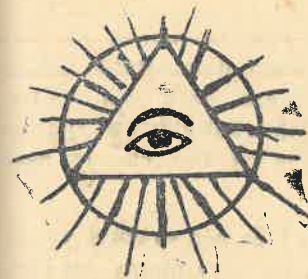
*Chàng ơi ! Xin ghé lại môi sầu
Cho đôi hơi thở quấn lên nhau
Mơn man cho tình yêu thừc dậy
Tìm đường cho hận đến ngàn sau.*

*Trắng mờ khi sao liếc trao tình
Em buồn vì thấy quá xa anh
Nín lặng nhưng hồn không dịu nhẹ
Những ngôi sao lẻ quá rơi nhanh*

*Hồn vương thương nhớ nuốt trong lời
Đêm buồn sương ướt mắt xa xôi.
Gió lạnh bao nhiêu lời tình tự
Hoang vu vương bóng đỡ nghiêng dài*

*Thân đã đi, làm sao gọi lại
Đêm sầu sương tỏa tóc ngáy cười
Hai ngã đường một thân quấn quai
Nhìn về vô số dáng xinh tươi...*

*Chàng ơi cho đến bao giờ chết
Hồn bay, em kết lại tình duyên
Đêm lạnh, bàn tay tha thứ hết
Dịu nhau nhẹ nhẹ khéo cho êm.*



Chữ TÂM

theo quan-niệm Giáo - lý Cao - Đài

★ ĐỒ - VẠNG - LÝ

Mỗi mỗi chúng ta đều có một chữ Tâm, nhưng bản năng thì lại khác, không biết bao giai tầng biến chuyển nơi nội tâm.

Có chữ Tâm đang thiết tha vì đại cuộc, thương giống yêu dòng, qui hợp những tình anh kết thành một khối, xây dựng giang san cho giống dòng Hồng-Lạc.

Cũng có chữ Tâm nặng oằn vì đạo nghĩa, dốc đem hết sự nghiệp, thân thể đời mình phụng sự cho lý tưởng cao cả.

Cũng có chữ Tâm cũng thương cũng mến, cũng gầy dựng, nhưng không phải vì đại cuộc đại nghĩa, mà vì màu sắc địa phương,

phái chi Nam Bắc, đen trắng xám vàng.

Cũng có chữ Tâm cũng biết thương yêu, chăm sóc, lo lắng, bảo vệ, nhưng trong phạm vi nhỏ hẹp, đó là đời tư, gia thế tôn tử.

Cũng có chữ Tâm cũng biết thương yêu, vun quén, chăm sóc nhưng trong phạm vi nhỏ hẹp hơn nữa. Đó chính là bản thân mình vị kỷ vong tha.

Cũng có chữ Tâm nhưng vô định, không chủ hướng, không mục đích, không đường lối, cũng không biết hướng đời mình đi về đâu. Hỏi vậy trình độ này có biết tự thương chàng ?—Trả lời rằng « Biết ».

Biết thương cho sở thích nhất thời, biết thương cho thị dục cá nhân, biết thương cho từng giai đoạn một, chung qui lại là thương cho ma quỷ, làm nô lệ cho dục vọng, ích kỷ hại nhân. Đó cũng gọi là chữ Tâm.

Ta hãy nhìn một khối nước chứa trong hồ, nước yên lặng, lóng trong, nhìn vào thấy bóng chẳng khác gương soi. Đó là tâm thanh tịnh, mà bóng đó là các đấng nơi cõi vô hình.

Cũng nước, nước nguồn, nước suối, nước nơi sông rạch, dòng nước uốn lượn theo lối quanh co, khúc khuỷu, lời cuốn cuộn cuộn những gì như bản tanh hồi.

Cũng nước, nước nơi trùng dương, khi phẳng lặng như tờ giấy trải, khi gào thét khuấy động, rất đôi tàn phá những gì làm chướng ngại vật, cản trở dòng nước đang dâng.

Nhìn dòng nước đem so lại với tâm người. Một khi làm khuấy động, bao thất tình lục dục cạn ráo nổi lên, mặt phùng phùng đổ, chuyển động cả thân thể tứ chi, đục đầu phá đó. Có thể một giây cuồng loạn tiêu diệt quả địa cầu.

Chữ Tâm hề buông ra, bao quát cả gia đình, quốc gia, xã hội, thế giới, hoàn cầu, vũ trụ, thiên địa... Một khi tâm thu lại chỉ bằng sợi tóc chẻ ra ngàn mảnh.

Tâm biến hóa vô cùng, vô tận. Nó là con ngựa chững, mà cũng con ngựa hay. Nếu người chủ ngựa biết xử dụng, điều khiển, thì sẽ trở nên bạch mã, phi mã, vạn mã vô song. Ngược lại, người chủ không biết xử dụng điều khiển, thì nó là con ngựa chững, chạy khắp đó đây, lên núi xuống đồng, tàn phá bao nhiêu cây trái ruộng vườn, hoa mầu khắp chốn, đục ai đá nấy.

Chữ Tâm nếu để tự nhiên, giống như thuở sơ sinh, tâm hồn chất phác, tâm như minh-cảnh-đài, thông công tam thập lục thiên, tam thiên thế giới, nhưng thương vì, khi vào đời trần cấu, gặp những ngoại cảnh cuốn lôi, làm cho tâm phai mờ dưới những lớp bụi trần: hỷ, nộ, ái, lạc, ái, ố, dục, cụ...

Giả thử có được một người toàn vẹn quét hết bụi trần vừa kể, một lời nói ra, cảm hóa muôn người, mười lời nói ra, trăm lời nói ra, ngàn lời nói ra

thì lo gì nước không trị, nhà không yên, đạo không qui về một khối. Lo gì nhân-loại chẳng hưởng cảnh đất Thuần, trời Nghiêu.

Tinh thương con người xuất phát từ chữ TÂM. Nếu thương thân mình, thương gia thế tôn tử, dung lượng tinh thương đó như dung lượng nước ở đầu chân trâu. Còn tinh thương quốc-gia, dân-tộc, dung lượng bằng dung lượng vũng nước ao hồ. Còn tinh thương nhân loại như nước chốn đại dương.

Xét lại, nếu nước ở đầu chân trâu thì có giới hạn, nhiều đầu chân trâu có nhiều giới hạn. Có những khoảng cách ngăn, đầu thì nước trong, đầu thì nước đục, vì chỗ trong đục, đục trong sanh ra quấy phải. Vì chỗ quấy phải sanh ra cạnh tranh. Chính chỗ cạnh tranh là mầm xáo trộn trong nhân loại. Ở gia đình thì vợ chồng anh em cãi vả, đánh đập xè xài thân xác; đến cùng chòm xóm, cạnh tranh đến chỗ hạ thủ bất nương. Giữa tình này cùng tình khác, cạnh tranh đưa đến chỗ giặc chòm. Giữa quốc-gia này cùng quốc-gia khác, thì vì cạnh tranh ắt đưa đến chỗ tàn sát không gớm tay. Từ đó là mầm lôi cuốn thế giới vào cuộc nguy vong.

Chính vì chỗ thiếu tình thương, hoặc tình thương nhỏ hẹp, tuy khinh thường, nhưng nó là mầm non, cội rễ phát sinh ra đại cuộc. Vì lòng tà Tâm. Tâm người xa cách nguyên thủy, căn bản, tức là xa Thượng-đế. Xa Thượng-đế là xa tình thương. Mà hề loài người thiếu tình thương, ời thời, hậu quả vô cùng vô tận!

Từ chữ tâm sanh ra chữ muốn. Muốn đủ thứ, đủ điều. Muốn là dục vọng. Khi muốn mà không được thì thất vọng. Muốn đừng thất vọng thì chớ dục vọng. Muốn đừng dục vọng thì phải ngự trị chữ Tâm.

*Chữ Tâm luyện đặng sẽ thành ngay,
Thành Phật thành Tiên một phút giây.
Chỉ ngại chữ Tâm còn tàn thối,
Ngàn năm muốn kiếp chuyển luân hồi.*

« Cơ-Quan Phò-Thông Giáo-Lý Cao-Đại Giáo — Việt-Nam » (1)

ĐỒ-VẠNG-LÝ

(1) Lời Tọa Soạn. — Ô Đồ-Vạn Lý, nguyên Đại-sứ V.N. tại Indonesia, Áa-dô và Hoa-kỳ, hiện là một lý thuyết gia uyên bác của cơ-quan Phò-Thông Giáo-ly Cao-dại Việt Nam.



HOẠT-ĐỘNG cách - mạng của VIỆT - KIỀU ở

THÁI - LAN

(Tiếp theo P.T. 201)

S UỐT 80 năm Pháp đô hộ Việt-Nam, bọn thực dân hiểu rõ hơn ai hết hiện tượng này trong tinh thần dân Việt nên đã cho đặt một tòa Lãnh-sự tại thủ-đô Vọng-Các. Nhiệm vụ của tòa Lãnh-sự này là phải tích cực theo dõi mọi sinh hoạt của người Việt

★ PHẠM-VĂN-SƠN

trên đất Thái hầu ngăn trở và tiêu diệt mọi mầm móng cách-mạng của chúng ta tại vùng hải ngoại này.

Nhìn vào kết quả, chúng ta phải khen bọn chó săn của Pháp đã rất xứng đáng với đồng tiền bát gạo của các chủ nhân Đứng đầu là tên Đồ-Hùng đã phục vụ thực dân Pháp rất trung thành cho tới 1933 là lúc y đã bạc đầu vẫn chưa thôi. Chúng đã bắt bớ được của ta một số yếu nhân

HOẠT ĐỘNG CÁCH MẠNG

cách mạng và đã gây được khá nhiều trở ngại cho các cụ Văn thân bấy giờ luôn luôn đi lại trên đất Thái, Ti dụ các cụ Tăng-bạt-Hồ, Mai-lão-Bạng, Lưu-khai-Hồng, Đặng-thái-Thuyền (tức Cảnh-Tân, con Cụ Ngư-Hải), Lê-Dại (Tứ-Long), Ngô-chính-Quốc, Bùi-chánh-Lộ. Các vị này thuở ấy hoạt động cho các phong-trào *Đông - Du, Thanh - niên Quang-phục*. Năm 1911 chính cụ Phan-sào-Nam (cụ Phan-bội-Châu) suýt bị chúng sập bẫy ở đây nên trong cuốn «*Tự phán*» cụ đã mệnh danh thủ-đô Vọng-các là một hang hùm, một ổ rắn của Pháp rất đáng e ngại.

Để tránh con mắt cú vọ của bọn mật thám Pháp, đồng bào ta phải học chữ Thái (ngoài chữ Quốc-ngữ) nói tiếng Thái và nhập quốc tịch Thái, lại ăn mặc cũng theo người Thái. Đồng bào làm đủ mọi nghề: thợ trong các nghề thủ công, làm thư ký trong các cơ sở hành chánh, gia nhập các ngành kinh tế thương mại và cả ngành cảnh sát. Nhưng đa số có mặt ở miền Đông-Bắc

nước Thái là miền có nhiều rừng ruộng. Đồng bào cũng lập được nhiều tổ chức xã-hội để bao bọc lẫn nhau ở nơi xứ lạ quê người như: mở các trường học, lập các bệnh xá, các hội tương tế, các nghĩa địa v.v., ăn ở với nhau rất hòa thuận, không bao giờ kiện cáo nhau đến chánh quyền Thái. Nhưng nếu người Thái hay dị chủng nào ăn hiếp thì đồng bào ta cương quyết chống đến cùng. Xin nhắc rằng lớp đồng bào qua Thái trước đây đã từng là nghĩa quân cách-mạng, họ đã có sẵn một tinh thần cương cường huồng hồ họ lại còn là con cháu các lãnh tụ Cần-vương, đến cái chết còn coi thường thì có bao giờ họ chịu lùi bước trước một sức mạnh nào! Cơ sở cách mạng của Việt-kiều ở Thái-Lan là:

— Ban-Nay, Ban Vatepas, Banbodra (thuộc tỉnh Lakhon).

— Ban Nông-Bua, Ban Nông-Ôn (thuộc phủ Oudonne).

— Ban Đông-Thâm (thuộc phủ Phi-Chật do chính cụ Sào-Nam lập ra) v.v..

Có điều đáng chú ý là những

tổ chức cách mạng đầu tiên của chúng ta trên đất Thái rất là thiếu sót, yếu kém về mặt đấu tranh và kỹ thuật lãnh đạo nên ta đã bị hy sinh rất nhiều mà không thu được nhiều kết quả. Đó là tình trạng từ 1908 trở về trước, mỗi khi nghĩ đến người trong cuộc đều sa nước mắt.

Sau khi phong trào Đông-du bị thất bại và giải tán do Nhật thỏa-hiệp với thực dân Pháp, một nửa các nhà cách mạng và thanh niên của ta phải rời Nhật qua Tàu, một nửa kéo nhau sang Thái để tiếp tục sự nghiệp và chờ thời.

Về Thái bấy giờ có các cụ Phan-bội-Châu, Tăng-bạt-Hồ, Đặng-tử-Kính, Định-doãn-Tề, Đặng-thúc-Hừa, Võ-trọng-Tài, Nguyễn-thức-Đường, Mai-lão-Bạng. Các cụ liền lập ngay ở đây nhiều cơ cấu cách mạng ở nhiều địa phương, cho tới 1911 Cách-mạng Tàu thành công, cụ Sào - Nam trở lại đất Tàu để lãnh đạo *Việt-Nam quang phục hội*, Cụ Phan lên đường nhưng các cơ sở cách mạng

ở Thái vẫn được duy trì và đã phổ biến được nhiều sách báo cổ động tinh thần quang phục. Mấy ai đã quên các bài như « *Ái quốc ca* », « *Ái chủng ca*, *Ái đoàn ca*, *Hoàn tỉnh quốc dân Quang Phục quân phương lược* ». đã soạn trên đất Thái và được du nhập vào quốc nội thuở đó ?

Trong thời kỳ này đồng bào ta đã biết tổ chức theo lối chánh đảng và đào tạo cán bộ cùng rèn đúc vũ khí dự trữ cho cuộc toàn quốc khởi nghĩa sau này.

Năm 1924 cụ Phan-sào-Nam bị bắt ở ga Bắc-trạm (gần Thượng-hải) rồi bị giải về Hà-nội xử, đồng bào ở Xiêm được tin cũng nổi căm hờn với quân thù thực dân không kém đồng bào quốc nội.

Đồng bào liền hợp nhau, tổ chức biểu tình ở Oubon, Vọng-các, kéo nhau đến trước lãnh sự quán Pháp tố lòng phản nộ yêu cầu chuyển bản nguyện vọng về Pháp xin ân

xá cho cụ Sắc-Nam. Đồng thời đồng bào viết nhiều bài báo trên các báo Anh, báo Thái, tố cáo chế độ bóc lột và vô đạo của thực dân Pháp ở Đông Dương trên 50 năm qua.

Đồng bào vận động cả chánh phủ hoàng gia Thái lên tiếng phản đối Pháp đã bắt nhà đại ái quốc Phan-sào-Nam một cách lén lút và hèn nhát.

Các kiều bào Thiên-chúa-giáo ở các xứ Thà-Hệ, Oubon Noóng-Xềng cũng thiêu tha nhờ Cha xứ yêu cầu Tòa thánh La-mã can thiệp...

Cách mạng của ta lúc này lập được 4 chi bộ ở Thái như sau :

- 1) Đệ nhất chi bộ tại Phi chít.
- 2) Đệ nhị chi bộ tại La khôn.
- 3) Đệ tam chi bộ tại Oudon
- 4) Đệ tứ chi bộ tại Sa-Khôn

Các chi bộ này đua nhau phát hành nhiều báo chí để tuyên truyền như tờ « *Đồng thanh* » ở Oudon, tờ « *Thân ái* », tờ « *Cổ quốc* » tờ « *Tiếng chuông* » ở La Khôn. Ngoài ra đồng bào còn lưu hành cả tờ « *Thanh niên* » do Tổng bộ « *Việt-Nam thanh*

niên cách mạng đồng chí hội » xuất bản tại Quảng châu (Tàu) gửi qua.

Đề cùng cổ tinh thần tranh đấu và lòng ái quốc, đồng bào chúng ta hàng năm có tổ chức những ngày quốc hận kỷ niệm những biến cố đau thương xảy ra trên đất nước từ ngày Pháp qua Việt-Nam từ ngày 5-6-1862 Pháp cưỡng chiếm 3 tỉnh miền Đông khiến có Hòa-ước Nhâm tuất (1862) ra đời ngày 26-6-1867 là ngày ta mất trọn lục tỉnh Nam-kỳ (hòa ước Giáp-tuất 1874) ngày 23-5 năm Ất-dậu (1885) là ngày thất thủ kinh thành v.v.. Những ngày này được coi vừa là quốc tang vừa là quốc si.

Và mỗi khi một chiến sĩ cách mạng của ta rơi vào tay Pháp bị Pháp hành quyết, đồng bào cũng không quên, tổ chức các ông Lê-văn-Phan tự Tân Anh, Nguyễn-sĩ-Sách tức Kim-Phong, Đặng-thái-Thuyên v.v... Đồng bào làm lễ truy điệu rất lâm ly, thông thiết.

(còn nữa)

Tình thương ngang trái

PHÙNG-LÊ-ÁNH

Lặng nghe em kể chuyện đời
Anh buồn, thăm trách rằng trời bất công !
Tài em, tháo-vát ngoài trong
Đáng chân đấm phụ, nếu lòng trời thương.
Trớ-trêu số mạng thiên-lường.
Bôn-ba tửu-điểm, máu vương giang-hồ !

Fishers' Club, (Phi-luật-Tân)

Phùng Lê Ánh



Bông hoa châu

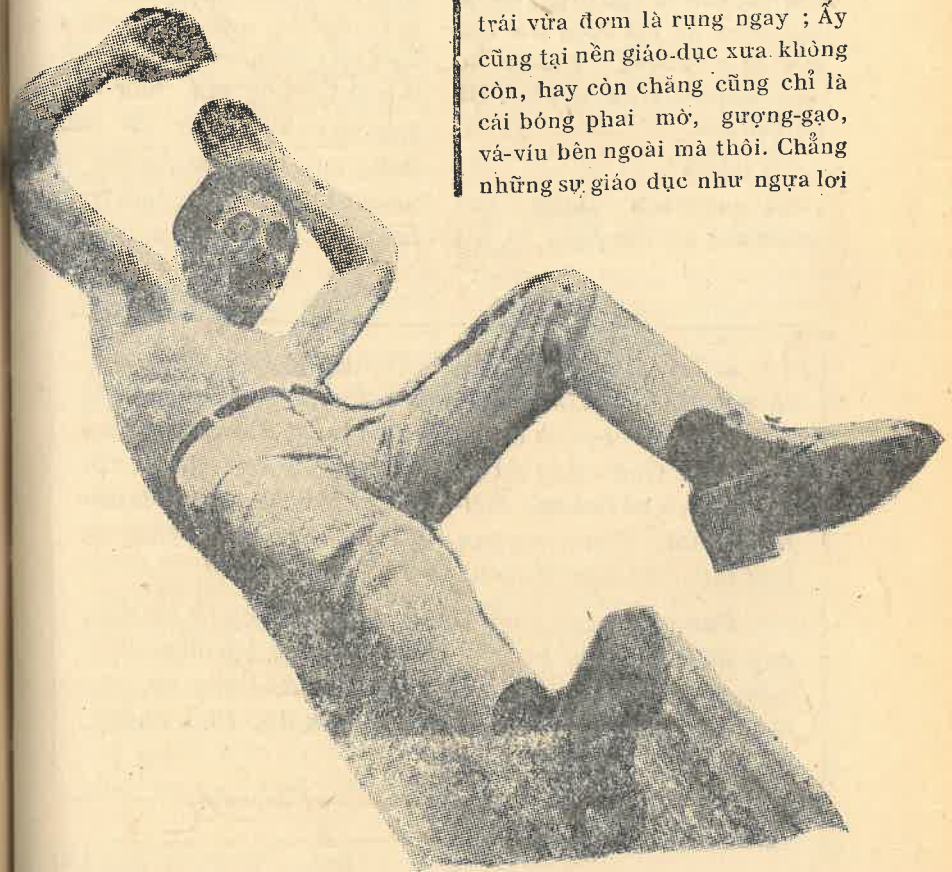
HỒNG-KHẮC KIM-MAI

Ở giữa không-trung có bóng ngân hà
Ở giữa không-trung có lớp chuỗi hoa
Có trắng mềm xanh như con bún lửa.
Có mưa phùn rơi bằng những giọt ca !
Và tôi buồn thiu trên sương vồng mây
Đu đưa ưu tư trên què hương gầy.

Hồng Khắc Kim Mai

Xuống
đi đi

* Tuần-Lý Huỳnh-Khắc-Dụng



TỪ HƠN MƯỜI NĂM NAY,
Hòn ngọc Viễn Đông tươi đẹp,
thiệt thà này lần lần biến thành
một kinh đô quyền rũ... chuyện
hư ! Những kẻ đầu hai thứ tóc,
qua khỏi giai đoạn được voi
đòi tiên, dăm ra suy nghĩ vờn
vơ, rồi buồn phiền, rồi trách
móc, chán chê. Cha mẹ thì than
không hiểu được con cái, thầy
giáo chỉ buồn lữ học trò mất
nết, hung hăng. Đời sống đạo-
đức ví như cây bị sùng ăn rễ,
trái vừa đơm là rụng ngay ; Ấy
cũng tại nền giáo-dục xưa không
còn, hay còn chăng cũng chỉ là
cái bóng phai mờ, gượng-gào,
vả-viu bên ngoài mà thôi. Chẳng
những sự giáo dục như ngựa lôi

cương, mà văn hóa nước nhà cũng đua nhau xuống dốc một cách kinh khủng... Ngay cơ ấy, người ngoan cố đến đâu, cũng không thể chối cãi. Khám đường đầy dẫy tội nơn, đủ giai cấp xã hội, từ đũa cùng đinh đến ông trưởng giả, từ ả tỳ thời đến bà mạng phụ. Con nít miệng còn hôi sữa đã biết trộm cướp, bán dâm. Xã hội đang trải qua một đoạn đường gặp-ghèn, nguy hiểm. Trật-tự lung lay, giá trị đảo lộn.

Lỗi tại ai ?

Vội quy trách nhiệm cho chánh phủ ư ? Cho hạng trí giả

ư ? Hãy khoan ! Ta chỉ nên ghi những điều nghe thấy. Kia, ngoài sạp báo, trong hàng sách, có mấy loại sách nghiêm chỉnh ? Tôi nói, sách chữ Việt. Thấy chan nhần những tiểu thuyết khiêu dâm, nhằm nhĩ hoang đường, chưa kể những loại phiếm dịch vô bổ. Trong rạp hát thì diễn tuồng kiếm hiệp, nhái lơ lợ tuồng Tàu, quán giải khát mọc như nấm, mỗi lá nãi dâm là một kỹ nghệ gần như công khai. Bấy nhiêu yếu tố suốt tháng suốt năm gieo vào đầu óc thanh thiếu-niên một tình trạng hỗn loạn, đàn áp lý trí, ru ngủ

L.T.S.— Ô. Huỳnh-Khắc-Dụng, bút hiệu Tuần-Lý, là một vị Quan Tòa tham niên ở Pháp-đình Saigon, đã nổi tiếng về tư-cách trang-nhã và tuyệt-đối thanh-liêm của ông. Ông cũng là một học-giả uyên-thâm, viết nhiều sách về lịch-sử Việt-Nam, về Pháp-luật và Chính-phụ-ngâm, Tân-cung-oán ra Pháp-văn. Ông cũng là một thi-sĩ tài-hoa chuyên về Thơ đường luật.

Bạn cố-tri của Phở-Thông tạp-chí ngay từ lúc đầu, ông đã viết nhiều bài rất có giá-trị. Đề kỷ-niệm P.T. năm thứ 10, ông Tuần-Lý Huỳnh-khắc-Dụng có câu chuyện sau đây đàm đạo cùng bạn đọc Phở-Thông.

N.V.

lương tri, khiến tuổi trẻ chưa đầy đôi tám đã âm ục muốn thoát ly gia đình để theo đợt sống mới, ngoài khuôn khổ, cho thỏa mãn nhục dục,

Trước lượn sóng đời phong sức mạnh vỡ bờ ấy, nhà làm luật, bực cha thầy phải thúc thủ mà rơi nước mắt !

Nghĩ cho kỹ, những cảnh tượng đau lòng, đều do chiến tranh tạo ra. Có chiến tranh, dân mới nghèo đói, mới bất mãn. Có chiến tranh, mới bạo động đời sống hằng ngày, tạo ra hạng giàu mới, nghèo mới, lòng người xao-xuyến, đổi thay, ai muốn sống phải lẩn chen rảo-riết, ăn lương chết đói, người công chức không kêu vào đầu được, phải nhận của hối lộ, hay bậm môi biền thủ công quỹ, đàn bà có một quan niệm mới về tiết trinh, đàn ông coi thường chữ tin, chữ nghĩa, chữ nhân. Người ta chỉ muốn sống sung sướng nhứt thời, bất chấp luật pháp, dư luận, cho rằng dư luận không nuôi no ấm, luật pháp khắc bạc như mẹ ghê không bằng,

Người tư tưởng cảm thương cho thế hệ hiện tại đang vươn mình theo gió mới. Thanh-niên

là mầm non và sanh lực của nước nhà mà bị thuyết sanh-tồn bả láp lỏi cuốn đến mù quáng, chẳng rõ đâu thực đâu hư, không phân hắc bạch, bước chập-chờn trong đêm tối, đến khi lập gia đình, biết gì mà dạy-đỗ con cái ? Xã hội là nền móng của quốc-gia, mà xã hội do nhiều cá nhân tạo thành ; cá nhân mục nát, phỏng đoán thể ra gì ?

Riêng tôi, chỉ thấy có một con đường giải thoát, đó là con đường đạo đức. Nhưng muốn đặt chơn lên đó, không phải là chuyện dễ, như bấm nút điện thì chuông reo. Nỗi thống khổ của nơn loại đều do một chữ Ái mà dệt thành. Tại ta thương những thứ không đáng thương, ta say những cái không đáng say, sở dĩ như thế là do trí ta vô minh, thấy giả mà ngỡ là thiệt, thấy khổ mà ngỡ là sướng. Lòng ta đầy mâu thuẫn, trí một đường mà tính một nẻo, vì vậy ta mới vì ta chớ không vì người. Nếu không duy kỷ mà chỉ vì-tha thì đã chẳng có việc tranh giành ảnh hưởng địa vị, lợi quyền.

Ái bảo tôi nguy hiểm thì hãy tự xét coi trong cách cư xử hằng ngày, mình có đem tình thương nơn loại chan vào hành vi của

minh hay không? Hẳn là không. Minh có thành thật với chính mình hay không? Vậy mà đi nhà thờ, xây chùa, cất miếu, nghe thuyết pháp, gõ mõ, tụng kinh làm chi cho mang tội với Phật Trời?

Chớ vội trách sao đời dơ bẩn, chớ vội trách ai, hãy tự trách mình. Mỗi người chúng ta tự xét lấy thì thấy ngay kẻ đáng trách là chính chúng ta, vì xã hội là phản ảnh của tâm trạng cá nhân. Hễ tâm hồn loạn thì xã hội cũng như ta, tất hỗn loạn. Ta có can đảm làm quan toà cho ta, dám nhìn nhận một hành vi bất thiện và tự nguyện không tái phạm, ta sẽ phê cho ta một điểm son, dùng lương tri còn trong sáng của ta mà soi mình, nếu thấy lòng ta hãy còn chút thiện, hãy bảm lấy nó cho kỳ được, như vun quén một

bụi hương, đừng để cho cần cỗi. Khó lắm, tôi biết vậy, nhưng mỗi người đều cần luyện ngay tánh đó, không sợ, không sĩ hồ, thì có ngày ánh sáng thiêng liêng sẽ trở về với ta, ánh sáng đó là chọn lý mà mọi người đều muốn tìm. Nó sẽ phá tan vô minh, thì cây thối khô không còn đất mà sống nữa.

Dân ta tuy yếu mà mạnh, nhờ thâm nhiễm nhiều cái hay của Khổng học về tư tưởng đạo đức, cho nên không dễ bị truyền những cái xấu xí của ngoại bang. Vì vậy tôi tin rằng tình trạng «xuống đốc» ngày nay chỉ như một thời, và cầu nguyện cùng đấng Thiêng liêng ban phước lành, cho giòng nước thiện trong mỗi cá nhân chỉ bị nghiền lồi chớ không đến đổi cạn nguồn.



Chuyện tâm tình

Một cô nọ nói với người tình :

— Cưng của em ơi ! Đã đến lúc chúng ta nên hợp thức hóa tình trạng chúng ta. Gia đình em nguyên tắc lắm...

— Gia đình anh cũng thế.

— Vậy càng quý, anh chỉ cần xin phép lấy em là được. Chắc gia đình thuận lắm chứ, sao cứ kéo dài mãi vậy ?

— Vì, em a ! gia đình anh chỉ gồm có vợ anh, một gái, một trai 5, 7 tuổi.



QUÂN VƯƠNG ÂN G VĨA HÈ

● *Truyện ngắn của PHAN-THI-THU-MAI*

Tôi gặp Quân-vương vĩa hè một buổi sáng. Hôm đó tôi đi học thật sớm, khi đạp xe chậm chậm qua đường Nguyễn-Huệ, tôi thấy một người đàn ông đứng nhìn trần trố một đứa bé nằm ngủ co quắp trước cửa một cái Bar, mặt người đàn ông cau lại, môi mím chặt. Hình ảnh đó ám ảnh tôi suốt buổi học, cả đêm tôi luôn luôn đặt dấu hỏi trong đầu.

Vì đâu mà có những đứa trẻ vô thừa nhận, không cha mẹ, họ hàng, sống lang-thang trên vĩa hè? Và tại sao người đàn ông đứng nhìn đứa bé đó với đôi mắt đau buồn, phần nò? Phải chăng ông ta đau lòng trước cảnh ấy? Tôi không trả lời được câu hỏi của tôi.

Sáng hôm sau tôi lại gặp người đàn ông đó ở góc đường

Tạ-thu-Thâu, ông làm lùi bước mau trên vỉa hè, tay dắt một đứa bé trai khoảng chín mười tuổi, quần áo rách rưới, mặt mày bần thiếu.

Sáng hôm sau nữa, tôi lại gặp ông. Hễ cứ hôm nào tôi đi học sớm là tôi gặp ông ta, dáng nét người đàn ông xa lạ đã trở nên quen thuộc với tôi, và hôm nào không gặp ông tự nhiên tôi cảm thấy buồn buồn. Sáng nay không hiểu vì sao tôi lại muốn đạp xe trên đường Hàm-Nghi, khi gần đến bến tàu thì chiếc xe yêu quý đang mang bỏ vào Bảo-tàng-viện của tôi nó đổ chùng, bỗng đứng nó cứng đờ, đạp nặng như một khối sắt. Vừa dựng chiếc xe nơi người sửa, tôi bất chợt nhìn thấy người đàn ông — « Ông kỳ lạ của vỉa-hè » — cái tên mà tôi đặt cho ông, ông đứng cách khoảng tôi có mấy bước. Tôi chợt cau mày khi thấy ông ầm trên tay một đứa bé sơ sanh đỏ hồng. Tôi đánh dấu hỏi thật lớn trong óc. Ông ta là hạng người gì, tại sao tôi cứ gặp ông mãi, mà mỗi lần gặp, hành động khó hiểu của ông thường làm tôi thao thức để suy tư và

tim hiểu. Có thể ông là trí thức, trung - lưu, hạ cấp, lưu-manh, đúng đắn ? Ông là một trong những hạng người đó nhưng tôi không có đủ kinh-nghiệm sống để nhận xét ông thuộc thành phần nào trong xã hội. Có lúc tôi gặp ông, y-phục thật sang trọng, có lúc thấy ông quần áo nghèo nàn lồi thòi. Thời đại này thật khó đoán biết giá trị con người qua bề ngoài.

Lần đầu tiên tôi nhìn kỹ ông ta, ông vào khoảng ba mươi tuổi, không đẹp nhưng có vẻ như bất cần đời, nụ cười nửa miệng khinh khỉnh, ánh mắt như đang giận dữ và cảm hận một điều gì.

Từ hôm đó, hình ảnh người đàn ông xa lạ in thật đậm vào tiềm thức của tôi, tôi luôn luôn đặt những câu hỏi về ông ta, tôi không hiểu và chẳng biết trả lời với mình là tại sao tôi tưởng nhớ một người đàn ông hoàn toàn không quen biết. Nhưng tuy chưa hiểu biết gì về ông ta, tôi vẫn không bao giờ nghĩ ông là hạng lưu-manh, đáng khinh, đáng sợ.



Tôi đạp xe thật chậm, tôi có cái thích là đạp xe đi trên

những khoảng đường có nhiều bóng cây, nhìn những cây cổ thụ cao ngất ngưỡng tôi thấy mình nhỏ bé làm sao, khí lạnh của buổi sáng sớm len vào người lạnh lạnh, gây cho tôi cái cảm giác dễ chịu và thoải-mái, lúc đó tôi sẽ bất chợt nhớ thật nhiều về quê hương mình. Tôi nhớ những buổi sáng mưa bay lất phất, những bạn tôi và tôi, những đứa bé nhỏ xúng xinh, xúng xinh trong chiếc áo to, nép vào nhau đi đến trường, từ nhà chúng tôi đến trường phải đi qua mấy đám ruộng, chúng tôi bước những bước rụt-rè trên bờ đê, mấy chị thợ cấy thấy chúng tôi thì ngừng tay ngừng lên trên : *Học trò ăn vận cá kho, thầy giáo bắt được đánh mò lên đàu* ». Ô, quê hương tôi đẹp quá, tôi không bao giờ quên được mảnh đất nghèo nơi đây, nhưng bây giờ quê hương tôi không còn gì, ngoài những mái nhà cháy nám, những mảnh đất bị bom đạn cày loang lổ, những mái lá xác xơ, những đứa bé không cha, thiếu mẹ, những nàng con gái chưa tròn tuổi xuân đã thành góa phụ. Máu và nước mắt đã chảy nhiều trong lòng đất mẹ.

Nhiều lúc tôi mơ, tôi là một nàng tiên có nhiều phép thần thông như trong chuyện cổ tích, tôi sẽ vẫy tay cho súng đạn tan thành nước, những thứ gây ra chiến tranh không còn trên quả đất thì loài người làm sao đánh nhau ? Tôi sẽ đập đổ hết những bất công trong - xã hội mà loài người tự tạo ra để làm khổ loài người, sẽ không có giai cấp giàu nghèo, mạnh yếu, mọi người đều sống trong tự do và thương yêu nhau, không có những đứa bé vút ngoài đường, người đau không tiền uống thuốc, đói chẳng có cơm ăn, và những đứa trẻ chưa đầy mười tuổi đã đi làm ma-cô, cướp giựt. Tất cả mọi người đều tự do, tự do như những con chim ca hát trong bầu trời xanh. Có lần tôi nói cho anh Hùng tôi nghe niềm mơ ước đó của tôi, Hùng cười ngật nghèo :

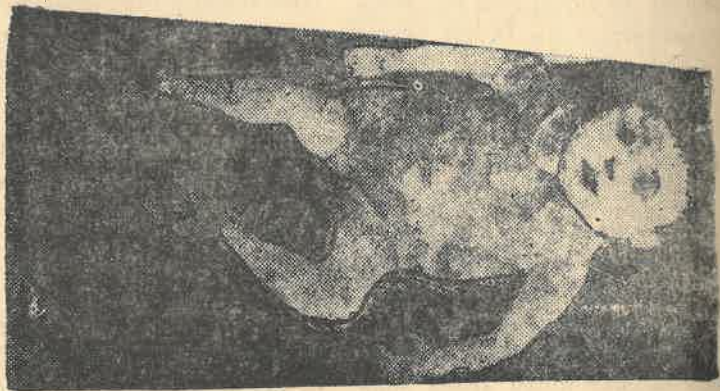
— Ôi giờ ơi ! Em tôi lúc này lại triết lý vụn nữa ta, thôi nha cô, cái thân một thước một của cô sức mấy mà đòi làm « cách mệnh » « cách mồm »

— Cô.. Cô... oi..

Tôi ngừng xe ngo-ngác tìm xem ai gọi mình, suýt chút nữa tôi đã kêu lên, người gọi tôi là « ông kỳ lạ của vĩa hè » . Trong lúc trí tưởng tượng của tôi đang phiêu lưu trong nắng sớm, tôi không khỏi thảng thốt và ngạc - nhiên khi gặp ông ta một cách bất ngờ. Tôi chợt cau mày khi thấy trên tay ông lại có một đứa trẻ sơ sinh khóc oe.. oe.. oe... Tôi hỏi ông, giọng run run. (Không hiểu vì sao tôi lại run sợ khi đứng trước mặt ông ta?) :

— Ông gọi tôi có việc gì ạ?

— Ở đây đường vắng quá, tôi chờ xe mãi nhưng không có, cô có thể giúp tôi được chứ? Đứa bé này e khó sống nếu đem đến bệnh viện trẻ.



Tôi hỏi mau :

— Tôi sẵn sàng, nhưng làm sao hả ông? Tôi không biết gì hết.

Người đàn ông nhìn tôi :

— Nếu cô không quãn-ngại, cô ẵm giúp tôi đứa bé, tôi đạp xe chở cô và đứa bé, bằng chiếc xe của cô, đến bệnh viện, Được không cô?

Tôi gật đầu không do dự :

— Vâng!



Đứa bé đã được cứu sống. Tôi không biết nó là con ai, và không thân thuộc gì với tôi nhưng tôi tiếp nhận tin đó bằng tất cả lòng chân thành và vui mừng. Người đàn ông lạ và tôi đồng,

kêu lên sung - sướng, vui mừng :

— A! ...

Tiếng « A » trực nhiên trút bỏ tất cả những lo âu của chúng tôi, bây giờ tôi mới lên tiếng hỏi người đàn ông :

— Thưa ông! Đứa bé là con ông?

Người đàn ông gật đầu :

— Ban nãy nó không phải là con tôi, nhưng bây giờ nó là con tôi.

Tôi ngờ ngác nhìn ông ta :

— Tôi không hiểu ông muốn nói gì?

— Cô không nên tìm hiểu làm gì cô ạ! Tôi xin chân thành cảm ơn cô đã không quãn ngại, bỏ nhiều thì giờ quý báu để cứu sống con tôi, nếu không có cô chắc là con tôi nó đã chết.

— Ông quá lời, tôi có làm gì được đâu.

— Cô khiêm - nhượng quá, khiêm nhượng là cái tính tốt của người con gái đấy cô ạ!!!

Tôi không tránh được khỏi thói thường của loài người là tò mò. Tôi hỏi :

— Thế mẹ đứa bé đâu, hở ông?

Đôi mắt người đàn ông long lên, tôi gần như chết khiếp vì đôi mắt đó, ông cười gằn bảo :

— Hừ! .. Mẹ.. cha.. Mẹ cha nó là ai? Là những bọn khốn nạn, vô trách nhiệm, tàn nhẫn, không có tâm hồn, vô liêm - sỉ, chỉ biết sống cho lạc thú, sa đọa, là bọn người thừa của, thừa tiền, thừa đạo đức mồm, thừa tác phong trưởng giả chó chết.

Tôi như bị thôi-miên bởi lời nói, ánh mắt của người đàn ông. Nét mặt như sắp nổi loạn của ông làm tôi sợ điếng hồn, không phải sự sợ hãi vì gặp một tên cướp, hay một người vũ-phu dữ tợn sắp đánh mình, nỗi sợ hãi của tôi vẫn chưa đựng nhiều mền phục, dù tôi chưa biết ông là ai, thuộc hạng người gì trong xã hội, như người đời thường câu nệ chuyện đó,

— Tôi bất lịch sự quá, thành thật xin lỗi cô, cô có cho tôi là du-côn không hả cô?

— Dạ... Không ạ... ông... hơi dữ...

Tôi bật cười, người đàn ông cũng cười vì câu nói ngớ ngẩn đó của tôi, nụ cười đưa

chúng tôi đến biên giới thân mật hơn, tôi hỏi ông :

— Tại sao ông lại bảo cha mẹ của đứa bé là khốn nạn ?

— Vì tôi là một người khốn nạn.

Tôi lắc đầu :

— Tôi biết chắc ông không phải là cha của đứa bé, tôi quả quyết như vậy.

Người đàn ông cười :

— Tôi biết tại sao cô bảo tôi không phải là cha đứa bé rồi,

— Tại sao hở ông ?

— Vì có người nào lại tự chỉ bới mình và kết án mình bao giờ ?

— Không phải như vậy đâu ông.

— Chứ tại sao cô biết ?

— Tôi không hiểu, nhưng tôi tin chắc như vậy.

Một người thanh niên đi ngang qua chỗ chúng tôi ngồi, thấy người đàn ông, hẳn reo lên :

— A. Quốc Vương, ngọc thể bình an chứ ?

Người đàn ông cười :

— Cảm ơn, vẫn khỏe sở như

thường lệ, chú mày đi đâu đây ? Sao, các thần dân của ta vẫn mạnh chứ ?

— Nhờ giới, tất cả đều phây phây, cóc có chết ma nào, à này Quốc-vương, vợ thằng Đế-nhủi-Hoàng nói kỳ này là đến phiên nó đó Quốc-Vương.

Người đàn ông gật đầu :

— Đã có cho Thiểm ấy đây, nó đang nằm trong phòng kia, vài hôm nữa tôi sẽ đem đến, chú mày đi đâu trong này ?

— Em đem thằng Bình đi chích thuốc, nó bị ho.

— Chú mày dẫn lại đây cho tôi thăm chút xíu.

Người thanh niên chạy vụt đi, lát sau hẳn dẫn lại một đứa bé khoảng năm sáu tuổi, kháu khỉnh dễ thương.

— Thưa Ba !

— Thưa cô nữa con !

— Thưa cô !

Nói chuyện một lúc, chú Ba, (tôi nghe người đàn ông gọi gã là chú Ba), dẫn thằng bé đi, tôi lên tiếng hỏi người đàn ông :

— Ông tên là Quốc - Vương ?

— Không, tôi tên Lượm, Hờ văn Lượm !

— Sao ban nãy cậu kia gọi

ông là Quốc vương ? Nghe cậu ta gọi tên ông, tôi cứ tưởng ông là một vị vua !

— Vâng ! Tôi là vua không ngại, vua vĩa hê.

— Vua vĩa hê ? Tôi không hiểu gì cả.

Ánh mắt Lượm như lảng động lại. Giọng anh buồn, uất hận :

— Cô biết không ? Tôi là một đứa bé không cha, không mẹ, « cha mẹ » tôi tạo tôi ra rồi đem vứt ở lề đường. Một người đàn ông sống ở vĩa hê, có dĩ vãng như tôi, đã nhặt tôi và đem về nuôi nấng, ông thương tôi như con ruột của ông, bây giờ, dù biết ông không phải là cha ruột của tôi, tôi vẫn kính mến ông. Từ ngày chào đời đến giờ, ông là hình ảnh thương yêu duy nhất trong tâm hồn tôi. Cha tôi là trùm hê phố, lớn lên ông vẫn cho tôi ăn học, ông thường nói với tôi :

— Cuộc đời đã tạo nên mình, bây giờ mình phải đảo ngược lại con ạ, mình phải tạo cuộc đời chứ đừng để cuộc đời tạo lại mình.

Một lần tôi hỏi cha tôi, mẹ tôi chôn ở đâu, cha tôi nói với tôi

là mẹ tôi đã chết, và ý nghĩa tên Lượm mà ông đặt cho tôi. Ông bảo :

— Lượm, là vì cha lượm được con ở hê phố nên cha đặt cho con tên Lượm vĩa hê, còn mẹ con, cha cóc biết bà ở đâu, cha có gặp bà bao giờ đâu ?

Lời tiết lộ về thân thế của tôi do « ba » tôi nói làm tôi tủi hổ và uất ức, tôi bỏ học luôn và gia nhập vào dân vĩa hê. Cha tôi không ngăn cấm gì tôi. Ngày ông bị chết vì một trận ẩu đả, tôi trở thành trùm hê phố, do đó bọn nó thường gọi đùa tôi là Quốc Vương.

— Sao thằng bé lúc nãy nó gọi ông là Ba ?

— Nó cũng là con của vĩa hê đấy, cô ạ. Tôi lượm được nó ở một gốc cây như mấy mươi năm về trước « cha » tôi đã lượm được tôi... Con tôi bây giờ nhiều lắm cô ơi !

Tôi nhìn người đàn ông trần trời, nhìn không chớp mắt. Ông nói tiếp :

— Cô biết không ? Loại người họ tàn nhẫn lắm, ban nãy tôi đi bách bộ ở khúc đường mà tôi đã gặp cô. Một chiếc xe huê-ky

lặng lấy đồ cách tôi mấy thước, một gã đàn ông ôm một gói bỏ dưới gốc cây rồi cho xe chạy mất, lúc tôi đến gần thì nghe tiếng trẻ sơ sinh khóc oe... Còn thằng bé gọi tôi bằng Ba ban nãy đó chính là con của một chính khách tầm tiếng đấy cô. Tôi chứng kiến tận mắt, hẳn đem đứa bé vứt đi, đứa con đó là kết quả mối tình vụn trộm giữa hần với con sen nhà hần.

— Làm thế nào ông biết được chuyện đó ?

— Thì chính cô sen ấy nói với tôi. Không hiểu vì sao cô ấy biết tôi nuôi con cô ta, mà cô ta đến khóc lóc xin đứa bé lại, và cô nói cho tôi nghe chuyện đó.

— Ông không cho lại thằng bé cho cô ta sao ?

— Có chứ cô, ai lại tàn nhẫn như vậy, vả lại tôi cũng mơ ước những đứa trẻ bị bỏ rơi sau này nó sẽ tìm được cha mẹ nó không gì đau xót cho bằng khi lớn lên mình biết mình là đứa con vô thừa nhận, không có tình thương của cha mẹ.

— Thế sao bây giờ thằng bé đó vẫn ở với ông ?

Lượm cười chua chát :

— Như thế mới đáng chán chứ. Cô ta đem thằng bé về nuôi đầu được mấy tháng, cô ta lại bỏ thằng bé đi lấy chồng, rồi cuộc thằng bé nó vẫn là con của tôi. Mẹ bỏ, cha cũng chẳng nhìn. Cứ lo hô hào làm việc đạo đức.

Cuộc đời này quả thật là buồn cười, phải không cô, người ta cứ múa may quay cuồng như nhặng, hần ta như vậy mà hần ta vẫn đủ can - đảm khua môi múa mép, yêu nước, thương dân chống bất công, đòi truy - sa-đọa, lập cô nhi viện, nhà thương, bình đẳng giai cấp v.v... Bọn họ làm hề còn hơn cả những anh hề trên sân khấu nữa cô ơi ! Mà thời thế này có đến bao nhiêu anh hề như hần ta, có chán vạn anh chứ không phải chỉ một mình hần ta đâu.

— Ông có vẻ bi quan thái-quá, ông kết án họ quá nặng, chứ lẽ nào họ đến nội như vậy sao ?

Không phải tôi quá bi quan và kết án họ một cách hồ đồ đâu, cô chưa nhìn thấy những sự thật khốn nạn như vậy nên cô cho là tôi kết án họ quá nặng, chứ nếu cô đã thấy thì

cô cũng sẽ nghĩ như tôi. Cô chưa sống những ngày thiếu tình thương gia đình như chúng tôi nên cô đâu hiểu hết những tủi khổ, đớn đau và cam hận những người sinh chúng tôi ra rồi nhẫn tâm đem vứt đi. Cô chưa từng sống những phút giây khổ sở và nhục - nhã của bọn tôi, những tháng con không cha, không mẹ, sống lang thang xó chợ đầu đường, bị mọi người xem như một con chó ghê. Thấy chúng tôi họ đi tránh qua một bên và nhổ nước bọt, đi mau. Chúng tôi đến van xin họ cho một việc làm gì để chúng tôi sống thì họ xua như xua một con vật ghê tởm. Cũng quá chúng tôi phải làm xằng, cướp giật, trộm cắp và làm bất cứ việc gì miễn đem lại cho mình sự no an, không còn những bữa đứng chầu chực trước cửa tiệm ăn, chờ họ ăn xong ngửa tay xin tó canh cặn, đĩa cơm thừa. Nếu như cô ở trong trường hợp như chúng tôi, cô sẽ nghĩ gì ? Suốt cả cuộc đời tôi, tôi không bao giờ quên được những việc người ta đối xử với bọn tôi như với một loài chó hoang, đáng sợ, đáng tởm. Có ạ !

Tôi nhìn sâu vào mắt Lượm :

— Cuộc đời là thế đấy ông ạ. Không riêng gì ông, phải nhận chịu những cảnh khổ như vậy đâu, cả tôi và bao nhiêu người khác nữa. Nhưng kiếp nhân sinh là vậy, mình biết làm sao hơn được hả ông ? Mình phải phấn đấu, tự tạo cho mình một lý tưởng để làm điểm tựa phải đi tới, chứ cứ mang trong người sự oán hận, bất mãn mãi thì mình chẳng làm được việc gì. Con người không có lý tưởng thì lấy gì làm điểm tựa để sống ?

Lượm nhìn tôi, gật đầu :

— Cô nói đúng, sinh ra ở đời ai cũng có lý tưởng cả, người có lý tưởng làm giàu, người có lý tưởng ngồi trên đầu, trên cổ thiên hạ, háo danh, háo của, ai có xương sống bằng cao su, va cạp giò chạy mau, chui giỏi, thì thắng các địch thủ khác chứ gì hả cô ?

— Vàng ! còn lý tưởng của ông ?

— Tôi à, tôi cũng như họ, tôi cũng chạy đua, nhưng không phải chạy đua đi tìm danh lợi, uy quyền mà tôi chạy đua đi tìm những đứa bé bị vứt bỏ ở vỉa hè để xây dựng nên một « quốc gia Vĩa Hề ».

Lượm nhìn tôi :

— Còn lý tưởng của cô ?

— Tôi à ? Tôi cũng đồng chung lý tưởng như ông !

Đôi mắt Lượm chớp chớp, cảm động :

— Cô nói thật hả cô? Cô đừng an ủi tôi nha cô.

— Sao ông lại nghĩ rằng tôi an ủi ông, tôi đã chán ngấy cái xã hội đầy dẫy bất công, giả dối này rồi, tôi thích sống cuộc sống chân thật, không sơn phết, che đậy đạo đức bằng mồm, nhân ái bằng bạo lực, tôi muốn hòa mình vào cuộc sống của những người yếu bị áp bức, khinh miệt, ruồng bỏ, để cảm thông với họ, an ủi họ, và giúp đỡ họ vùng lên chống lại những bất công mà xã hội, loài người, đã dành cho họ.

Lượm chắp hai tay trước ngực, giọng Lượm run run, xúc cảm :

— Lần thứ nhất trong đời, tôi tin trên đời này có Thượng-đế, Thượng-đế đã ghi đến tôi và ban cho tôi một người bạn đồng lý tưởng. Suốt ba mươi năm trời, lần đầu tiên một người khác giai cấp nói với chúng tôi một lời êm dịu, không khinh miệt, ghê sợ. Ôi ! Sung sướng cho chúng tôi biết bao nhiêu, hân hạnh cho chúng tôi quá nhiều.

Tôi đỏ mặt trước lời nói chân thành đầy cảm động của Lượm :

— Ông quá lời, tôi có hơn gì ông đâu mà ông lại ca tụng và đề cao tôi quá vậy ? Tôi cũng thuộc giai cấp mà mọi người khinh thường đấy chứ.

— Khác chứ cô, cô có học, có tinh thương gia đình, xã hội coi trọng, chứ cô nào phải dân vỉa hè, bơ vơ, dốt nát như chúng tôi.

— Ông lại tự hạ mình rồi, ông chẳng bảo là ngày trước ông cũng có đi học và sống đời học sinh là gì? À mà tại sao ông biết tôi còn đi học ?

Lượm không nhìn tôi, ông cúi mặt nói nhỏ :

— Mỗi buổi tan học, tôi đều thấy cô về.

— Thế ông cũng biết tôi, như tôi biết ông sao ?

Lượm mở lớn mắt nhìn tôi run run hỏi :

— Cô đã gặp tôi và biết tôi thật à ?

Tôi cúi mặt tránh tia nhìn của Lượm, đáp nhỏ :

— Vâng !

— Liên !

Tôi thẳng thốt nhìn Lượm, tự nhiên sao Lượm biết tên tôi,

nãy giờ tôi chưa hề nói tên mình cho Lượm biết kia mà.

— Sao ông lại biết tên tôi ?

Lượm nhìn tôi cười, nói khẽ :

— Tôi biết tên... Liên từ ba năm nay, một bữa, tôi thấy Liên đi cùng với mấy cô bạn, đang đi, Liên đứng lại móc trong cặp ra mấy đồng bạc cho bà lão ăn mày, mấy cô bạn của Liên nói :

— Trần-bạch-Liên nhân đạo quá ta, đũa nào nhân đạo thì đũa đó không có gạo nấu.

Cái tên Trần-bạch-Liên in đậm trong tiềm thức tôi từ hôm đó cho đến bây giờ. Liên có giận không Liên ?..

Tự nhiên tôi bật khóc, tôi không hiểu tại sao mình lại khóc? Lượm trao chiếc khăn tay cho tôi và lau nước mắt, chàng nói :

— Đừng khóc nữa Liên ! Tại sao Liên khóc ?

— Tại.., vì.. Tôi chẳng biết tại vì sao. Lượm nhìn sâu vào mắt

tôi, giọng Lượm êm như một lời hát :

— Tôi sẽ « Tấn phong » Liên làm « Hoàng hậu Vĩa hè ». Liên bằng lòng không ?

Tôi dạ ngoan, không do dự :

— Dạ !

Lượm cười sung sướng, anh nói :

— « Hoàng hậu vỉa hè » không có ngại, không có mả nha em, cũng chẳng có tiền để em gửi nhà bằng Thụy sĩ và hột xoàn đeo đầy người đâu em nhé! « Hoàng hậu Vĩa hè » phải vất vả, tìm miếng sống cho mình và hàng trăm « Hoàng tử » « Công chúa » nữa nha em !

Tôi cười gật đầu :

— Vâng ! Em, bằng lòng tất cả

— « Vạn Tuế, Hoàng Hậu vỉa hè ».

Lượm nhìn tôi cười, chúng tôi đồng cười. Nụ cười bị tắt ngang vì tiếng khóc của thằng bé vỉa hè vừa được chúng tôi cứu sống.

Minh ơi,

TẠI SAO

Mỹ

CHỐNG MỸ
TRẮNG

?



đen

Diễn Huyên

MÌNH OI !

BÀ Tú với ông Tú đi trên đường Phạm-ngũ-Lão, ngang qua một bin-đin Mỹ, thấy rất đông người Mỹ da trắng và da đen đứng chơi sau mấy bức tường bao cát. Bà Tú hỏi ông Tú :

— Minh ơi, Mỹ trắng và Mỹ đen ở đây coi bộ thân thiện nhau lắm, sao ở bên xứ họ Mỹ da đen thường biểu tình bạo động chống Mỹ da trắng dữ dội thế hả Minh ?

— Cũng tùy theo địa phương. Ở bên xứ họ, Mỹ da đen chống Mỹ da trắng hầu hết là ở các tiểu bang miền Nam, và ở đấy dân số họ đông hơn.

— Nước Mỹ như thế nào mà nhân dân của họ lại có những người da đen và những người da trắng, mình nhỉ ? Ở Việt-Nam mình làm gì có Việt da đen, hay ở Nhật, Tàu, Pháp, Anh, Đức Nga chẳng hạn, em không bao giờ nghe nói dân các xứ đó có hai màu da phân biệt như vậy. Trừ các dân tộc Phi-Châu là giống da đen, không kể, chứ nước Mỹ dân bản xứ là da đỏ và dân Âu Châu di cư qua lập nghiệp là thuộc các giống da

trắng, sao lại có giống người Mỹ da đen nào nữa ?

— Nguyên do từ lúc lập quốc hồi đầu Thế kỷ XIX, về phương diện địa dư và kinh tế nước Mỹ gồm hai miền Nam Bắc khác nhau. Miền Bắc thịnh vượng nhờ có kỹ nghệ, miền Nam giàu có nhờ các đồn điền bông gòn. Từ khi người Mỹ khai thác trồng trọt ở vùng Nam (rộng gần bằng cả Âu Châu) họ đến Phi-Châu mộ dân da đen nghèo khổ và còn đã man qua Mỹ để làm cu-li đồn điền. Bọn triệu phú Mỹ coi tụi này là « mọi da đen » và không cho họ một quyền lợi nào cả. Mặc dầu vậy, dân da đen Phi Châu di cư đến các tỉnh miền Nam Huê-kỳ mỗi ngày mỗi đông để có công việc làm và có tiền xài, thay vì ở quê hương họ sống cuộc đời man rợ khốn đốn trong rừng rú Congo hoặc ở sa mạc khô khan của Bắc Phi. Vào khoảng năm 1860, dân số « mọi da đen » ở Huê-Kỳ đã lên đến 5 TRIỆU NGƯỜI, hầu hết cư ngụ miền Nam.

Lúc bấy giờ Huê Kỳ đã là một Đại quốc gia giàu mạnh, thành lập trên căn bản tự do, bình



đảng, dân chủ, theo nguyên tắc cuộc cách mạng Pháp 1789. Cho nên có nhiều tiểu bang ở miền Bắc chủ trương giải phóng người da đen, ban bố cho họ nhiều quyền lợi căn bản như người da trắng. Nhưng các tiểu bang miền Nam đã phản đối kịch liệt, một phần vì óc kỹ thị chủng tộc của bọn tư bản, một phần vì họ cần duy trì chế độ « mọi da đen » để làm nô lệ cho họ trong các đồn điền bông gòn lúc bấy giờ đang phát đạt mạnh nhất ở khắp các lĩnh miền Nam.

— Cũng như các đồn điền cao su ở miền Nam ta phải không Minh ?

— Ủ, đại khái thế. Nhưng cụ li làm công ở các tiểu bang miền Nam Huê Kỳ đều là « nô lệ da đen » quê quán ở Phi-Châu. Theo luật pháp Huê Kỳ, thì dù

là người khác giống, khác màu da, như bọn « mọi da đen » chẳng hạn, cư trú lâu năm ở Mỹ tôn trọng luật pháp Mỹ, đều có quyền trở thành công dân Mỹ. Nhưng, trên giấy tờ, Hiến pháp, thì nói thế, mà trên thực tế thì toàn thể người da trắng ở các tiểu bang miền Nam không chịu áp dụng nguyên tắc dân chủ đó. Năm 1860, ông LINCOLN được bầu cử Tổng Thống Mỹ. Ông là người đảng Cộng-Hoà, CHỦ-TRƯỞNG GIẢI PHÓNG NGƯỜI DA ĐEN. Tức thì 11 Tiểu bang miền Nam nổi dậy phản đối kịch liệt, và tuyên bố phân ly (Secession), thành lập riêng một quốc gia gọi là Cộng hoà Liên-Hiệp (Confederation of States). Họ không nhìn nhận Tổng-Thống đắc cử Abraham Lincoln, và bầu cử riêng Tổng-thống của họ là JEFFERSON DA

MÌNH OI !

VID. Ông này là một lãnh tụ hăng hái nhất của phe phân ly, và chống đối quyết liệt nhất Luật giải phóng người da đen. Ngày 12-4-1861, nước Cộng-hòa Phân-Ly tuyên chiến với Liên-bang Hoa-Kỳ và bắt đầu tấn công pháo đài Sumter. Thế là cuộc Nam-Bắc phân tranh của Mỹ mở màn từ đây, vô cùng quyết liệt. Trong sử gọi là Secession War.

— Cũng giống cuộc Trịnh-Nguyễn phân tranh của Việt-Nam mình, há mình !

— Đại khái thế. Nhưng khác một điều là nguyên nhân chiến tranh Nam-Bắc của Mỹ là người da đen, mà miền Bắc là chính-phủ Liêng-bang hợp pháp, quyết định giải phóng, hoặc ít nhất cũng ban hành cho họ những quyền công dân ngang hàng với người da trắng, còn miền Nam lại chủ trương kỹ thị chủng tộc, không cho phép người « mọi da đen » được hưởng một quyền lợi công dân nào của người da trắng cả.

— Chiến tranh đó có lâu không, Minh ?

— Bốn năm—(12-4-1861-4-1865)

— Bên nào thắng ?

— Miền Bắc. Vì miền Bắc có 22 triệu dân, và giàu có gấp ba miền Nam. Miền Nam chỉ có 5 triệu dân da trắng, và gần 5 triệu dân da đen. Miền Nam có ba tiểu bang ngoan cố nhất, là Alabama, Mississipi, và Louisiane. Ba xứ Georgie, Floride, Arkansas cũng tham gia hàng hái. Hai tiểu bang miền Bắc, Kentucky và Missouri, lại cũng muốn hòa theo miền Nam. Dĩ nhiên, chỉ có người da trắng đánh lẫn nhau, đây là một cuộc nội chiến giữa người Mỹ da trắng ở hai miền Nam Bắc. Dân « Da đen » thì, những người ở miền Bắc được hưởng tự do, giải phóng, và được đời sống khá quan, còn ở miền Nam thì cuộc chiến tranh Nam Bắc là một cơ hội để người da trắng miền Nam đàn áp, khủng bố, hành hạ, và tàn sát họ một cách ghê gớm.

Nên lưu ý đến điểm này, người Pháp, đứng bên Tây Âu dòm qua tình hình nội chiến của Mỹ, bề ngoài thì họ tuyên bố tán thành miền Bắc chiến đấu để bảo vệ lý tưởng tự do, dân chủ, nhưng bên trong họ vẫn ngòm ngăm ủng hộ miền Nam và mong miền Nam thắng để họ tự do phát triển mạnh mẽ

chủ nghĩa để quốc thực dân của chính họ Họ đã bán lén khí giới cho miền Nam và sẵn sàng chờ miền Nam chiếm được Bal timore thì họ sẽ công khai nhìn nhận miền Nam độc lập. Họ cũng muốn lợi dụng cuộc chiến tranh Nam Bắc của Mỹ để chia rẽ nước Mỹ cho Mỹ yếu bớt, không hùng cường được. Pháp ganh ghét Mỹ và sợ Mỹ mỗi ngày mỗi dư sức quật cường, sẽ lấn át họ. Đồng thời Pháp muốn miền Nam độc lập, riêng, để Pháp chiếm độc quyền thị trường bông gòn mà miền Nam là xứ sản xuất vào hàng thứ nhất trên thế giới. Lúc bấy giờ chính Pháp cũng đang tình chuyện đánh chiếm Nam Kỳ và xâm lăng cả lãnh thổ Việt Nam.

—Thì ra bọn thực dân đế quốc như loại thực dân Pháp chỉ chờ nước đục thả câu. Chúng chẳng có « tự do, bình đẳng, bác ái » cái cóc khô gì cả, Minh nhỉ.

— Dĩ nhiên. Nhưng rồi, ngày 1-1-1863, Lincoln tuyên bố « toàn thể dân nô lệ da đen ở các tiểu bang phiến loạn sẽ được tự do, vĩnh viễn, và chính phủ liên bang sẽ nhìn nhận những quyền tự do của họ ».

Năm 1864 Lincoln được tái cử Tổng thống Liên Bang. Tháng 8-1865, thủ đô RICHMOND của miền Nam thất thủ, quân đội của đại tướng miền Nam Robert Lee đại bại. Chính phủ miền Nam chạy trốn mất hết, tại thành phố chỉ còn lại toàn dân da đen mà thôi.

Ngày 3-4-1865, Tổng Thống Lincoln đến Richmond, ngày 9-4 Đại tướng miền Nam là ROBERT LEE và Đại tướng miền Bắc ULYS SE GRANT ký hiệp ước đình chiến. Miền Nam nhìn nhận thống nhất lãnh thổ Mỹ và giải phóng dân da đen, theo chánh sách của Tổng-thống Lincoln. Chánh sách đó đã được chấp nhận vĩnh-viễn trong Hiến-Pháp Huê-Kỳ, và được áp dụng cho đến ngày nay. Nhưng, ngày 14-4-1865 hai ông bà Lincoln đi xem xem hát tại Ford's Theatre thì một tên kép hát cuồng nhiệt kỳ thị chủng tộc của miền Nam, tên là JOHN WILKES BOOTH đã ám sát ông Tổng-Thống bằng một viên đạn.

—Ồ !... Rồi ông có chết không, Minh ?

— Chết,

— Tội nghiệp ông quá !

Câu chuyện đến đây thì bà Tú thấy một xe bò viên đậu trên lề đường :

— Minh ơi, đi bộ từ Saigon về đây mệt quá, tội mình ăn bò viên cho khỏe, Minh nhé.

Ông Tú đưa bà Tú đến đây kéo ghế sắt cho bà ngồi. Bà gọi hai chén.

Người ăn hàng khá đông, bà Tú khẽ hỏi :

— Minh ơi, thế sao bây giờ người Mỹ da đen vẫn tiếp tục tranh đấu, xuống đường đả đảo và uyển nhau với cảnh sát làm sôi nổi dữ vậy ?

Ông Tú kẻ sát bà, bảo thăm :

— Có người ta đông quá, để hôm khác anh sẽ nói tiếp.

— Kỳ sau Minh nói tiếp, nhé ?

Ông Tú gật đầu trong lúc thiem xam bụng hai chén bò viên đặt trước mặt ông Tú bà Tú. Hơi bay lên thơm ngát, bò viên ở đây ngon kinh khủng !

— Nước lèo ngọt ơi là ngọt, Minh há !

THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231, Phạm Ngũ - Lão - SAI ON

Điện-thoại : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP VẬT DỤNG VĂN PHÒNG
CÓ XƯƠNG MÁY CUNG CẤP PHỤ HIỆU, CỜ HIỆU ĐOÀN,
NHÂN CỜ ÁO (ÉLIQUETTES) MÀU ĐẸP, BỀN, KHÔNG PHAI

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện

Saigon số 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

Một thi hào da đen mới chết

LANGSTON HUGHES



★ N.V.

Trong lúc Thi văn của nhiều nước da trắng đang xuống dốc một cách vô cùng thiu não, vì đời sống vật chất và tinh thần của họ bị chi phối bởi nhiều yếu tố suy đồi mục nát trong lúc một Sandburst đã hết thở, hay một Henry Miller đã loạn óc của Mỹ, một Saint John Perse ngằn ngơ của Pháp, một J. Coctean chỉ còn cái danh Hàn lâm bệnh hoạn, và một Leonov hay một Tchekholiev của Nga xô dật dờ như mơ trôi trên bờ hồ băng tuyết, thì những bóng đen từ Harlem xuất hiện với một cây kèn trompette trời lên những giọng thơ nã nuột, một giọng Blues rạo rức mê ly, mở một vòm trời mới của Thi ca nhân loại.

MỘT THI HÀO

LANGSTON HUGHES anh chàng da đen có cả ba bốn giọng máu, do thái, ấn độ, phi châu, luôn luôn với một nụ cười bất cần đời, đã trao cho chúng ta, thế hệ những người chết đã sống lại của một thế giới mới đã quá cũ, một chất men quý báu để nổi dậy một hy vọng tung bùng.

Bạn hãy đọc « *Fine clothes for the jew* », bạn hãy đọc « *Jazz onia* », bạn hãy đọc « *The weary Blues* » của nhà thơ da đen ấy mà hồn thơ trong suốt như thủy tinh của các Thần - trọng Cổ, bạn sẽ cảm thấy thơ không còn màu da, thơ không còn màu thời gian, thơ không còn màu mực tanh hôi của những bàn tay dấy máu, vấy hơi tiền. Kỷ nguyên Maharaja và Khalife đã chết dưới bụi mưa làn tinh chính trong những lâu đài rạn nứt. Langston Hughes đã sống đau khổ, như những triệu người đồng loại của chàng, và thơ chàng cũng sống mãi lên với những đau khổ ấy. Từ thuở bé nhờ bà nội nuôi nấng, « bà quả phụ cuối cùng » của nhữ g bạn đồng hành của John Brown, vị gnh hùng của thần sử da đen. chàng đã lướt qua các đợt sóng thần của thời đại. Mười bảy tuổi học Trung học Claveland, đi lính đóng lon thiếu úy trừ bị, rồi đi làm bồi trong một khách sạn lớn ở Washington, chàng là cái bóng đen đi sát bên cạnh những bóng trắng, những Koestles, Robeson, Carl van Vechten, cả Hemingway, mà không ai biết. Không ai thấy. Chàng vẫn là đen, vẫn là mặt trời đen của xóm Harlem, huyền ảo. Vừa rời ở New York, nhà thi hào đã nhắm mắt vĩnh viễn, trở về cái đen vĩnh viễn, sau 65 năm hưởng thọ đầy đủ một mùa thơ.

Đây, vài vần thơ của Hughes đã trao rung cảm vào các mạch Thơ Tây phương :

Ca khúc tặng cô gái đen :

Sao ta không là
Một hạt châu
Một hạt châu đã vỡ
Đề rơi xuống chân em
Tất cả kim cương lóng lánh
của ta,
Hỡi em tối tăm của ta kia !

Sao ta không là
Một tấm áo quần

Một tấm áo quần lộng lẫy
Đề tất cả những nếp áo quần
trùm bọc thân em
Thu hút thân em,
ôm xiết thân em,
Hỡi em tối tăm của ta kia !

Sao ta không là
Một ngọn lửa
Một ngọn lửa duy nhất,
tươi sáng. bập bùng.

MỘT THI-HÀO

Đề tiêu tan thân em
Hỏi em tối tăm của ta kia !
(The weary Blues)

Hề đen

Tôi là một chú hề đen
Nàng chẳng có yêu tôi.
Thì tôi lẩn biển vào đêm
Và đêm cũng đen.

Tôi là một chú Hề đen
Nàng chẳng có yêu tôi
Thì tôi khóc, chờ hừng đông đỏ

Đỏ máu tươi trên các núi gò
Và tim tôi cũng đỏ máu

Tôi là một chú hề đen
Nàng chẳng có yêu tôi
Thì với tâm hồn tôi xưa kia
màu vui tươi

Giờ bị xẹp-lép như quả bóng hết
không khí

Tôi đi buổi sáng sớm
Tìm một tình yêu mới và đen

(The weary Blues)



□ Danh ngôn : **Bạn tốt.**

Chỉ trong lúc hoạn nạn mới gặp được bạn tốt.

(C'est dans de le malheur qu'on trouve des amis)

ANDRÉ MAUROIS
(Văn sĩ Pháp)

LỚP NHẠC FLAMENCO

- ★ Lớp nhạc căn bản của các bạn yêu nghệ thuật.
- ★ Thời gian ngắn, kết quả mỹ-mãn.

Do G.S. Đào-Kim Tốt nghiệp Trường Q.G.A.N, hướng dẫn.

Ghi tên : 205/1 Cô-Giang Phú-Nhuận.

Nhân ngày kỷ-niệm

CỤ PHAN-BỘI-CHÂU



Nhân lễ kỷ-niệm 100 năm Sinh-Nhật cụ Sào-Nam Phan Bội Châu (1867-1967) Phở-Thông tạp chí xin đăng nguyên-văn sau đây bài Bái-Thạch Vi-Huỳnh bằng chữ Hán, một kiệt-tác của cụ do ông Nguyễn-Đôn Dư ở Huế gửi vào (Bản quay Ronéo của Ủy-Ban Tổ-chức lễ kỷ-niệm tại nhà thờ cụ Phan, ở Huế).

Bản này, Trung-Tá Phạm văn-Sơn đã có phiên-âm và dịch ra Việt-ngữ trong Phở-Thông số 196 và 197, ra ngày 1 và 15.8-67.

(Xem trang sau)

拜石為兄賦

以石不能言信可人為韻

月落蒼江雲堆黃石。傲却塵容。甫此傑容。相增峻之傲骨。祇應長我十年。挹磊落之奇姿。聊復讓君半席。

亦以石之為物。巍屹。屹。太上人之忘情。大丈夫之不屈。擎天作柱。標萬古之綱常。擲地成聲。響兩間之文章。見止迨止。兄也。匪他。敬之敬之。拜乎敢不。

時或晴嵐訪遠岫。登顏乍接。神忽疑。岩腰鬆而漸緊。山肩從耳。而双陵擲杖。吉嵩。響鳴泉之萬壑。整衣立處。披風瘴之千層。試喚哥哥。定點頭以相許。非嫌碌碌。豈折腰而不能。

逢君半面。咱我。一言。懷風。好月。父乾。母坤。惟君也。霜為毛玉。為髓。惟我也。雪為魄冰。為魂。請猜伯氏之居。五百年前。何處。合序長君之貴。

十二全而為元

似頽似癡亦豪亦俊。顧盼相憐。激昂自信。若干年不屈。膝豈應憚。憚涼。見新月便下階。相對屯。吞。挽袖携為半窗。陪坐東海吐吞蓬萊。右左托新花之五色。可人可人。蘊美璞之連城。類我。遂令忘形骸。幽雅樂有兄賢。曰拜可未乘月而踞虎豹。亦珥石船頭。且臨風而揖神仙。較城山下。柰有襟蒼宇。傲紅塵。蕩胸則八九雲。夢結廬於步。望松筠喜米兄之未老。招石姓以為鄰。三生填海之思。未忘相伯。一片補天之力。又是逢君。弟將青衣冠而整拜。祈四海以為春。

潘佩珠

(Pan-Pai-Chau)

(不押人韻)

DỊCH THƠ VIỆT RA ĐỨC NGỮ

TIẾNG THU

Em không nghe mùa Thu
Dưới trăng mờ thồn thức ?
Em không nghe rạo rục
Hình ảnh kẻ chinh phu
Trong lòng người cô phụ ?

Em không nghe rùng thu
Lá thu rơi xào xạc
Con nai vàng ngơ ngác
Đạp trên lá vàng khô ?

★ LƯU TRỌNG LƯ

Herbstklang

Hoerst du den Herbst nicht
Unter dem duestern Mond schluchzen ?
Spuerst du nicht gespannt
Die gestalt des Kriegers dr ussen auf dem Feld,
Im Herzen seiner einsamen jungen Frau ?

Hoerst du den Herbstwald nicht
In fallenden Herbstblattern saeuseln ?
Das so unschluessige goldene Reh schreitet
Auf duerren goldenen Blaettern. (1)

(1) Chữ a trong động từ *fallt* (rơi) và danh từ *Blatter* (lá) theo Đức-ngữ phải có hai dấu chấm (..) ở trên, nhưng vì nhà in không có chữ Đức nên tạm dùng chữ a không dấu.

SƯƠNG RƠI

Sương rơi
Nặng trĩu
Trên cánh
Dương-liễu,
Nhưng hơi
Gió bắc,
Lạnh-lùng,
Hiu-hắt,
Thấm vào,
Em đi,
Trong lòng
Hạt sương
Thành một
Vết thương,

Rồi hạt
Sương trong
Tan-tác
Trong lòng,
Tả-toi,
Em ơi,
Từng giọt,
Thánh-thót,
Từng giọt
Điều tàn,
Trên năm
Mồ hoang.

Rơi sương,
Cành dương
Liều ngã,
Gió mưa
Toi tả.
Từng giọt,
Thánh thót,
Từng giọt
Toi bời
Mưa rơi,
Gió rơi,
Lá rơi,
Em ơi.

NGUYỄN - VỸ

Fallender Nebel

Fallender Nebel
Schwerlastig
Den Zweigen
Der weiden herunter,
Aber ber Winterhauch
Eiskaltig,
Einsam und traurig
Ist durchdrungen
O meine Liebe !
Im Herzen
Wird der Nebeltropf
Zu einer wunde.

Dann loest sich
Der reine Nebeltropf

Im Herzen vollendet ab,
Duerre und gefuehlos getrennt,
O meine Liebe !
Einzelner Tropf
Zerfallen
Auf dem vergesslichen Grab !

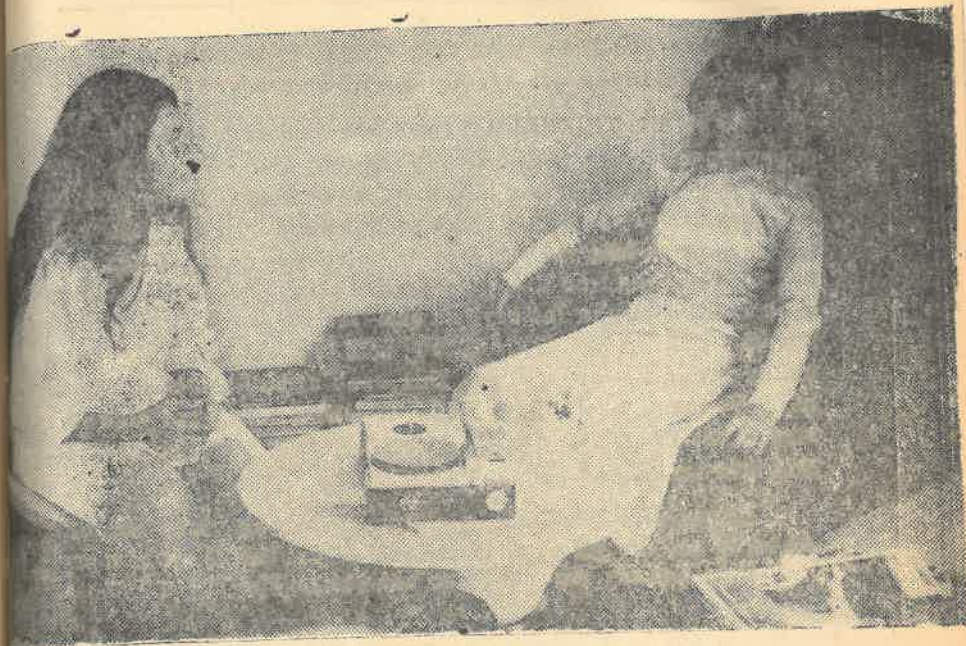
Der Nebel fallt, (1)
Weidenzweige,
Uneins mit sich selber,
Stuermischer Regen,
Einzelner Tropf,
Reinlich und sanft,
Einzelner Tropf,
Endlos und ungestuem
Fallender Regen,
Fallender Wind,
Fallende Blatter (1)
O meine Liebe !

★ *Người dịch : NGUYỄN-THỊ-HẢO*
(Deutchkultur Institut)

Nhắn tin

Ô. VĨNH-MẬU, TAM-KỲ.— Chúng tôi có nhận được điện tin của ông, nhưng không có được bài thơ. Vậy ông gửi liền bài thơ đó, kèm địa chỉ rõ ràng,

Mến,
N. V.



đá - đảo và mini-jupe hoan-nghênh

C ÛNG tưởng thành trong những hoàn cảnh xã hội biến đổi quá nhanh chóng và quá đột ngột của thế-hệ chiến loạn, bị ảnh hưởng toàn diện bởi các phong trào ngoại-lai, các lớp trẻ ở thành-phố hiện nay vẫn không đồng ý thức và quan điểm về nhiều vấn đề sôi-nổi liên quan đến nếp sống của tuổi trẻ.

Là một nhân-chứng khách-quan của thời-đại, luôn luôn đi sát theo những tiến triển xã hội ở Việt-Nam và thế giới đương-kim, tập

MINI-JUPE

chí văn-hóa *Phổ-Thông* thấu thập tất cả các hình-thức tư tưởng và quan điểm suy-tư của các lớp bạn trẻ ngày-nay.

Cô PHAN THỊ THU-MAI (ngồi bên phải hình trên) là một sinh viên ngoại-ngữ, tác giả truyện dài thời đại « *Thu Hiền* » và nhiều truyện ngắn đặc sắc hiện đang trong *Phổ - Thông* chuyên mô tả những nếp sống đau khổ về tinh thần và vật chất của tuổi trẻ, đang tranh luận với cô HOA, nữ sinh Trung-học và bạn thân của cô, về phong trào Mini-jupe trước máy ghi âm. Trong những cuộc tranh luận như thế này, mà cảm-tình cá nhân rất chân thành sâu đậm giữa đôi bạn gái cùng lứa tuổi vẫn không ngăn cản những ý kiến bất đồng về các khía cạnh xã hội, văn-hóa, chính-trị, được thành thực phô bày, trao đổi thẳng thắn, mục đích làm sáng tỏ các vấn đề và ghi dấu hiện trạng xã hội và lịch-sử Việt-Nam trên tạp chí *Phổ-Thông*.

Chúng tôi sẽ đăng mỗi kỳ những cuộc tranh luận liên tục của tất cả các bạn gái về tất cả các vấn đề của thế hệ trẻ hôm nay. Diễn đàn này mở chung cho các bạn gái *Phổ-Thông*

(Xem bài trong số này :
« Tóc dài Váy cắt » trang 74...)

Gần đến kinh kỳ, Bản thân đã đuối, hay là đang hành kinh mà đau bụng, uống **Lôi Công Hoàn « ÔNG TIÊN »**. Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt Saigon 228 Lê-thánh-Tôn. Nhà thuốc « **Ông Tiên** », Phú-Lâm Cholon K.N.BYT. số 1— 9-5-63

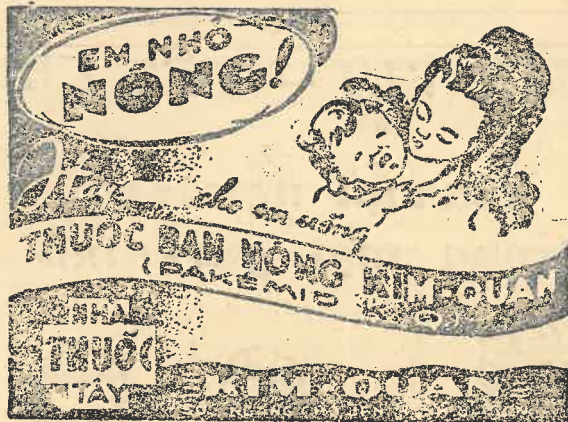
Phong ngứa, Ghè chốc, lở loét, gãi tới đâu lan tới đó hết, uống **Giải Phong Sát-Độc-Hoàn « ÔNG TIÊN »**. 30 năm sáng lập. Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt. Nhà thuốc **Ông Tiên** Phú-Lâm Cholon (K.N. BYT. số 3—9-5.63)

NGUỒN VUI = SỨC KHỎE

của mọi người và
trong mọi gia - đình



**NƯỚC NGỌT CON CỌP Ở ĐÂU
ĐÂY LÀ KHỎE MẠNH. SỐNG LÂU. YÊU ĐỜI**



K.N số 260 ngày 20-6-63

Nhà hàng ĐẠI - LA - THIÊN

Điện-thoại số 26.893

31-33 Đường Lãn-Ông CHOLON

- Đặt biệt các món ăn Tiều
- ✕ Sạch sẽ vệ sinh và ngon miệng
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ phép
- ✕ Có máy điều hòa không khí

Ở lầu 3 lộ-thiên có không-khí thiên-nhiên
trong một khung cảnh huy hoàng diễm ảo

Giấy phép số 292 CDV/TT/NĐ ngày 9-10-1961

Quản-nhiệm : **NGUYỄN-VỸ**

THU LÂM ẮN THU QUÁN
231, Phạm - Ngũ - Lão - SAIGON
Đ. T: 25.861

GIÁ : 30 đồng

Công sở : 35 đồng